

15 THÁNG 11 NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười ba

VIỆT PHƯƠNG *nước Đức trên con đường thống
nhất* * NGUYỄN NGỌC LAN *những trái thủy ngư
lôi ở đáy tách trà* * HOÀNG SỸ QUÝ *một cái
nhìn Đông phương về vấn đề tính dục* * PHẠM
VIỆT CHÂU *Mỹ và Đông Nam-Á* * CUNG GIỮ
NGUYỄN *thời đại Newton* * LÊ PHƯƠNG CHI *tâm
sự Nguyễn Mạnh Côn sau Hòa bình... nghĩ gì ? làm
gì ?* * THẾ NHÂN *nobel văn chương 1969 : Samuel
Beckett* * HOÀNG NGỌC BIÊN *cái còn lại : tiếng
nói — Đi lại (Kịch nhỏ của SAMUEL BECKETT)* *
PHẠM VIỆT TUYỀN — NGUYỄN VĂN TRUNG *nhận
xét về hội nghị Văn bút quốc tế 69* * TỪ TRÌ
thời-sự quốc tế * TRẦN ĐẠI *ngày khai trường* *
PHAN PHỤNG THẠCH *khi về Quảng Trị* * LÊ VĂN
TRUNG *trong mơ tôi thấy các*
em về * **SINH HOẠT** *thời sự*
khoa học * *thời sự văn nghệ* *

309



Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

crème

Flacon de 8 g à 0.5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 76

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 309 ngày 15 - 11 - 1969

VIỆT PHƯƠNG nước Đức trên con đường thống nhất	5
NGUYỄN NGỌC LAN những trái thủy ngư lôi ở đáy tách trà	11
Hoành Sơn HOÀNG SỸ QUÝ một cái nhìn Đông-phương về vấn đề Tính-dục	21
PHẠM VIỆT CHÂU trăm Việt trên vùng định mệnh : Mỹ và Đông-Nam-Á	27
CUNG GIỮ NGUYỄN toán số với cần khôn : thời đại Newton	37
LÊ PHƯƠNG CHI tâm sự Nguyễn-Mạnh-Côn sau tác phẩm Hòa bình.. nghĩ gì ? làm gì ? (phỏng vấn)	43
THẾ NHÂN Nobel văn chương 1969 : Samuel Beckett	55
HOÀNG NGỌC BIÊN cái còn lại : tiếng nói (mấy chữ cho Samuel Beckett)	57
SAMUEL BECKETT đi lại (kịch nhỏ : Hoàng Ngọc Biên dịch)	59
TRẦN ĐẠI ngày khai trường (truyện)	63
PHAN PHỤNG THẠCH khi về Quảng Trị (thơ)	70
LÊ VĂN TRUNG trong mơ tôi thấy các em về (thơ)	71
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ thời sự quốc tế	73
TRÀNG THIÊN, THU THỦY thời sự văn nghệ	77
NGUYỄN VĂN TRUNG mấy lời minh xác về tạp chí «ĐẤT NƯỚC»	78

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

Giá : 40 đ Công sở : giá gấp đôi 80 đ

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

TỦ SÁCH ĐẠI NGÃ

tuyển chọn và phát hành

* **Khung cửa chết của người tình si**

của NGUYỄN-VŨ

* **Đêm hưu chiến**

của NGUYỄN-VŨ

Tái bản lần thứ nhất — Sắp tái bản lần thứ hai —

Bản dịch Anh văn của TRẦN-NHÃ **THE NIGHT
OF THE CEASE FIRE**

* **Thềm địa ngục**

của NGUYỄN-VŨ

Tái bản lần thứ nhất sau 1 tháng — Bản dịch

Anh văn của BÙI-BẢO-TRÚC **PORCH OF HELL**

* **Dấu binh lửa** *ký sự chiến tranh*

của PHAN-NHẬT-NAM

* **Sau cơn mộng dữ** *truyện* NGUYỄN-VŨ

* **Sâu chuỗi bọt nước** *truyện* NGUYỄN-VŨ

Nước Đức

trên con đường thống nhất

Chúng ta đều biết là từ sau Thế chiến 2, nước Đức bị chia đôi. Khu vực chiếm đóng của Anh Mỹ Pháp hợp nhất với nhau mà trở thành nước Cộng-hòa Liên-bang Đức (Tây Đức) từ tháng 5-1949. Năm tháng sau, khu vực chiếm đóng của Liên-xô trở thành nước Cộng-hòa Dân-chủ Đức (Đông-Đức). Từ ngày đó trở đi, có hai nước Đức đối nghịch nhau, thuộc hai phe đối lập trên thế-giới đứng đầu là Hoa-kỳ và Liên-xô.

Một điểm đặc biệt cần chú ý là mặc dầu đã có các hòa-ước ký kết giữa Đồng minh thắng trận với các nước bại trận Ý, Áo, Nhật, nhưng cho tới nay vẫn chưa có một hòa ước nào được ký kết với Đức bởi vì một lý lẽ rất giản dị là chưa có nước Đức nào có đủ tư cách để đứng lên ký kết hòa ước thay thế cho toàn thể nước Đức. Một hòa-ước như thế cần phải có sự hiện diện đầy đủ của tư cường và đại diện của 2 phần nước Đức hay của một nước Đức hợp nhất, điều mà cả 2 phe đều chưa thể tiến tới một thoả thuận.

20 năm đã qua. Cả 2 nước Cộng-hòa Liên-bang Đức và Cộng-hòa Dân-chủ Đức, tuy vẫn thù nghịch nhau, nhưng vẫn hòa bình chung sống, từ chỗ cứng rắn đến chỗ mềm dẻo hơn, nhưng cái ngày thống nhất thì hình như vẫn còn

xa vời. Sự thống nhất đó, tuy được luôn luôn nhắc tới (chúng có là Cộng hòa Liên-bang Đức có một bộ gọi là Bộ Liên Đức sự vụ Ministère des affaires pan allemandes), nhưng cả 2 phe đều không muốn, vì một nước Đức thống nhất sẽ là một mối đe dọa lớn cho Âu-Châu và cả Nga-sô nữa. Một nước Đức thống nhất, với một dân số chừng 80 triệu dân và một nền kinh-tế có thể đứng vào bậc nhì trên thế-giới, nếu ngã về phe nào sẽ làm lệch hẳn cán cân về phe đó.

Hai nước Đức, tuy thịnh vượng nhưng hướng mũi dùi vào nhau, sẽ giữ được thế quân-bình của thế giới ngày nay.

Vì vậy, trừ phi có một sự cố gắng nội bộ đáng kể kéo những người đối lập lại gần nhau hơn, thế giới trong tình thế hiện-tại chưa muốn có một nước Đức thống nhất.

Chúng ta hãy thử nhìn xem trong tình-hình nội tại của cả Đông lẫn Tây Đức có những yếu tố nào thúc đẩy họ tiến lại gần nhau hơn để thực hiện sự thống nhất trong một tương lai gần hay xa.

Cộng-hòa Liên-bang Đức.

Ngày 8-5-1949, nước Cộng Hòa Liên

bang Đức thành lập với sự sát nhập của 3 khu chiếm đóng Anh, Mỹ, Pháp, thủ đô đặt tại Bonn, dân số 58 triệu. Khu vực Tây Bá-linh theo một quy chế riêng biệt. Vị Thủ tướng (Chancelier) đầu tiên là ông Konrad Adenauer. Đảng nắm chính-quyền ngay từ đầu là đảng Dân-chủ Thiên-chúa-giáo, theo một đường lối chống Cộng sắc bén. Sau này, để củng cố vị trí của mình, đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo đã liên minh chặt chẽ với đảng Xã-hội Thiên-Chúa giáo, cũng chống Cộng, nhưng có tính cách mềm dẻo hơn một chút. Liên-minh này đã nắm vững đa số trong Quốc-hội Đức (Bundestag) trong suốt 20 năm, qua 3 trào Thủ-tướng (Adenauer - Erhard - Kiesinger). Riêng ông Adenauer làm Thủ-tướng trong 3 pháp-nhiệm liên (từ 1949 đến 1961) có một đường lối chống Cộng hết sức cứng rắn. Ta nên biết là theo hiến-pháp Cộng hòa Liên bang Đức thì vị Tổng-thống chỉ là một nhân vật tượng trưng, không có thực quyền. Điều khiển chính sách đối nội, đối ngoại là vị Thủ-tướng (Chancelier) và chính phủ của ông.

Dưới triều đại Adenauer, Tây-Đức đã thực hiện được sự phục hưng kinh-tế có thể gọi như là kỳ lạ, không những hàn gắn được vết thương chiến tranh mà còn vượt hẳn các nước lân bang, có một nền kỹ-nghệ phát triển vào bậc nhất trên thế-giới.

Mặc dầu vẫn có 300.000 quân đội Đồng minh Anh, Mỹ, Pháp thường xuyên đóng trên đất mình, Tây Đức nhờ có tình trạng giàu mạnh của mình mà dần dần cởi bỏ được bộ áo lệ-thuộc để trở nên một bạn đồng-minh cần thiết của Tây-phương.

Với việc gia-nhập khối Minh-ước

phòng-thủ Bắc Đại-Tây dương, Tây-Đức đã nghiêm nhiên trở nên một tiền đồn chống Cộng ở bên trời Tây và bạn đồng-minh thân thiết nhất của Hoa-kỳ trên Âu lục.

Với đường lối chống Cộng cứng rắn của mình, Tây-Đức đã trở nên một trong những then chốt chính trong sinh hoạt Âu lục (Khối phòng thủ chung Âu-Châu (CED, Tổ hợp than thép Âu-Châu CECA, Thị-trường-chung Âu-Châu : CEE). Một người kiêu-hãnh như Tướng De Gaulle mà cũng phải chủ trương hòa giải Pháp-Đức, nhờ hậu thuẫn của Adenauer để củng cố vai trò lãnh đạo của mình ở Âu-Châu.

Một dấu hiệu chứng tỏ sự vững mạnh kinh-tế của Tây-Đức là việc nâng 5% giá đồng tiền Mark vào năm 1961, một sự kiện chưa bao giờ có trong lịch-sử kinh-tế thế-giới. Nếu ta biết rằng lúc vừa mới bại trận, đồng Mark đã bị mất giá tới một mức độ kinh khủng là 1 Mỹ kim ăn 4 triệu Mark và chính phủ Đức đã phải thay thế đồng tiền mất giá đó bằng đồng Deutschemark (1 DM ăn 2 triệu Mark cũ) thì ta sẽ thấy việc nâng giá đồng DM, 15 năm sau cuộc thảm bại, là một tiến-bộ kinh-tế kinh-khủng.

Trong suốt thời gian cầm quyền, ông Adenauer đã dựa vào một đa số vững chắc của Liên-minh Dân-chủ Xã-hội Thiên-Chúa-giáo, để thực hiện những cải cách ngoạn mục.

Trên phương-diện ngoại giao, chính thời kỳ Adenauer là thời kỳ mà thuyết Hallstein được thịnh hành nhất (Hallstein là tên một nhà ngoại giao Đức đã đề-xuất ra thuyết này).

Theo thuyết Hallstein, thì chỉ có

Cộng-hòa Liên-bang Đức mới là đại-diện chân chính và duy nhất của toàn thể nước Đức. Chỉ có Cộng-hòa Liên-bang Đức mới có quyền cử đại-diện và tiếp nhận đại-diện ngoại-giao của các nước trên thế giới. Quốc-gia nào ở trên thế - giới bắt chấp tình trạng đó mà đặt quan hệ ngoại - giao hoặc giao dịch với cái gọi là Chính - phủ Cộng-hòa Dân-chủ Đức (Đông Đức) sẽ bị coi là có thái độ bất thân thiện đối với Cộng-hòa Liên-bang Đức và có thể đưa đến việc đoạn giao. Thuyết này được áp dụng một cách triệt để đối với Nam-tur vào năm 1957 và Cuba vào năm 1961. Đối với các nước Ả-Rập như Syrie, Ai-Cập, tuy có đặt quan hệ lãnh sự với Đông Đức nhưng không công nhận, thuyết này được áp dụng một cách mềm dẻo hơn. Trừ Nga-sô không kể, Tây Đức nhất quyết không đặt quan-hệ ngoại-giao với bất cứ một nước cộng-sản nào vì ở những nước đó có tòa đại-sứ của Đông Đức.

Bắt đầu từ năm 1961, khi đảng Xã-hội Dân-chủ trở nên một đảng đối lập, mỗi ngày một thêm uy-thế, và vị lãnh tụ vô địch chống Cộng Adenauer về vườn thì chính sách đó dần dần bớt cứng rắn hơn. Dưới triều đại của ông Kiesinger với ông Willy Brandt làm Phó Thủ - tướng, ta thấy có sự hợp tác giữa 2 đảng đối lập để nắm chính quyền, một sự kiện không thể nào thực hiện được trong thời - đại Adenauer. Với một đường lối có tính cách hòa dịu đối với các nước cộng - sản (đặt quan - hệ ngoại - giao với Lỗ vào năm 1967, tái lập bang giao với Nam-tur vào năm 1968), thuyết Hallstein đã gần như là bị xếp lại. Cũng vì thế mà trong mấy tháng gần đây (từ tháng 5 đến tháng

7/69) có 6 nước trung-lập (Cambốt, Irak, Syrie, Soudan, Nam-Yemen, Cộng-hòa Ả-Rập thống nhất) đã bắt chấp thuyết Halstein, thừa chấp nhận và đặt bang giao với Đông-Đức thêm vào số 13 nước Cộng-sản đã thừa nhận, trước phản ứng của Cộng-hòa Liên-bang Đức cũng không mạnh mẽ như trước kia. Trong tương lai, có lẽ thuyết « Hai nước Đức » sẽ được chấp nhận và tại nhiều nước sẽ có đại-diện của cả Đông lẫn Tây-Đức. Đó là đường lối hướng về phương Đông mà đảng Xã hội Tây-Đức có lẽ sẽ lựa chọn khi lên nắm chính quyền

Sự thay đổi trong giới cầm quyền ở Cộng hòa Liên bang Đức

Như ở trên đã nói, trong suốt 20 năm trời, qua 5 lần bầu cử Quốc-hội, đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo giữ vững đa số trên 240 ghế và liên tục nắm chính quyền. Đảng Xã-hội bị đơn độc trước một liên-minh vững chắc Dân-chủ xã-hội Thiên Chúa-giáo và Tự do. (Đảng Tự-do là một đảng thiểu số từ trước vẫn theo đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo) nên luôn luôn bị thất bại. Tuy nhiên số phiếu ủng hộ đảng đó và số ghế mà đảng đó lượm được ở Quốc-hội cứ mỗi ngày một gia-tăng. Lần cuối cùng (1965) đảng đó lượm được 39,3% tổng số phiếu và 202 ghế so với 47,6% và 245 ghế của đảng Dân chủ Thiên-Chúa-giáo. Thiểu số đó đã trở nên một thiểu-số quan trọng khiến cho Đảng chính quyền không thể nào bỏ qua được nếu muốn làm việc hữu hiệu. Vì thế cho nên lãnh-tụ đảng Xã hội Dân-chủ, ông Willy Brandt, được mời làm Phó Thủ-tướng (vice-chancelier) trong chính phủ Kiesinger.

Đến cuộc bầu cử Quốc-hội ngày 28-9-69 thì Đảng Dân-chủ Xã-hội đã

toàn hảng, mặt dầu số phiếu vẫn thua đảng Dân-chủ Thiên-Chúa giáo hơn 1.000.000 và số ghế vẫn thua 18 ghế (224/242). Nhưng cái thắng của Đảng Xã hội ở đây là thực hiện được liên-minh với đảng Tự-do, trước kia vẫn ủng hộ đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo. Đảng này chỉ lợm được 5,8% số phiếu và 30 ghế ở Quốc-hội (một thất bại so với kỳ tuyển cử trước). Nhưng sự liên-minh giữa 2 đảng đó sẽ đem số ghế của họ lên số 254. Nếu bỏ ra ngoài 3 ghế của những đại-biểu không tán thành liên-minh thì họ cũng đủ số ghế 251 (đa số tuyệt-đối) để nắm chính quyền. Về tổng số phiếu, liên-minh cũng hơn đảng Dân-chủ Thiên Chúa-giáo khoảng 700.000 phiếu, đa số tuy có vẻ khít khao nhưng cũng đủ để đẩy đảng Dân chủ Thiên Chúa-giáo ra khỏi chính quyền sau 20 năm thống trị, điều mà ngay cả gần đây cũng không ai có thể ngờ tới. Có thể là đảng Dân chủ Thiên-Chúa-giáo vì quá chủ quan đã vụng về để mất sự hậu thuẫn của đảng Tự-do. Cũng có thể là một số đảng viên Dân-chủ Thiên Chúa giáo đã bỏ phiếu cho đảng Quốc-gia Dân chủ (Một đảng Tân-phát xít có xu hướng phục thù) nên Đảng Dân chủ Thiên Chúa-giáo tuy có lợm được một số phiếu của cánh hữu đảng Tự-do, nhưng cũng không đánh thắng bằng được sự mất phiếu của mình. Đảng Quốc-gia Dân chủ được số phiếu 4,3% (kỳ trước chỉ có 2% đã bị gạt bỏ không có ghế nào cũng như nhóm cực tả. Thành ra những phiếu của đảng Dân-chủ Thiên Chúa-giáo đã mất đều không lấy lại được. Còn đảng Xã-hội thì cả số phiếu và số ghế đều tăng-gia rõ rệt, lần thứ nhất vượt qua bức tường âm-thanh (Đó là tỉ số 40% mà họ đặt ra như là một

cái mức để vượt qua). Còn cánh tả đảng Tự-do thì phen này nhất quyết liên-minh với đảng Xã hội. Vì thế cho nên kỳ này tuy họ bị thua thiệt, nhưng chính họ là kẻ thắng. Vì số phiếu và số ghế họ đem lại cho đảng Xã-hội đã làm lịch hản cán cân về đảng này và thay đổi chiều hướng lịch sử của nước Đức.

Sau khi thắng phiếu trong cuộc bầu cử rồi, hai đảng Xã-hội Dân-chủ và Tự-do đã ký kết khế-ước liên-minh. Đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo cũng đã cố gắng một lần cuối cùng lôi kéo đảng Tự-do nhưng thất bại. Chính phủ tương lai của Cộng-hòa Liên-bang Đức sẽ là một liên-minh tả phái Brandt-Scheel, với những thay đổi lớn lao cả về phương diện đối nội lẫn đối ngoại.

Quả nhiên ngày 21-10 ông Willy Brandt được Quốc-hội đề cử làm Thủ-tướng với 251/495 phiếu. Đa số tuyệt đối là 249 Chức vị Phó Thủ-tướng sẽ vào tay lãnh tụ đảng Tự-do là ông Scheel. Lần đầu tiên từ 20 năm nay, đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo tuy vẫn là một đảng đa số với nhiều số ghế nhất, bị hất ra khỏi chính quyền, đứng vào hàng ngũ phe đối-lập. Trong tương lai, nếu đảng Xã-hội cầm quyền đáp đúng nguyện vọng của dân chúng Tây-Đức, chắc chắn đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo sẽ còn mất phiếu nhiều hơn nữa. Hiện nay vì mới bị một đòn quá đau mà không chuẩn bị tinh thần trước để chịu đựng, các lãnh-tụ đảng này như ông Kiesinger và nhất là ông Strauss, một nhân vật chống Cộng nổi danh, đã lên tiếng chỉ trích liên-minh Xã-hội Tự-do cho đó là một Liên-minh miễn cưỡng và yếu kém; không tranh đấu cho quyền lợi của dân chúng Đức.

Nhưng có một điều chắc chắn là Đảng

Xã-hội lên cầm quyền sẽ có một chính sách khác hẳn đảng Dân-chủ Thiên-Chúa giáo. Những khác biệt đó chắc sẽ thấy rõ trong những tháng tới.

Có 2 việc chắc sẽ thực hiện trong một tương lai gần đây là việc nâng giá đồng Deutschemark từ 6 đến 7% và việc đặt quan-hệ bình-thường với Balan. Việc thứ nhất tuy chứng tỏ sự vững mạnh của nền kinh tế Tây-Đức, nhưng sẽ gây kh. khăn cho những nước trong khối Thị-trường-chung Âu-Châu trong việc trao đổi hàng hóa và tiền-tệ với Tây-Đức. Chính phủ Brandt chắc sẽ mạnh dạn thực hiện vì nó sẽ nâng cao đời sống của giới thợ thuyền. Việc thứ 2, chính phủ Brandt cũng sẽ xúc tiến việc đặt quan-hệ ngoại-giao với Balan. Muốn thực hiện được việc này, Cộng-hòa Liên-bang Đức cần phải tạm thời gác bỏ vấn đề Oder-Neiss, thì mới có thể nói chuyện với Balan về các vấn-đề khác. Chúng ta điều biết là chính quyền dân chủ Thiên Chúa-giáo không bao giờ chịu công nhận biên giới Oder Neiss và phần đất mà Đông Đức bắt buộc phải nhường cho Balan (1). Thông được với Balan thì vấn đề giao dịch với các nước Cộng-sản khác (cả Âu Châu lẫn Á Châu) sẽ không còn gặp nhiều khó khăn. Tây Đức đã trở nên một nước lớn mạnh về kinh tế sẽ không sợ áp lực của Hoa-kỳ. Riêng đối với Đông-Đức, những cuộc tiếp xúc giữa hai bên chắc sẽ được tăng cường để tiến tới một hình thức sống chung: trao đổi kinh tế, văn hóa. Thuyết Hallstein sẽ đứt khoát bị gạt bỏ. Tại nhiều nước Cộng-sản, Tây Âu và trung lập sẽ có đại diện của cả hai phần nước Đức.

Chính phủ Brandt sẽ hướng trọng tâm



Tân Thủ-tướng Willy Brandt

hoạt động về vấn đề đối nội như tìm cách giảm bớt những bất công xã-hội, nâng cao mức sống của thợ thuyền (hiện nay còn tới 40% thợ thuyền, lợi tức dưới 150 đô-la 1 tháng) cải thiện giáo dục (chú trọng đến giáo-dục sinh-lý) y-tế xã-hội, tăng cường kỷ luật, trật tự, và chống nạn lạm phát

Chính nhờ chương trình cải tiến xã hội lớn lao và thiết thực của đảng Dân-chủ Xã-hội mà đảng này đã lượm được nhiều phiếu của giới phụ nữ và thợ thuyền.

Đảng Dân-chủ Xã-hội thắng lợi không những ở những khu vực kỹ nghệ như Rhenanie, Westphalie, Palatinat, Hesse, Hambourg, mà còn cả ở những khu vực mà xưa nay đảng Dân-chủ Thiên-Chúa giáo vẫn thắng thế như Cologne, Bonn, Schleswig Holstein, Basse Saxe. Đảng Dân chủ và Xã-hội Thiên-Chúa-giáo chỉ còn thắng thế ở mấy tỉnh miền Nam thuộc vùng Bavière và Bade Wurtemberg.

Nói tóm lại, chính phủ của đảng Dân

(1) L.T.S xin xem thêm bài: Cộng-hòa Nhân-dân Ba-lan trên BK 305 (15-9-1959).

chủ Xã-hội vừa mới được bầu lên với đa số 2 phiếu do ông Willy Brandt lãnh đạo. Ông Willy Brandt (55 tuổi, cựu Thị trưởng Tây Bá-linh, cựu Phó Thủ-tướng kiêm Ngoại-trưởng trong Chính-phủ liên hiệp Dân-chủ Thiên Chúa giáo-Xã hội (Grande coalition) của Thủ-tướng Kiesinger, được nhiều người ví như một J.F. Kennedy của Tây Đức vì chủ trương chung sống hòa bình và hòa giải Đông Tây của ông.

Với những cải cách táo bạo cả ở trong lẫn ngoài trong những ngày sắp tới, thay đổi lớn lao vị-trí của Tây-Đức, ông Willy Brandt cùng chính phủ của ông chắc sẽ gây nhiều chấn động ở Âu Châu và thế-gới khiến nhiều nước phải lo ngại: nhất là Hoa-kỳ từ xưa đến giờ vẫn tin cậy nhất ở Tây-Đức, thành trì chống cộng ở Tây-Âu.

Những tháng tới sẽ cho ta thấy rõ hơn những thực hiện của chính phủ mới của Cộng-hòa Liên-bang Đức.

Cộng-hòa Dân-chủ Đức

Thành lập ngày 7-10-1949 (5 tháng sau Cộng hòa Liên-bang Đức), Cộng-hòa Dân-chủ Đức tức Đông Đức là một nước Cộng-sản với chừng 17 triệu dân, thủ-đô là Pankow (Đông Bá-linh), theo đường lối cộng sản cứng rắn, đồng minh trung thành nhất của Mạc-tư-khoa. Lúc đầu Cộng-hòa Dân-chủ Đức do Wilhem Pieck làm Chủ tịch,¹ Otto Grotewohl làm Thủ-tướng và Walter Ulbricht làm Tổng bí-thư đảng Xã-hội Dân-chủ thống nhất (đảng Cộng-sản). Hiện nay, 2 người trên đã chết và chỉ còn Walter Ulbricht, nhà lãnh đạo kỳ cựu nhất của đảng Cộng sản Đông Đức, là vẫn còn đứng vững với một đường lối cứng rắn của những kẻ sáng lập.

Trong những năm đầu, Đông Đức phải trải qua nhiều khó khăn.

— Phân định lại biên-giới với Balan. Lấy sông Oder Neiss làm biên giới, nhường hẳn cho Balan vùng Đông Phổ (Prusse Orientale) và vùng Haute Silésie là một vùng kỹ-nghệ giàu mạnh. Việc này bị Tây Đức kịch liệt phản đối, không bao giờ công nhận biên giới mới đó.

— Xây dựng lại những khu vực bị chiến tranh tàn phá: hầu hết các thành phố lớn như Berlin, Dresde, Leipig, với những vấn đề cứu-tế xã-hội rất khẩn cấp.

— Đối xử với quân đội chiếm đóng Liên-xô lên tới 300.000 và phải trả một khoản bồi thường chiến tranh là 10 tỉ đôla.

— Đối xử với quân đội chiếm đóng Liên-xô lên tới 300.000 và phải trả một khoản bồi thường chiến tranh là 10 tỉ đô la.

— Đối phó với phong-trào di cư sang vùng Tây-Đức và Tây Bá-linh của một số lớn dân chúng không chịu nổi chế độ Cộng-sản hà-khắc. Dựng một hàng rào dây kẽm gai kiên-cố suốt dọc ranh giới Đông và Tây-Đức, và bắt đầu từ tháng 8-1961 xây bức tường Bá-linh mà bên thế giới tự-do thường gọi là bức tường ô nhục, ngăn đôi Đông và Tây Bá-linh, chặn đứng hẳn phong trào di cư sang Tây-Đức. Bức tường đó cao 3m5, dày 0m50, dài 40 cây số, có 200 chòi gác, 250 nút chặn, có 10.000 lính gác thường trực, Tổng kém chừng 20 triệu mark. Trước khi có bức tường, số dân tỵ nạn sang Tây Đức lên tới 1.730.000, riêng tại vùng Berlin (40 đến 60% tổng số dân tỵ nạn Đông Đức, chừng 3 triệu.) Gây thiệt hại hằng năm cho Đông Đức tới 3 tỉ mark (khoảng 160 tỉ bạc VN).

Từ sau khi có bức tường cũng có khoảng 26.000 người trốn được sang Tây Đức, nhưng con số đã giảm thiểu

(Xem tiếp trang 82)

Những trái thủy ngư lôi ở đáy tách trà

Đạo là đường. Ai cũng biết thế. Nhưng chưa hẳn « đi đạo » đã là chuyện thường tình hơn « giữ đạo ». Đạo vẫn dễ xuất hiện như một pháo đài lù lù trước mũi chúng ta.

Không thiếu gì sự kiện tiêu biểu cho tình trạng và nhất là não trạng pháo đài kia.

Khi đã muốn chú ý đến một não trạng hơn là một tình trạng, dĩ nhiên chúng ta có thể bỏ qua những hiện tượng « nổi » trên giòng sông mặt biển, tuy dư luận thường chỉ xúc động trước những hiện tượng đó. Chúng ta chỉ cố mở mắt nhìn sâu vào lòng nước, quan tâm đến từ một đợt sóng ngầm cho đến từng trái thủy ngư lôi vẫn yên tĩnh nằm chờ đâu đó. Có thể một trái thủy ngư lôi cỡ nhỏ mà không kém tàn ác sẽ bị bắt gặp ngay dưới đáy tách trà hay chén cà phê buổi sáng. Chuyện đó chỉ là chuyện đùa khi là khám phá của một nhà ái quốc quá nhiệt-thành trong việc chống-cộng hay ngược lại trong việc chống - sự - chống - cộng như trong một chương *Con Voi* của Slawomir Mrozek. Nhưng ở đây thì không khéo lại là chuyện thật và chuyện xảy ra hằng ngày.

Như thế nói đến những « sự kiện tiêu biểu » không phải là đề cập đến những vụ kỳ thị tôn giáo — có thật hay

không có thật, chiều ngược hay chiều xuôi — đã làm chấn động dư luận. Không bàn đến những chế độ những đường lối chính trị. Không quan tâm đến cả những cảnh hai tập thể đụng độ nhau ngoài đường với dao búa hay với vỏ chai la de.

Chúng ta khỏi cần mất thì giờ với chuyện có kỳ thị tôn giáo hay không có kỳ thị tôn giáo theo cái nghĩa cổ điển của mấy chữ đó. Đất nước chúng ta đã hơn hai chục năm cố tìm đếm từng đêm không tiếng súng ở từng góc nông thôn hay thành phố, nhưng những kẻ bảo là chưa hề có chiến tranh vẫn còn có thể « có lý » được, nói gì đến những người trong cơn sáng khoái kinh niên của tâm hồn vẫn quả quyết rằng « kỳ thị tôn giáo » chỉ là chuyện tưởng tượng. Tất cả, họ đều có lý.

Đã qua từ lâu rồi cái thời còn những cuộc chinh Đông chinh Tây của các đạo quân Hồi giáo. Đã qua từ lâu rồi những cuộc phiêu lưu của thập tự quân, lai rai hằng mấy thế kỷ, những « chiến tranh tôn giáo » giữa Thệ phản và Công giáo kéo dài cả trăm năm.

Tất cả những vụ ấy xưa quá rồi. Những kẻ đã giết người rồi đã bị người giết vì kỳ hiệu răng lược liềm, vì năm mồ không còn Chúa, vì thập giá ngược

hay thập giá xuôi hãy yên nghỉ giấc ngàn thu ! Kỳ thị tôn giáo, chém giết nhau để bênh giữ những pháo đài đạo đã thành chuyện ngàn năm trước, xa xưa. Chúng ta đang đạp chân lên cung trăng. Chúng ta sắp đem về các phòng thí nghiệm để phân chất hằng chục kí lô đá sỏi một vùng chưa hề có dấu chân của chiến sĩ Hồi giáo hay thập tự quân hay của một đạo binh tôn giáo nào khác.

Ở đây chỉ là những chuyện nhỏ nhất hằng ngày. Những trái thủy ngư lôi ở đáy tách trà hay chén cà phê. Các đặc phái viên Thông tấn xã ngoại quốc, các báo chí trong nước không cần phải mất thì giờ vì những chuyện nhỏ nhất đó. Nhưng có nhìn kỹ những trái thủy ngư lôi ở đáy tách trà, anh với tôi mới đỡ phải ngạc nhiên nếu một ngày nào đó trong quá khứ hay trong tương lai, chúng ta bỗng dưng bắt gặp mình, anh một bên, tôi một phía, ở giữa hai đám người hăm hăm sát khí chỉ chực xông vào nhau với vỏ chai la-de và dao búa.

Trừ phi, tốt hơn, ngày này qua ngày khác, chúng ta đã cố làm công việc có vẻ làm cảm là gỡ dần những trái thủy ngư lôi ở đáy tách trà, ly cà phê kia. Chứ không tránh né bằng cách chỉ uống với nhau qua một cọng rơm.

oOo

Lần trở ra Huế đầu tiên sau Tết Mậu Thân ôi đã có dịp đến thăm một Cô-nhi-viện do tôn giáo A phụ trách. Xin phép tạm gọi là « tôn giáo A » rồi sẽ nói đến « đạo B » để khỏi phiền lòng ai cả. Trong khu đất rộng rãi, hầu hết nhà cửa đã tan nát chỉ còn trơ lại ba dãy nền. Năng tháng năm chạm chói lọi trần thêm vẻ phi lý thể thảm của những dãy nền chốc lờ ấy. Bên phải cổng vào còn một căn nhà hai tầng

đang được vá víu hay xây lại — tôi không còn nhớ nữa — để làm chỗ nương thân cho hơn một trăm em bé mồ côi, không kể một số đã phải tạm gửi qua nơi khác. Tôi đến vào lúc các em đang ăn tối, tuy chỉ mới 6 giờ chiều. Mười chiếc bàn nằm song song dưới mái hiên phía sau. Mỗi bàn qui tụ mười, mười hai em. Đồ ăn dĩ nhiên là không phải của ngon vật lạ gì, nhưng quả là « cơm nóng canh sốt » có vẻ sạch sẽ, đầy đủ. Đáng chú ý nhất là bầu khí yên tĩnh, hiền hòa giữa các em mồ côi ấy vào một lúc mà ở bên ngoài người ta đang có thể tranh giành nhau từng miếng cơm manh áo.

Bỏ Cô-nhi-viện ấy ra về, tôi còn ghé thăm một tu sĩ thuộc « đạo B » ở ngay gần đó. Tu sĩ này còn trẻ, có kiến thức rộng hơn mức trung bình, hoạt động, vui tính. Và trong câu chuyện khi tình cờ tôi có dịp nhắc đến Cô-nhi-viện láng giềng, tu sĩ chỉ đáp lại bằng có một câu dứt khoát : « Cô-nhi-viện gì cái thứ đó. Cô-nhi-viện mà không có cô-nhi-ấy à. Chỉ có năm ba đứa nhỏ và cái bảng hiệu để có cơ lãnh đồ viện trợ ». Tôi không đính chính vì biết là vô ích. Nhưng chiều hôm ấy tôi bỗng hiểu tại sao người không cùng tôn giáo vẫn dễ nghi kỵ nhau và cả một bí mật rừng rợn bao trùm mỗi bên khi từ bên này nhìn qua bên khác. Chúng ta đâu có « nhìn » được nhau cho cam. Một nào trạng nào đó vẫn không cho thấy nhau hay chỉ cho thấy nhau qua những ống kính lệch lạc. Và hơn bao giờ cả tôi cảm thấy thấm thía thế nào là vài trăm thước phân cách một ngôi nhà thờ với một mái chùa có thể xa xôi hơn ngàn vạn hải lý sông dài biển rộng. Và trong nếp sống thường ngày, những hành động, cử chỉ nhỏ nhất nhất để vượt qua từng trăm thước đó hẳn

còn cần thiết và quan hệ hơn những cơ cấu, tổ chức gọi là hòa đồng tôn giáo. . . thượng đỉnh giữa các vị chức sắc một năm vài ba đạo có dịp ngồi uống trà với nhau để chụp ảnh đăng báo. Cứ thử nghĩ đến những gia đình không đồng tín ngưỡng qua lại với nhau, đến hai người thợ cùng sửa một chiếc honda, đến năm bảy sinh viên Công giáo chen lấn với một nhóm sinh viên học sinh Phật tử để làm cỏ ở Cô nhi viện Diệu-quang như họ đã làm suốt một ngày chủ nhật nào đó...

Vì điều quan hệ vẫn không phải là thay đổi những khẩu hiệu mà là thay đổi cả một lối nhìn. Cái lối nhìn mà vô tình chúng ta đã truyền lại cho cả những đứa trẻ ngây thơ nhất như một di sản bất di bất dịch, tất nhiên đã thế là phải thế. Ai đã đọc lá thư Nhất Hạnh gửi cho Đỗ mạnh Tri (1) mà không nhớ cái câu chuyện « Ra mà coi, ông cha chớ ông thầy bây ời ». Câu chuyện xem ra thật dễ thương. Nhưng nghĩ cho kỹ, cái bề ngoài dễ thương đó che đậy cả một thực chất bi đát. Trời đất Đalat đâu có chật hẹp. Con đường dốc xuyên qua những rừng thông xanh nào có dành riêng cho ai và như đưa đi không biết đến mãi tận đâu. Một bóng áo đen, một vóc nâu sồng cùng xuất hiện trên một chiếc xe Vespa trắng thì cũng như màu vàng của nắng, sắc lơ da trời, màu xanh lá thông, sắc nâu thân cây chen lẫn hòa hợp với nhau, tự bản chất có gì là lạ. Tại sao các em bé làng Tùng Lâm chiều hôm ấy lại phải kêu nhau ra bên đường : « Ra mà coi, ông cha chớ ông thầy bây ời ! ». Như thế Nhất Hạnh và người bạn linh mục đã biểu diễn một màn xiếc phi thường hơn cả khi cọt beo song hành một nhịp

bên nhau. Nghĩ cho kỹ thì thật là tội nghiệp cho những mái đầu xanh con em của chúng ta. Chúng ta đã làm gì, đã nói gì đã xử trí hằng ngày như thế nào để đến nỗi đã — vô tình hơn là hữu ý, gián tiếp hơn là trực tiếp — gieo vào đầu óc chúng những ấn tượng nào đó khiến chúng có thể phản ứng như thế kia. « Ra mà coi, bây ời ! Ông cha chớ ông thầy ». Sở dĩ có câu nói dễ thương đó chính vì trong đầu óc non nớt của chúng, đám trẻ vẫn hình dung là bình thường giữa ông thầy với ông cha phải có một bức tường dày hơn bức màn sắt mới là... hợp đạo ! Mà không riêng gì ở Tùng Lâm, trẻ em ở bất cứ nơi nào khác hẳn cũng phản ứng tương tự...

Có lẽ chúng ta khó ý thức mình đã làm những gì, đã nói những gì, đã xử trí hằng ngày như thế nào để đến nỗi tác hại sâu xa như thế. Vì khi làm, khi nói vẫn là với rất nhiều thiện chí và với một ý hướng thật là đạo đức. Như có một linh mục cách đây chừng bốn năm đã giúp một đám trẻ ở Xóm Lách — gần cầu Trương Minh Giảng Saigon — chuẩn bị một nghi lễ Công giáo (2) bằng những lời lẽ như thế này : « Nhờ nghi lễ này, các em thật là vô phúc. Vì sau nghi lễ đó giá như có quả bom rơi trên nhà thờ này các em sẽ lên Thiên đàng rất cả không như đám trẻ « ngoại đạo » ở xóm bên cạnh nếu bị chết vì cũng một quả bom ấy thì chúng sa xuống hỏa ngục hết cả ». Vô tình vị linh mục ấy vừa nhồi sọ cho đám trẻ một

(1) Lá thư này đã « thay lời tựa » *Chúng từ năm năm : Hòa Bình và quê hương*, của tác giả.

(2) Người Công giáo gọi là « Xưng tội và rước lễ lần đầu ».

thứ giáo lý không mấy đứng đắn về thiên đàng hỏa ngục, vừa làm một công việc rất phản giáo dục. Ông tập cho lũ trẻ có cái thái độ mà chính Đức Yêsu đã lên án trong dụ ngôn « người tách biệt người thu thuế ». Tin mừng theo Thánh Luca kể :

« Với những kẻ tự tin rằng mình là chính trực mà khinh-miệt người khác, Ngài nói ví dụ này : « Hai người lên Đền thờ cầu nguyện, một người là phái tách biệt, còn người kia là một người thu thuế. Người phái tách biệt đứng nghênh ngang mà cầu nguyện trong lòng : « Lạy Thiên Chúa tôi, tôi đội ơn Người, là vì tôi không phải như ai khác, gian-tham, bất-lương, ngoại-tình hay là như tên thu thuế kia. Mỗi tuần tôi ăn chay hai lần, tôi nộp thuế thập-phân về hết mọi vật tôi mua ». Còn người thu thuế đứng lên đàng xa, không dám ngước mắt lên trời, nhưng đấm ngực mà rằng : « Lạy Thiên Chúa tôi, xin dung thứ cho tôi là đứa tội lỗi ! » Ta bảo các ông : người này khi xuống về nhà thì đã được nên người chính trực, chứ người kia thì không ! »

(Lc 18 9-14)

Vị linh mục đầu có nghĩ rằng ông đang đúc nên những chú « tách biệt » tí hon để lát nữa ra đường lại reo : « Ra mà coi, ông cha chớ ông thầy bây ơ », rồi lớn lên lúc nào cũng sẽ sẵn sàng chết vì đạo, nghi kỵ vì đạo, vu khống vì đạo, đấm đá vì đạo, giết người vì đạo nhưng chưa hẳn đã sẵn sàng sống đạo. Mà luôn luôn vẫn với rất nhiều thiện chí ! Như về thiện chí của linh mục nọ, thật là không thể nghĩ ngờ gì được. Riêng tôi vẫn quý mến ông và vừa có thêm một bằng chứng cụ

thể về thiện chí đó : bốn năm sau câu chuyện trên, ông đem từ Lục Tỉnh về cho xem cả một mớ ảnh kỷ niệm những cuộc tiếp xúc thân tình gần đây với ông Đạo Dừa. Cả ông Đạo Dừa lẫn vị linh mục đều có những nụ cười thật là chân thành và tươi sáng. Tôi chỉ cầu chúc ông Đạo Dừa một ngày đẹp trời nào đó có chống gậy tìm lên Thiên Đàng thì đừng vô phúc đi lâm vào Thiên Đàng của đám trẻ đã được ông bạn linh mục giảng dạy cho bốn năm trước đây. Kẻo rồi lại sẽ chỉ còn biết đành ngồi trước cửa mà tuyệt thực vô thời hạn.

Tôi dám tưởng là mình hiểu các em-bé-bom-nổ-cứ-việc-nổ-là-vào-thiên-đàng này, cũng như đám em bé làng Tùng-lâm trên kia. Tôi thương chúng, vì chính tôi cũng đã là một đứa bé như chúng. Hay đúng hơn mặc dầu đã to đầu hơn. Vì kỷ niệm tôi sắp ghi lại nơi đây là một kỷ niệm của tuổi mười bốn mười lăm, một kỷ niệm sẽ khó còn quên được từ khi nó hiện về lại trong tâm tư mình. Hồi ấy chỉ vì một chiếc tàu bay Mỹ thả độc có một quả bom phá hủy một đầu máy xe lửa nằm nghỉ phía sau Nhà Thờ mà cả một thành phố Nha Trang đã như bắn loạn lên. Và cũng vì thế sau một tháng tạm tản cư về Hà Dừa, tôi phải bỏ học giữa năm « 2e année » (đệ lục bây giờ) để về sống với gia đình ở Tuy Hòa. Tuy Hòa vào những năm 44-45 còn là một thành phố bé nhỏ — trung tâm hành chánh của Phú Yên hồi đó vẫn còn là Sông Cầu — tuy về mặt buôn bán đã bắt đầu tỏ ra có tương lai hơn Sông Cầu nhiều. Chúng tôi ở một căn nhà thuê trên một con đường phố nhỏ, yên tĩnh : xe nhà binh Nhật chẳng bao giờ phải qua lại, thì phải kể như

tính đến cả năm cũng chẳng bao giờ thấy bóng dáng một chiếc xe bốn bánh nào khác chạy ngang. Bên kia đường là nhà của một cặp vợ chồng mục sư trẻ tuổi. Hình như hai ông bà chỉ vừa đến đây truyền giáo không được bao lâu và họ cũng thuê nhà như gia đình chúng tôi. Họ chỉ ở đâu phía căn trong, còn căn ngoài được dùng làm chỗ họp kinh. Mỗi tuần, cứ vào chiều tối thứ tư, mười mười lăm người đến đây nghe giảng Kinh Thánh rồi cầu nguyện với nhau. Còn ngoài ra, căn nhà ít khi mở cửa. Ông bà mục sư chỉ có một hai đứa con dại, chưa cần dùng đến phía trước hè như bên gia đình đông anh em chúng tôi. Dẫu sao con đường chỉ rộng ba bốn thước ngăn cách một gia đình Công giáo với một gia đình Tin lành thật ra đã là cả một đại dương. Bọn nhóc con chúng tôi đã không bao giờ nghĩ đến chuyện bước qua phía bên kia cũng như đã không bao giờ có thể nghĩ đến việc thỉnh thoảng qua Tây xem đá bong. Nhưng những tiếng la hét gửi sang bên đó thì nhiều lắm. Trước tiên là vì một người hành khất... Hồi ấy có một ông ăn xin bao giờ cũng trần trụi trọc, nhưng lực lưỡng, vạm vỡ. Và vì thế hẳn thấy ông mon men đến nhà mình xin bố thí là chúng tôi xua đuổi. Dĩ nhiên là vì những lý do rất cao cả. Người mạnh khỏe như thế mà đi ăn xin thì đến nát cả xã hội. Người hành khất ấy bị xua đuổi chán rồi cũng chẳng thèm đến xin xỏ gì nữa. Nhưng anh ta lại tìm được chỗ dung thân và đóng đô ở bên kia đường, ngay trên hè nhà của vị mục sư tin lành mới ngửa mắt chứ. Mỗi lần đi ăn xin ở đâu về, anh ta lại tọa lạc bên đó, và vì bị phong ngứa thế nào không biết, anh ta

bỏ ra hằng giờ đề cả đầu đặn tấm lưng vào tường... tin lành. Mỗi lần thấy như thế, bọn nhóc chúng tôi lại kéo nhau ra trước hè bên này nói vọng qua bên kia đường gây sự với anh ta. Để giữ vệ sinh cho mặt trường tin lành? Hay để bệnh vực về mỹ quan của thành phố? Bây giờ tôi chẳng còn nhớ nữa.

Nhưng người hành khất hay cả lưng vào mặt tường tin lành đã chỉ mới là cơ hội thứ nhất để bên này « đại dương » có tiếng vang qua bên kia. Vì còn phải kể đến những buổi họp kinh mỗi tối thứ tư nữa. Cứ hễ bên kia vị mục sư đọc hay diễn giảng Thánh Kinh là bên này, anh em chúng tôi thi nhau hát hò ồm ồm lên. Dĩ nhiên là hát những bài thật là... đạo đức... kể cả một bài tiếng Tây học lỏm được trong các nhà thờ hồi ấy, lời ca nhịp nhạc nghe ồn ào như một bài diễn hành ca của lính lê dương. Tôi còn nhớ mấy câu đầu: « Je suis chrétien

Voilà ma gloire

Mon espérance

Et mon soutien... » (1)

Với những điệu ca hùng hồ như thế và những tiếng hát còn ồn ào hơn nữa, bọn nhóc con chúng tôi đã muốn làm công việc cao cả: phá rối công việc ma quỷ làm ở bên kia đường. Từ bé chúng tôi chỉ biết tin lành là bọn lạc đạo theo ma quỷ, cho nên phá đám một buổi kinh thánh, kính thiếc của họ là phá đám công việc của ma của quỷ: điều đó là điều hiển nhiên quá trong đầu óc chúng tôi. Phá đám để lập công đức trước mặt Chúa! Tuần

(1) Tôi đây là Ky tô hữu. Đó là vinh dự của tôi. Hy vọng của tôi. Sức nâng đỡ cho tôi.

này qua tuần khác, vẫn lập công đức đều đều như thế, Và tuần này qua tuần khác trong khi người hành khất có những lần nổi giận trợn mắt trợn mồm chửi chúng tôi hay còn chạy đuổi dọa dẫm chúng tôi, thì vị mục sư trẻ đã không hề có một cử chỉ hay một lời phản đối, Nhóm tín hữu tin lành vẫn điem tỉnh nghe giảng, hát thánh ca. cầu nguyện như không có gì xảy ra.

Thế rồi tết đến, Ngày mồng một rồi ngày mồng hai. Gia đình chúng tôi đã đi chúc tết hết một lượt những gia đình thân quen trong thành phố nhưng không hề có cái ý tưởng ngộ nghĩnh là bước qua bên kia con đường, vượt sang bên kia đại dương. Thế mà bỗng nhiên, vào lúc gần trưa ông mục sư tin lành đã vượt qua được đại dương đó. Họ đã qua gõ cửa nhà chúng tôi một cách thật là giản dị : «Nhân ngày đầu xuân», họ nói, «chúng tôi qua mừng tuổi ông bà và các em. Xin Chúa xuống phúc lành...» Chỉ có bấy nhiêu. Thật là giản dị. Rồi ngậm trà, chút mứt cũng thật là giản dị. Rồi họ bước trở về bên kia đại dương. Nhưng đại dương đã đi ọc lấp bằng. Con đường đã trở lại thành con đường.

Khỏi cần nói là từ đó bọn nhóc chúng tôi đã tự nhiên chấm dứt cái trò phá đám ma quỷ để lập công đức. Năm sau chúng tôi đã rời Tuy Hòa về Huế. Câu chuyện thời niên thiếu ấy đã qua đi như bao nhiêu chuyện đời khác. Tôi chưa hề được dịp gặp lại vị mục sư kia. Hình như cũng chưa hề hỏi biết danh tính ông. Nhưng câu chuyện đã qua mà không qua hẳn. Nếu đối với con người sống trong thời gian và bằng thời gian, không kỷ niệm nào chỉ hoàn toàn là kỷ niệm, thì câu chuyện kia càng không

phải chỉ là kỷ niệm. Hay nói cách khác, ở nhiều khía cạnh, một kiếp sống có khi chỉ là sự diễn tiến không ngờ trước được của một câu chuyện nào xa xôi trong quá khứ. Một cách âm ỉ và vô ý thức Cho đến ngày nào đó người ta bỗng nhiên bắt gặp lại câu chuyện xưa trong ý thức như bắt gặp lại một ánh sao lạ mà quen. Trong suốt và sáng rực như những chân lý có sức hướng dẫn cuộc đời.

oOo

Không phải chỉ còn bé chúng ta mới là nạn nhân của một não trạng xã hội xung quanh thế nào đó. Ngoài thời niên thiếu, con người vẫn chưa dễ đã hết là nạn nhân Thái độ sống vẫn hay phản ánh những bóng tối bao vây mình

Đề khởi nói chuyện ai khác, tôi muốn ghi lại ở đây vài kỷ niệm về Nhất Hạnh. Nhất Hạnh là một trường hợp thật điển hình.

Lần đầu tiên, tôi gặp Nhất Hạnh là vào năm năm ba năm tư gì đó, ở Chùa Tuệ Quang, Đà Lạt. Cùng với hai người bạn học chúng tôi đến vãng cảnh chùa và cũng có ý tìm dịp hiểu biết thêm về Phật giáo. Vị sư trụ trì đã cao niên tiếp chuyện chúng tôi một cách thật là thân tình vui vẻ. Vẫn cái bầu khí hiếu khách mà chúng tôi đã luôn được gặp ở các chùa như một năm trước, khi đi thăm một vòng các chùa ở rải rác trên những sườn núi chung quanh Phước Hải. Các nhà thờ, tu viện công giáo có lẽ thường không dành được chén trà thân tình như thế cho khách lạ. Sáng hôm ấy chúng tôi đã được hưởng rất nhiều nước trà của vị sư trụ trì nhưng hề cứ hỏi đến chuyện đạo lý thì thầy nhất định không trả

lời, chỉ hện là còn có... thầy Nhất Hạnh : «thầy ấy trạc tuổi các thầy, cũng đã.. đậu tú tài ». Hơn một giờ sau, thầy Nhất Hạnh mới từ trường bên về. Cách thầy tiếp chúng tôi thật là nhỏ nhẹ, nhã nhặn nhưng dè dặt, không còn như thầy trụ trì trước đó nữa. Sau những lời trao đổi xã giao thường lệ, một anh bạn của tôi — phải nhận là phần nào với thái độ... tấn công — đã bắt đầu hỏi han về giáo lý Nhà Phật thì thầy Nhất Hạnh, vẫn từ tốn mà còn kín đáo hơn, chỉ trả lời : « Lý thuyết Phật giáo chẳng mấy khi được hiểu chín chắn kể ngay trong giới tu phật như chúng tôi. Đạo Phật lâu nay ở Việt nam quá suy sút đâm ra mê tín. 90% các tăng ni chẳng biết cho đích đáng luân hồi là gì cả. Các sách vở sẵn có ở Âu Mỹ cũng như ở Việt nam đều không xác đáng bao nhiêu... ». Có thể à câu nói đã khéo hơn, nhưng điều chắc chắn là giây phút đó, cả ba chúng tôi đều đã ý thức rằng mình đang được đãi một chén trà quá đậm. Chúng tôi cũng hiểu thêm : «huông hồ các anh ở ngoài, đừng lén phéng vào trong mà tìm hiểu ». Nên chẳng ai bảo ai, chúng tôi đều nói qua chuyện khác và .. ngoan ngoãn theo thầy Nhất Hạnh đi xem các nơi trong Chùa.

Đó là cái pháo đài của Nhất Hạnh những năm 53-54. Và không phải chỉ có thế. Khi tiễn chúng tôi ra về, Nhất Hạnh còn tặng chúng tôi mỗi anh một cuốn *Đông phương luận lý học*. Tôi vẫn còn giữ quyển sách nhỏ mà trình bày vấn đề một cách gọn gàng, giản dị đó. Năm kia, khi bắt đầu phụ trách lớp luận lý hình thức ở Đại học Văn khoa Huế, tôi đã hỏi mua thêm đề cho sinh viên có thêm một tài liệu tham khảo thuận tiện,

mà tuyệt nhiên không đâu còn nữa. Nhưng điều khá ngộ nghĩnh là cái pháo đài Nhất Hạnh đã nhân cơ hội trình bày luận lý học đông phương mà dựng lên trong đó...

Sau hai phần đầu trình bày đại cương lịch sử và các pháp thức biện luận của Nhân minh, một phần thứ ba được dành vào việc kê khai những thứ lỗi sai lầm về « tôn », về « nhân » cũng như về « dụ » tức là các hình thức ngộ biện đối với Nhân minh. Trong phần này, nếu có một lần một lối lập luận của « một Phật giáo đồ... » đứng trước một Gia tô giáo đồ » được nêu ra làm mẫu ngộ biện, thì ít nữa là năm lần tác giả lại hình dung cách « Gia tô giáo đồ lập luận với Phật giáo đồ » để làm ví dụ cho những lỗi sai lầm trong cách lý luận !

Đó là trò chơi thu gọn tư tưởng của một tôn giáo hay của một triết thuyết vào ít nhiều công thức hàm hồ để viết vừa vặn được trên vài màu giấy vụn, vo lại rồi đi một đường phất trần thật nhẹ đủ hất bay vèo tất cả. Trò chơi đó dĩ nhiên là không mấy nghiêm chỉnh và chỉ đáng dành cho những cái gọi là hồ sâu và vực thẳm của tư tưởng, khi quả tình người ta không còn gì để nói nữa và nhất là để nói-với-kẻ-khác. Nhưng đã từ lâu rồi, sau *Đông Phương luận lý học*, Nhất Hạnh thừa hiểu điều đó. Như khi phê bình linh mục Trần thái Đình, mặc dầu phải công nhận là Trần thái Đình đã viết về Phật giáo một cách nghiêm chỉnh hơn *Đông Phương luận lý học* đã đã động đến giáo lý Ky tô giáo :

«Linh mục Trần Thái Đình chẳng hạn, đã viết mấy bài khảo luận về đạo Phật, ai cũng nhận là công phu và không thiên lệch, chủ quan. Tôi cũng

thấy Linh mục Đỉnh viết rất công phu. Nhưng tôi lại không thấy được cái gì là đạo Phật trong những bài ấy cả. Nói cho đáng, tôi cũng đã đọc nhiều về Phật giáo nguyên thủy, đã nhiều lượt tụng đọc bốn bộ Nikaya, và đã chú trọng nhiều đến khoa văn học Abhidhamma của Nam Phương Phật giáo. Linh mục Đỉnh đối chiếu, so sánh, nhận xét triết học đạo Phật với những triết thuyết khác một cách tỉ mỉ ; bài của linh mục đầy đầy những danh từ triết học và Phật học, mà kỳ lạ, tôi vẫn không thấy trong các bài ấy cái không khí của nền đạo học và triết học mà trong đó tôi đã sống, đã thở từ gần hai mươi năm nay. Tôi có cảm tưởng linh mục phân tích một cái xác Phật học cứng đờ và dù cố gắng, cái sinh khí của Phật học vẫn không ộp đồng về nhập vào ngòi bút của Linh mục.

«Tôi là người tu hành theo đạo Phật, xuất gia từ hồi còn thơ. May mắn tôi cũng được học qua về các tôn giáo, nhưng tôi không bao giờ dám có ý tưởng rằng mình có thể nói không sai lầm về một tôn giáo khác như Thiên Chúa giáo chẳng hạn. Bởi vì tôi suy nghĩ ngay vào trường hợp của chính tôi. Càng đi sâu vào sự thực nghiệm tâm linh — thiền quán — bao nhiêu, tôi càng hiểu về đạo Phật một cách thâm thúy bấy nhiêu. Tôi thấy lý luận hình thức, căn cứ trên danh ngôn và văn tự, không đưa tôi đến sự thấu hiểu sâu xa được» (1)

Sở dĩ tôi không ngại viết ra đây kỷ niệm ngộ nghĩnh kia về Nhất Hạnh chính là để làm sáng tỏ ý nghĩa của mấy câu Nhất Hạnh sau này đã viết cho Đỗ mạnh Tri :

« Anh Tri ơi, cái không khí xã hội Việt nam trong đó chúng ta sống là một không khí đầy đầy những nghi ngờ do mấy mươi năm chinh chiến và bao nhiêu lừa gạt gây ra. Những tin đồn, những sự lợi dụng tôn giáo của một số người đã gieo rắc thêm sợ hãi và khiến người ta thêm khép kín. Chính những người tiên bộ nhất trong Công giáo và Phật giáo cũng có khi không tránh thoát những ảnh hưởng sợ hãi, nghi ngờ đó ». (2)

Và chính vì tôi muốn đặc biệt viết những giòng này cho Võ văn Ái một Cao ngọc Phụng, một Masak Yama-nouschi, một thầy Thạch Văn, một Đỗ mạnh Tri, cho tất cả những người bạn chung của chúng tôi, đã từng quen biết hay chưa từng quen biết. Những bức tượng đá thật ra chẳng bao giờ đáng quý. Chỉ đáng quý là những kiếp sống tỏ ra đang còn là những hướng đi, đề ngày hôm nay không còn ở nguyên tại chỗ ngày hôm qua đã đạt tới. Những kiếp sống vẫn còn là những con đường.

Tôi viết đến đây khi Apollo XI đang trên đường trở về mặt đất (3). Hai phi hành gia — người của địa cầu — đã cần trọng, thận trọng rồi trịnh trọng bước chân xuống mặt trăng. Chân trái của Amstrong đã bước xuống trước, như ai cũng còn phải nhớ rõ. Tôi lại nhớ đến những lời Nhất Hạnh đã dùng để tả giây phút mình bước vào một xóm đạo, ở Vườn xoài, ngay bên đường Trương Minh Giảng náo nhiệt :

(1) Đạo Phật ngày nay, Lá Bối xuất bản lần thứ ba, 1965, trang 20-22

(2) Thay lời tựa, ở đầu Chứng từ năm năm

(3) 23-7-69.

« Có những người Phật tử e ngại những xóm đạo. Sự e ngại đó được căn cứ trên những tin đồn, những sự thêu dệt và những nghi kỵ. Tôi biết đôi khi chỉ có một chút lửa nhưng lại có rất nhiều khói. Cái ngày tôi một mình đi tìm tới nhà thờ Vườn Xoài, tôi chẳng thấy có gì đáng e ngại hết. Xóm cũng nghèo như xóm Bàn Cờ và Pháp Hội. Các em bé ở Trường Tiểu Học nhìn tôi hơi ngơ ngác một chút, thế thôi. Và ở đó tôi được các linh mục đón tiếp nồng hậu hơn cả ở những chùa quen», (1)

Về một phương diện nào đó, có lẽ các phi hành gia cũng không thể viết gì hơn thế để tả cái giây phút đáp xuống mặt trăng. Cũng bấy nhiêu xác tín khác với những người còn mơ những chuyện thăng cuội ngồi gốc cây đa. Vì trước khi họ tiếp xúc với mặt trăng, khoa học, nhờ những chuyển bay trước, đã đem lại cho họ sự yên ổn đến chín mươi chín phần trăm. Cuộc du hành lên cung trăng khách quan mà nói, không còn tính cách phiêu lưu và cô đơn như cuộc vượt biển của Christophe Colomb thế kỷ trước. «Chẳng thấy có gì đáng e ngại hết». Nhưng thật ra, sự yên ổn đó chỉ mới là của lý trí. Con về mặt tình cảm, trong bề sâu của tiềm thức, đã chắc gì Nhất Hạnh hôm ấy « không e ngại gì hết ? » Đã chắc gì hôm qua, hôm kia đây, mặc dầu có hàng ngàn chuyên viên xử dụng

các máy điện tử để hướng dẫn, nâng đỡ đằng sau lưng, tâm tư các phi hành gia đã được yên ổn đúng 99%. Dầu sao tim họ đã đập mạnh hơn. Chẳng hạn như lúc rời mặt trăng nhịp tim của một người là 94, còn của người kia lên đến 120. Chính vì thế họ mới sẽ trở về trái đất với niềm vui vô lý của kẻ vừa thoát chết. Và cũng chính vì thế mà Nhất Hạnh mới «khám phá» ra là xóm Vườn Xoài cũng nghèo như xóm Bàn Cờ Pháp Hội, và mình được các linh mục đón tiếp nồng hậu...

Từ một xóm Bàn Cờ hay Pháp hội đến một xóm Vườn Xoài khoảng cách không là gì cả so với mấy ngàn hải lý là n bằng sóng to gió lớn ngăn cách Christophe Colomb với Tân Thế giới. Càng không là gì cả so với ngót 400.000 cây số phải vượt qua để đi từ mặt đất lên đến nguyệt cầu. Nhưng tôi lần lần nghĩ rằng con người bước chân đến Vườn Xoài thả neo trên bờ Tân thế giới, đáp phi thuyền xuống cung trăng cũng vẫn chỉ mang một tâm sự như nhau.

Bao nhiêu người vẫn còn bước vào một xóm nhà thờ hay một xóm chùa với bàn chân trái của Amstrong ? Điều bí mật là ở đó Bí mật hơn nữa là cái nhìn của các em bé. Ngày nay ở Mỹ Châu, hẳn không còn em bé nào gặp một người không đồng

(1) «Thay lời tựa», ở đầu *Chứng từ năm năm*

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỔ C

NeuroTonic

HN.769/1.TVCCDP/16.4.89

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

ngôn ngữ ở ngoài đường mà lại thành con nai vàng ngơ ngác. Còn giả như có những em bé trên nguyệt cầu, thì chỉ cần giao thị trường mặt trăng cho các hãng Sony, National khai thác là chỉ vài tháng nữa các em thơ của thằng Cuội khi gặp bà con chúng ta cũng sẽ chẳng còn phải ngơ ngác gì hơn.

Còn biết cho đến bao giờ các em bé ở Vườn Xoài, ở chung quanh chùa Pháp Hội sẽ không còn phải ngơ ngác?

« Các em bé ở Trường Tiểu Học nhìn tôi hơi ngơ ngác một chút, thế thôi ».

Một chút ngơ ngác, như thế đã là nhiều lắm, quá nhiều. Như chút bụi trên mặt trăng chúng ta còn phải kỹ lưỡng vượt hàng trăm nghìn dặm để đem về cân lường, phân tích.

Làm sao cho một ngày kia, trong những hoàn cảnh như trên, các em bé sẽ không còn nhìn ngơ ngác, đầu chỉ là hơi ngơ ngác. Làm sao cho mắt các em bé vẫn trong suốt một trời lòng thanh thản?

L.M. NGUYỄN-NGỌC-LAN
trích ở cuốn **“Đường hay pháo đài”**
(sẽ được phát hành vào đầu tháng tới)

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.

Một cái nhìn Đông-phương về VẤN ĐỀ TÍNH-DỤC

I. BẢN-TÍNH VÀ NGUỒN GỐC CỦA TÍNH-DỤC (tiếp theo)

Nói như trên (xem kỳ trước) là đứng ở địa hạt thuần dương và thuần âm, thuần nam và thuần nữ. Còn trong thực tế, phái tính không bao giờ phát triển đến mức tối đa của mình và hủy diệt hết tiềm năng của phái tính đối-lập. Vậy người đàn ông bao giờ cũng còn ít nhiều đàn bà tính, và ngược lại, trong đàn bà cũng có những yếu-tố đàn ông. Cho nên, có thể có hấp dẫn và tình yêu ở ngay cùng trong một phái, và tình yêu đồng-phái như thế chỉ trở nên quái thai khi nó dẫn đến nhục-dục, vì ở phạm vi này, hai người không có gì khác nhau cả. Thường thường, tình yêu đồng-phái chỉ dễ xảy ra trong những cộng-đoàn đóng kín của thanh thiếu niên cùng một phái. Khi ấy, khó tìm được những khoảng cách lớn lao do phân-cực của đàn ông và đàn bà, người ta sẽ bằng lòng với một khoảng cách kém cỏi hơn giữa hai người đồng-phái mà hình dáng cũng như tính tình, cương và nhu hay mạnh và yếu, có thể bù trừ lẫn cho nhau.

Vả lại, hiện-hữu của tình yêu đồng phái cũng chứng nghiệm cho tính cách mềm dẻo của thuyết âm dương. Âm hay dương không phải là một ý - niệm tuyệt đối cho bằng một vị trí, nên tương đối với xung quanh. Trên một dòng điện, cùng một điểm đối với trên tuy là âm, nhưng đối với dưới thì lại

là dương, cũng như không thể có âm một mình hay dương một mình bao giờ cả.

Sự phân cực âm dương gây nên hấp dẫn và đưa tới hòa hợp. Nơi con người, sự hợp nhất bên ngoài bao giờ cũng chỉ là một định hướng về hợp nhất, cho nên đây là một thất bại giữa thành công, do đó gây nên căng thẳng và khắc khoải, đau khổ và chán chường ngay trong chính khoái lạc. Nhưng sự hiệp nhất nả vời bên ngoài ấy lại là biểu hiệu và ngưỡng cửa cho một hiệp nhất thực có bên trong, hiệp nhất của hai giao tử thành một phôi, một sinh vật, và đó là trở về với cái nửa của mình để nên hoàn toàn hơn.

Đó là trở về con người nguyên sơ, nhưng đó cũng là ruồng rẫy con người cũ để tiến tới một con người nguyên sơ .. khác và để làm lại một cái mình .. khác nơi người con. Sự « ước muốn người cha » hay « ước muốn người mẹ » của Freud không hướng hoàn toàn về chính cha hay mẹ, mà về một người khác giống cha hay mẹ. Sự « di chuyển tình cảm » ấy được hoàn thành mỹ mãn nơi con người, cái định và lý-tưởng của tính dục theo huyền thoại :

— Tại sao sinh ra ta rồi, chàng lại có thể giao hợp với ta. Vậy ta phải ăn đi...

Thế là người phụ nữ chạy trốn, ẩn mình trong một người khác. Và đó cũng là ý-nghĩa của những tà-bù loạn luân (tabou de l'inceste). Sự kiêng kỵ loạn luân ấy chắc hẳn thuộc bản năng con người, vì phổ biến trong tất cả các dân tộc dù rất bán khai, (1)

Việc ăn lách và đuổi bắt này làm trường tồn nòi giống, và đó là đuổi bắt người cha và người mẹ nơi những người giống như thế, trong sinh hoạt tính dục và truyền sinh qua các thế kỷ.

Nguyên-lý âm dương với tính dục

Sự trưởng thành của con người đồng thời cũng là sự hoàn thiện phái tính nơi nó. Phái tính ấy là một mầm mống từ cha và mẹ truyền sang cho nó. Tuy nhiên, nếu lần theo lịch sử hình thành phái tính từ những cơ thể đơn giản cho đến động vật có vú, ta có thể thấy tính dục như có một nguồn gốc còn vượt xa hơn sự sống và chi phối cơ thể từ sâu hơn là chính nó.

Ở những sinh vật đơn tế bào, sự thụ tinh chưa có, và tính dục cũng chưa có gì rõ rệt. Sự bảo tồn nòi giống chỉ thực hiện bằng phân đôi. Tuy nhiên, cứ sau một thời gian lại xảy ra hiện tượng tiếp hợp (conjugaison) giữa hai hay nhiều đơn tế bào, và sự tiếp hợp này có lẽ cần thiết để làm lại khả năng phân đôi cho chúng. Phải chăng đây là một hình thức phôi thai của tính dục? Dù sao chăng nữa, nếu có, thì thứ tính dục ấy cũng chỉ liên quan gián tiếp và tùy thuộc đến sinh sản mà thôi.

Cơ thể càng trở nên phức tạp và hoàn hảo, thì phái tính cũng càng trở nên rõ rệt hơn, dù sự tiến triển này không hẳn là điều hòa. Dần dần, hiện

tượng tiếp hợp sẽ trở thành thụ tinh, và cái trứng (tiếp hợp tử) sẽ làm nên từ hai giao tử hợp lại.

Khi cơ thể đã trở nên rất phức tạp và cá tính sinh vật rõ rệt hẳn rồi, thì chức vụ sinh dục cũng phân tách ra khỏi các chức vụ sinh lý khác. Khi ấy, các tế bào sinh dục sẽ do riêng hạch sinh dục tiết ra, và sự tiếp hợp trực tiếp giữa hai phái được thay thế bằng sự giao hợp giữa những cá thể mang phái tính khác nhau. Sự giao hợp đây cũng không đồng nhất với thụ tinh nữa, nhưng là cửa ngõ dẫn đến thụ tinh. Những chức vụ biệt phân phái tính cũng không nhằm thích ứng trực tiếp với khả năng thụ tinh, nhưng với chính cá thể, hay, nói cho đúng hơn, với vai trò sinh lý của một cá thể trong liên hệ phân cực. Như thế, phái tính càng rõ rệt và hoàn hảo, thì nó càng đi với cá thể hơn, và khi ấy tính dục càng phân biệt nhiều hơn với sinh dục. Xem như thể phái tính là của tất cả con người nhưng không phải tất cả con người được quy về mục đích sinh sản.

Nhiều học giả không may đã quy mục đích của tất cả sinh hoạt con người vào sinh dục (le génital). Điển hình là Sigmund Freud.

Freud, nhờ phân tách liên tưởng và chiêm bao, khám phá ra rằng những biểu tượng ấy đều cắm rễ sâu trong quá khứ thơ ấu và mang màu sắc tính dục. Cho nên, theo ông nghĩ, cái chìa khóa mở cửa vào tâm bệnh phải tìm ở tính dục vốn đã mọc mầm ngay từ những buổi đầu tiên của đời người.

Từ những nhận định về tâm bệnh, Freud thiết lập nên một thứ tâm lý học

(1) Xem S. FREUD, *Totem et tabou*.

phổ biến về sự sống nói chung, không kể nơi người lành hay kẻ bệnh tâm trí. Khoa tâm lý ấy dựa trên hai định đề. Trước tiên, bên dưới ý thức và vô thức nữa, có một thức **vô thức nền tảng** nó thành hình trong thời thơ ấu và gồm những thúc bách căn bản của con người. Sau đó, cái khuynh hướng ẩn náu bên trong tất cả những diễn biến tâm linh, cái khuynh hướng ấy là **libido**, một thứ đói khát nhục-dục nó phát triển dưới nhiều hình thức lắm khi lắt léo.

Nói cách khác, Freud quy tất cả sinh hoạt bên trong về một nguồn gốc duy nhất : tính dục ở khía cạnh hạ đẳng của nó

Vô thức của Freud là một vô thức cá vị. C. J. Jung thêm vào đấy một vô thức nữa : vô thức tập thể. Vô thức này ở sâu hơn vô thức trên và làm nền tảng cho nó. Vô thức tập thể cũng có nhiều lớp ; và càng phổ biến bao nhiêu, nó càng chìm sâu hơn bấy nhiêu. Cho nên, nếu vô thức dân tộc nằm sâu hơn vô thức cá nhân, thì vô thức của chung loài người lại nằm sâu hơn vô thức dân tộc.

Vô thức tập thể gồm những đại tiêu thức (arkhetupos) được phát triển rang ngoài bằng những biểu hiệu (symbole). Nền tảng của sinh hoạt tâm linh là sự đối cực và **bù trừ** lẫn cho nhau giữa các lực tương phản. Vì thế vô thức, đối diện với ý thức, bao giờ cũng vươn tới một thể quân bình với nó và thiết lập hòa điệu trong con người. Ngoài ra, còn có một tiến trình cá vị hóa nhằm phát triển nơi con người một tiềm bản vị để làm nền tảng cho sinh hoạt tâm linh. Thế mà sự hình thành một bản vị tính chỉ có thể thực hiện khi không còn ly cách giữa vô thức và ý thức, khi ý thức có thể hấp thụ lấy nội dung của vô thức,

nhờ đó duy nhất tính được bảo toàn trong csn người.

Nhưng cái công của Jung là nói rộng được trường độ của libido. Nơi ông, libido không còn thu hẹp vào tham dục nữa. Nó đã trở nên một nguyên động lực của đời sống nói chung, mà tham dục chỉ còn là một hình thức chuyên biệt thôi

Dù sao chẳng nữa, thứ libido ấy chưa vượt khỏi con người, hay, nói cho rõ hơn, chưa tìm được một chỗ đứng trong một nguyên lý vũ trụ tính như nguyên lý âm dương của Đông phương.

Tôi nói nguyên lý âm dương của Đông phương, chứ không phải của riêng Trung hoa, vì còn có những phát triển khác của cùng nguyên lý ấy nơi văn hóa Ấn độ. Thế mà, như ta đã biết, Ấn độ cũng như Trung hoa, là một trong hai văn minh nền tảng của Đông phương.

Bên Ấn độ, những tương quan vũ trụ và tương quan tôn giáo được quan niệm tất cả theo một thứ thuyết âm dương mặc nhiên. Ngoài ra, họ còn chủ trương một thuyết tương đương với thuyết âm dương, và đó là thuyết tam cách (tri-guna) Hai « cách » nền tảng và đối nghịch nhau y như âm dương, đó là cách sattva và cách tamas. Sattva là khía cạnh sáng sủa và hiền ra giống như dương, còn tamas là khía cạnh âm-u và chìm sâu bên trong giống như âm. Sattva và tamas chỉ mới biểu dương khía cạnh tĩnh của âm dương mà thôi. Cần phải có một yếu tố động nội tại trong sattva cũng như tamas, hầu mang đến cho chúng sinh khí và sức hấp dẫn của phân cực. Yếu tố ấy là động năng cách, hay rajas Tam cách làm thành bản nhiên (prakriti)

của vũ trụ và bản thể của sự vật. Vũ trụ bắt đầu sinh hóa để thành hình là do sự mất quân bình của tam cách. Thế rồi, do quân bình và mất quân bình của tam cách mà sự vật được củng cố và các sinh hoạt được bảo tồn. Tam cách còn trở nên như một nguyên lý chi phối đời sống tâm linh nữa. (1)

Xem như thế, tam cách đúng là một phát triển khác của âm dương, và con người Đông phương quan niệm về tất cả những gì tương đối theo cùng một nguyên lý hoàn toàn phổ biến ấy. Theo như vậy, thì tính dục cũng chỉ là một trường hợp, dù đặc biệt, của nguyên lý âm dương. Chính giáo sư J. Evola cũng công nhận như trên. Trong suốt cuốn *Métaphysique du sexe* của ông, ông đã luôn luôn dựa vào nguyên lý âm dương của Trung hoa để giải thích tính dục. Ông đã đặt tính dục vào trong một nguyên lý bao quát vũ trụ và giải thích tính dục bằng hiện tượng từ tính (magnétique).

Theo ông, dù thuyết sinh - lý - đích (finalisme biologique), dù thúc - bách truyền sinh, dù đói khát khoái lạc cũng không thể giải thích Eros (tình ái). Eros là một hiện tượng "trực tiếp phát sinh do phân cực giữa hai giới". Và đó chính là "giáo huấn truyền thống của Viễn đông". Theo giáo huấn này, thì « do sự gần gũi dù không chạm tới nhau của người thuộc hai phái, sẽ phát sinh từ sâu trong mỗi người ấy một năng lực đặc biệt hay "dịch khí" (fluide) vô chất có tên là tsing (?). Yếu tố này chỉ do một mình sự phân cực (polarité) của âm dương gây nên » (2).

Quả thực, kinh nghiệm cho ta thấy có một luồng điện sống chạy khắp người khi ta đối diện với một người khác

phái. Có thể nói rằng luồng điện sống nói trên là một giòng từ khí được chuyên biệt hóa ở nơi sinh vật.

Cường độ của luồng điện ấy sẽ gia tăng gấp bội khi hai người từ trạng thái đối diện chuyển sang trạng thái cọ sát da thịt, và nó sẽ tiến hết mức khi cả hai tan hòa vào nhau (3), và đó cũng là tan hòa vào tính dục nguyên sơ, đúng như câu nói sau đây của Upanisad : Khi chồng được vợ ôm ấp lấy, thì hẳn không còn nhận ra đâu là trong, đâu là ngoài mình nữa. Theo Evola, thì trong trường hợp cuồng-dâm thánh (orgie sacrée), cường độ luồng điện chẳng những tăng hết mức, mà còn vượt ra ngoài mức, trong khi mà các bức tường cá tính đều bị phá vỡ cả. Và đó là tình trạng thuần tính dục.

Theo Evola cũng như theo một vài học giả Tây phương khác, thì thuyết từ tính (4) giải thích một cách thỏa đáng tình trạng siêu (vượt trên) mỹ-lý (esthétique) của xuất thần yêu đương. Thuyết ấy chủ trương rằng tính dục có một nguồn gốc phổ biến hơn là chính cá nhân con người, và tự mình, nó chẳng phải thiêng liêng cũng không phải nhục-thể. Nó cũng vượt trên lý luận và vượt trên cả thẩm lượng đẹp xấu (5). Tình yêu từ tính tuy không phải thiêng liêng hay nhục thể, nhưng nó bao hàm

(1) Hy vọng khi có dịp, tôi sẽ trình bày cùng quý độc giả một cách khá cặn kẽ về thuyết tam-cách này.

(2) *Métaphysique du sexe*, Payot, Paris, 1959, trg 40

(3) op. cit., trg 41

(4) Và đó cũng là thuyết âm dương.

(5) Như thế là Evola đã đi ngược với Platon, vì theo Platon, lý do của tình yêu là sự đẹp (le beau)

cả hai và thẩm nhập tận đến những cơ cấu sâu xa nhất của con người. Ở trạng thái nguyên sơ (élémentaire), nó vượt ra ngoài cá tính và mọi khuôn khổ khác : nó quả có tính chất... lãng mạn (1)

Tính dục xâm nhập con người toàn diện, nhưng ở mức độ khác nhau tùy theo chiều sâu của mỗi lớp. Từ ngoài vào trong, Evola phân biệt ba lớp. Lớp trên cùng là một cái mặt nạ, thứ bản vị hời hợt mà xã hội hun đúc nên cho con người qua các khuôn khổ và thành kiến. Lớp thứ hai là chính bộ mặt thực của cá nhân, chỗ mà ở đó con người đã là chính mình dù về phương diện hình lý, sinh lý hay tâm lý, nhờ đó phân biệt với các cá thể khác cùng loại. Lớp trong cùng gồm những năng lượng nguyên sơ (élémentaire) chúng vượt trên và có trước cả cá thể. Chính tầng lớp này tàng chứa cái gốc thứ nhất của phái tính, và cũng chính ở chỗ đó mà năng lực nguyên sơ của Eros thức tỉnh. Sự hấp dẫn tính dục bắt đầu từ ở đây và thẩm nhập dần lên các phẩm chất ở những tầng lớp trên. Cho nên, sự hấp dẫn vừa đóng khung trong cá nhân vừa vượt lên trên cá nhân một phần nào : còn ở những giai đoạn đặc biệt, giai đoạn « nở cầu chì » thì các bức tường cá tính đều bật tung lên hết, để chỉ còn năng lực nguyên thuần của Eros làm chủ.

Cũng theo Evola, thì hình thức tâm thường và thú vật của yêu đương bao giờ cũng là trường hợp trong đó người đàn ông không còn yêu một người đàn bà nữa, nhưng là yêu người đàn bà nói chung. Ông còn cho rằng những điều kiện về hình dáng hay tính tình đôi khi ảnh hưởng một cách mạnh mẽ đến lựa chọn yêu thương, mạnh mẽ đến nỗi khiến người ta có ảo tưởng về tính cách bất khả thay thế của người yêu cũng

như về duy nhất tính của tình yêu. Và khi tất cả sức mạnh của tầng lớp trong cùng đổ dồn sang tầng lớp trung gian, tức tầng lớp cá thể, thì nó sẽ gây nên một áp lực làm nổ tung cầu chì của ngăn cách, nổ tung những tường lũy cá tính để gây nên khốn khổ cho ta. Trong trường hợp « tình điên », cũng theo Evola sẽ khốn đốn nếu ta khẳng khái dừng lại ở lãnh vực tục trần và nhân loại (2) tức không chịu hướng mắt lên cao và buông mình theo tác động của tính dục nguyên sơ siêu cá tính, siêu nhục thể và siêu cả thiêng liêng.

Hơn Jung, cái công của Evola chẳng những là đã đưa tính dục thoát khỏi vòng thuần nhục thể, mà còn đặt nó vào đúng chỗ trong một nguyên lý tối phổ biến nó chỉ huy sinh hoạt của tất cả vũ trụ.

Tuy nhiên, ông đã không đưa nổi thuyết âm dương sang lãnh vực siêu hình, nhất là ông đã sai lầm khi đồng hóa bản vị siêu hình với cá thể làm nên bởi những năng lượng sinh lý và tâm lý, do đó bản vị bị đặt ở một lớp hời hợt hơn những luồng khí vô bản vị. Đặt bản vị trên một nền tảng vô bản vị, ông đã vô tình phá vỡ bản vị mà không biết. Quả trong một tình trạng như thế, bản vị đã rơi mất sự thân mật và kín đáo bên trong, đã rơi mất cái nó làm nên chính mình rồi.

Thực ra, bản vị phải là một cái gốc âm cực (cathode) siêu nghiệm và siêu hình trên đó quy tụ và đúc kết những cá tính hình lý, sinh lý và tâm lý, chứ không đồng nhất với những cá tính ấy. Cho nên, nếu những cá tính

(1) op.c., trg 43-44. Cũng thế, C. MAUCLAIR. *La magie de l'amour*,

(2) trg 58-60.

này được coi như xây dựng trên những lực âm u và phổ biến, thì bản vị lại chỉ có thể nằm sâu hơn tất cả mọi lực dù là phổ biến, nhờ đó quy tụ và chuyên biệt hóa chúng sao cho thích ứng với bản tính của chính mình để làm nên những cá tính nói trên.

Chính nhờ ở hiện hữu và tính cách siêu hình của bản vị, mà con người dù ràng buộc trong vũ trụ, vẫn như muốn vượt lên khỏi những lực chi phối nó. Trong phạm vi tính dục, cố gắng vượt lên ấy được thể hiện nơi e-thẹn (pudeur) E-thẹn là một khuynh hướng

rất tự nhiên nơi con người. Chúng ta sẽ bàn đến nó ở chương về Tình yêu

(còn nữa)

Hoành sơn HOÀNG SỸ QUỲ
Kỳ tới : II – Những bình diện sinh hoạt của tính dục.

aham

upaniṣad

guṇa

puruṣa

pralṛti

bṛhad-āraṇyaka

Yājñavalkya

PHIÊN ÂM ĐÚNG

những chữ chưa phiên âm đúng trong bài

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ?

- CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN
CƯỜNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

S6 KN 28 MBYT/QCPD

TRĂM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

(Xin xem B. K. T. Đ. từ số 290-291)

MỸ và ĐÔNG-NAM-Á

CHUYỂN MỤC

Với những loạt bài đăng liên-tiếp trên 17 số Bách-khoa Thời-đại vừa qua, chúng tôi đã trình bày hai phần bộ tập "Trăm Việt trên Vùng Định-mệnh".

Phần đầu là phần dẫn-nhập và lược-trình các cuộc thiên-di cùng sự hình thành iô-hợp Đông-Nam-Á. Phần hai là những chương đề cập đến từng quốc-gia với nét vận-hành lịch-sử lớn cùng một điểm tiêu-biểu làm chuẩn đích lược-khảo về quốc-gia đó. Đáng lẽ còn phải trình-bày "Vấn-đề Việt-Nam" cho đủ phần hai, nhưng chúng tôi đã bỏ qua, vì Việt-Nam là địa điểm tổng hợp mọi vấn-đề của Đông-Nam-Á. Chúng ta đã có thể thấy hình ảnh Việt-Nam trong "Ngoại-khiến Nội-chiến" ở Lào, trong "Vũng lầy xã-hội" ở Phi, trong "Cuộc xâm lăng không võ trang của người Tàu" ở Mã-lai, trong "Kinh-nghiêm Liên-hiệp Quốc-Cộng" ở In-đô-nê-sia v.v... Do đó từ số này, chúng tôi sẽ bước hẳn sang Phần Ba đề cập tới diễn trình bành-trướng của các Lực-lượng đang phá hoại toàn vùng Đông-Nam-Á. Chương "Mỹ và Đông-Nam-Á" dưới đây là bài đầu trong phần này.

Nhưng trước khi đi vào các chương chính, chúng tôi thấy cần trình bày lại vị-trí chân thực của nhân dân Đông-Nam-Á trong tình-trạng phân-hóa quốc-tế. Chính từ quan điểm này, chúng tôi đã xét nét vai trò cùng sự bành-trướng của Đế-quốc Tư-bản cũng như Cộng-sản.

Đông - Nam - Á trong tình-trạng Phân-hóa Quốc-tế.

Vấn đề Đông-Nam-Á không phải là chuyện đấu-tranh một chiều của "giai-cấp Vô-sản, dưới bóng Cờ Đỏ, đang vùng lên tiêu-diệt Đế-quốc Tư-bản và tay sai" như người Cộng-sản vẫn lấy

làm chuẩn đích cho cuộc chiến. Vấn-đề Đông-Nam-Á cũng không phải là chuyện đấu-tranh một chiều của "các dân-tộc tự-do, hữu thần, dưới sự lãnh-đạo của Mỹ-quốc, đang sát cánh trong trận tuyến chống lại sự bành-trướng của Cộng-sản Độc - tài Vô-thần" như

những người đứng về phía tư - bản hằng tin tưởng.

Vậy thực chất của cuộc đấu - tranh mà Đông-Nam-Á, dầu muốn dầu không, cũng phải chấp nhận để tự cứu là gì? Tùy chiều hướng quan-sát, chúng ta có thể nói Đông-Nam - Á, đấu - tranh để chống lại nghèo đói, chậm tiến trên mặt trận xã - hội, hoặc Đông-Nam-Á đấu-tranh để quét sạch tàn tích thực dân, khôi phục chủ-quyền thực sự trên mặt trận chính-trị. Nhưng, trước cái rối loạn mà nhân loại đang phải gánh chịu do sự thi đua bành trướng giữa hai phe Tư bản và Cộng-sản, cùng sự góp thêm xáo trộn của cuộc tranh chấp giữa các nước Tư-bản với nhau và giữa các nước Cộng-sản với nhau, nhân dân Đông-Nam-Á đã và đang kiên trì dự vào trận chiến cam go nhất, ác liệt nhất chống lại áp lực của tất cả các đế-quốc từ bên ngoài tới cũng như sự phá hoại của tay sai Đế-quốc từ bên trong ra.

Trong cuộc tranh-đấu ấy, không có vấn-đề "trung-lập", vì rõ ràng trên bình-diện quốc-tế chỉ có những Đế-quốc đang mở rộng vòng kiểm soát và những nạn nhân của các Đế quốc đó. Tại một địa điểm này, kẻ mưu toan thống-trị là Đế - quốc Cộng-sản. Tại một địa điểm khác, kẻ mưu toan thống-trị là Đế-quốc Tư-bản.

Trường hợp Đông-Nam-Á là trường hợp đặc biệt. Đặc biệt vì lưỡng diện thụ địch. Cộng-sản len lỏi xâm nhập vào trong. Tư-bản mua chuộc khuynh-loát từ ngoài. Áp lực Cộng-sản và Tư-bản cùng nương nhau mà gia tăng. Một bên là lửa, một bên là dầu. Dầu càng tràn lên nhiều, lửa càng cháy

manh. Lửa càng cháy mạnh, càng hút dầu lên nhiều.

Cuộc tương-tranh triển miên hiện nay giữa Cộng-sản và Tư-bản là một cuộc tương-tranh giới-hạn, không có thắng bại rõ rệt. Nghĩa là mỗi bên chỉ đưa ra những phương-tiện sát nhân vừa đủ để cầm chân nhau cho tới khi cùng hòa đề rồi lại chọn một nơi khác mà khai ngòi mới. Chiến tranh này mà dốc túi như Thế-chiến 1, Thế-chiến 2 thì tất đôi bên cùng phải đưa ra ngón đòn cuối cùng là vũ-khí nguyên-tử và chính các trung-tâm đế quốc sẽ bị tiêu-diệt trước. Điều đó, Đế-quốc hai bên đều không dám.

Chiến tranh hạn chế không gây thiệt hại gì đến trung-tâm Đế-quốc, nhưng chỉ tàn phá nơi bị chọn làm chiến trường, hay nói cho đúng hơn, nơi được dùng làm nắp hơi an-toàn (soupape de sureté) giữ cho các lò bom nguyên-tử khỏi phát nổ. Nhiều địa điểm ở Đông-Nam-Á đã không may là những nắp hơi đó! Và trong cái đau nhức của vật hy-sinh, nhân dân Đông-Nam-Á đã tỉnh ngộ hơn nơi nào hết trên thế-giới về « cái thế nạn nhân » của mình.

Còn các nhà lãnh-đạo?

Hãy thử nhìn lại Việt-Nam thì thấy. Trước đây, ở Miền Nam, mỗi lần mở miệng nói đến cuộc chiến tranh đang chớm lớn là mỗi lần Ngô-Đình-Diệm đề cập tới vai trò *tiền đồn* thế-giới tự do (?) của Nam-Việt. Còn ở Miền Bắc, Hồ-Chí-Minh cũng đã hãnh diện không kém về danh nghĩa *tiền đồn* khối Cộng của Bắc Việt (1),

(1) Trong diễn-văn đọc trước Quốc - hội Miền Bắc năm 1965, Hồ - Chí - Minh đã nói « Nhân dân ta đang sống trong một thời đại lịch sử vô cùng oanh liệt. Nước ta có vinh dự lớn là một *tiền đồn* của phe xã hội chủ nghĩa. »

Tại sao lại cứ phải là tiền-đồn cho một Tư lệnh-bộ ở mãi tận đầu đầu? Tại sao chúng ta lại không thể đứng vững trên chân mình, mặt ngang nhìn thiên-hạ mà không thẹn?

Nếu bảo rằng tự cô lập trong giai-đoạn lịch-sử này là không tưởng và rằng liên lập là một nhu-cầu sinh-tồn không thể tránh, thì được lắm chúng ta hãy tìm đến những kẻ cùng có nhu cầu « liên lập » như nhau để dựa vào nhau mà đứng cho vững hơn. Dựa vào nhau trong sự bình đẳng hỗ tương, không ai phải làm vật hy-sinh cho ai, nghĩa là không ai phải làm tiền-đồn cho ai cả. Mỗi nhóm quốc gia có những mối liên quan sẵn có như Đông-Nam-Á, Trung-Đông, Trung-Mỹ, Nam Mỹ .. có thể là một tập-đoàn quy tụ với nhau trong cái thể liên-lập ấy.

Còn liên-lập với Đế-quốc ư?

Chỉ có nghĩa là làm tay sai! Vì Đế-quốc được khoác danh-hiệu Đại-cường, Siêu-cường, vốn không bao giờ tự coi là bình-đẳng với Nhược-tiểu.

Mối liên hệ đầu tiên

Trước Thế-chiến 2, mối liên-hệ về chính-trị giữa Mỹ và Đông-Nam-Á chỉ rộ lên trong việc chiếm đóng Phi-Luật-tân kể từ 1899 sau trận chiến Hoa-Kỳ-Tây-Ban-Nha. Ở Viễn-đông trong thời-kỳ đó, Mỹ có một hải-lực hùng-hậu, nhưng ngược lại không có đủ lực-quân để có thể đập tan lực-lượng Tây-Ban-Nha trên toàn quần-đảo Phi. Vì vậy, dù là đánh thắng Tây ở vịnh Manila (1-5-1898), Mỹ vẫn phải trông đợi vào chính người Phi trong việc lật đổ chính-quyền thống-trị.

Cuối thế-kỷ 19 là giai-đoạn bộc-phát của Cách-mạng Phi, Mỹ đã lợi dụng

phong-trào này và hứa hẹn độc-lập cho Phi. Chính phong-trào cách-mạng bản xứ đã làm cho Tây-ban-nha nản chí trong việc đương đầu với Mỹ và vì vậy chỉ sau ba tháng kể từ ngày khởi chiến, Tây đành phải nhượng lại quần-đảo Phi cho Mỹ với giá 20 triệu Mỹ-kim.

Ngay khi tiếp thu xong đất Phi, Mỹ liền chia ngay mũi nhọn tấn công vào chính quân Cách-mạng. Bị phản-bội một cách trắng trợn, nhân dân Phi đã vùng lên đấu tranh chống Mỹ, nhưng chẳng bao lâu, các nhóm kháng chiến tan rã dần trước hỏa lực quá hùng hậu của các đạo quân tân thực-dân. Năm 1901, tổ kháng chiến cuối cùng bị triệt-hạ, lãnh tụ kháng chiến Emilio Aguinaldo, đồng thời cũng là Tổng-thống nền Cộng-hòa non trẻ của xứ này (từ 1-1899), bị Mỹ bắt. Toàn quần-đảo được coi như bình định cũng từ năm ấy.

Mỹ chiếm Phi không hẳn chỉ nhằm vào thị-trường nhỏ bé này, nhưng thực ra là cốt đặt được căn cứ để từ đó gây ảnh-hưởng, bủa lưới hốt thị-trường Hoa-lục (2). Ngay sau khi chiếm Phi, Mỹ không có hoạt-động tiến tới thêm ở Đông-Nam-Á, dù Đông-Nam-Á vào thời đó còn một khoảng trống là Thái-lan chưa bị thống-trị.

Ngoài vụ Viễn-đông, mục tiêu bành-trướng của Mỹ hồi cuối thế-kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20 cũng còn đặt nặng vào

(1) Thượng-nghị-sĩ Mỹ Beveridge, ngày 9-1-1900 đã tuyên-bố rằng Phi-luật-Tân sẽ là của Mỹ mãi vì đằng sau Phi là thị-trường Trung-hoa to lớn. (Où va l'impérialisme américain, Henri Claude, Paris 1950). Ngay sau khi còn đang bình-định Phi, Mỹ cũng đã gửi quân tham dự vụ 8 nước tấn công Bắc-Kinh năm 1900, và tới năm 1905 Mỹ lại nhào vào khai thác vùng Mãn-Châu sau chiến tranh Nga-Nhật.

cùng Châu Mỹ La-tinh. Từ khi không thể được toàn thể khu vực này, Mỹ đã triệt để chú tâm khai thác. Thuyết Monroe (1) khi ấy lại được đề cao hơn bao giờ hết. Thế chiến I bùng nổ năm 1914, Mỹ đã giữ trung-lập, đứng ngoài hốt bạc bằng cách buôn bán vũ khí. Mãi đến 6-4-1917 Mỹ mới tuyên chiến với Đức. Lý do : Đức đã dùng tiềm-thủy-dĩnh đánh đắm nhiều tàu buôn của Mỹ trên Đại-Tây-Dương để chặn đường thương mại của Mỹ với Anh, Pháp.

Thế-chiến I đã đưa lại cho Mỹ nhiều mối lợi lớn trong khi các nước Âu-châu suy sụp một cách thảm hại. Sau Thế-chiến, một nửa số vàng trên thế-giới là của Mỹ. Nhằm khuynh loát thuộc địa của các nước thực dân Châu Âu, Mỹ tung tiền đầu tư ở khắp nơi. Năm 1935, số tiền đầu tư của Mỹ ở Đông-Nam-Á đã lên tới trên 250 triệu Mỹ-kim, trong đó In-đô-nê-sia thuộc Hòa-lan 61 triệu và đất thuộc địa của chính Mỹ là Phi-luật-tân 151 triệu. Còn tại Việt-Nam, có lẽ vì sự cạnh tranh của tư-bản Pháp. Mỹ đã không đặt được chân đứng quan trọng. Hậu bán thế kỷ 19 dấu ích của Mỹ chỉ vón vện có một mảnh đất ở Sài-gòn (địa điểm Hãng Descours et Cabaud sau này) của Delano Roosevelt, ông nội Tổng-thống Franklin D. Roosevelt. Sau thế chiến I, Mỹ và Đông-dương tăng gia liên hệ thương mại với nhau qua việc Mỹ mua cao su và thiếc, còn Đông-dương thì nhập cảng dầu lửa (Hãng Caltex của Mỹ lập chi-nhánh đầu tiên ở đây).

Trong Thế-chiến 2, để giữ yên thuộc-địa Phi-luật-tân Mỹ đã tìm cách điều đình trung-lập-hóa Đông-Nam-Á Lục-địa. Năm 1941, trong văn-kiến chuyên

cho đại-sứ Nhật ở Hoa-thịnh-đốn, Tổng-thống Roosevelt hứa nếu Nhật từ bỏ ý-định chiếm đóng Thái lan và Đông-dương, Mỹ sẽ can-thiệp với các lực-lượng Đồng-minh giữ y tình-trạng Đông-dương, nghĩa là để cho phe thực dân theo Pétain thân Trục tiếp tục cầm quyền. Và như vậy, Nhật có thể sử-dụng Đông-dương như một hậu cứ tiếp tế thực phẩm và nguyên liệu (2). Đề-nghị này, chính nước liên-hệ là Thái-lan không hay biết gì cả. Nhưng đề lo bảo vệ lấy thân, ngay từ 12-6-1940, Thái đã ký ngẫm với Anh và Pháp hiệp ước bất-tương-xâm (Anh ở mặt Tây và Nam, Pháp ở mặt Đông) và ký ngẫm với Nhật hiệp-ước thân hữu và hợp-tác (Treaty of Friendship And Cooperation).

Tất cả những mưu tính của Mỹ nhằm giữ yên mặt lục-địa đã bị sụp đổ khi Nhật đột ngột tiến quân vào vùng này. Lúc Nhật đã tới gần kinh đô Bangkok, Thái kêu cứu đồng-minh thì chỉ được Mỹ trả lời bằng cách hứa sẽ cho vay tiền sau, còn Anh cụ-thể hơn, đã đánh điện tới "Chỉ có thể chia xẻ với quý quốc được vài cổ đại - bác. Chúc may mắn !" (3) Chán ngán với phe Đồng-minh, Thái đành quay ra bắt tay với Nhật theo "tinh-thần" hiệp-ước 1940. Hành-động này của Thái đã bị Mỹ cho là "thay đổi đường lối như ngọn tre uốn theo chiều gió !"

Cuối năm 1941, sau khi bắt thần oanh

(1) Chủ-trương Mỹ-quốc không nhúng vào việc Âu-châu và Âu châu cũng không được nhúng vào việc Mỹ-châu.

(2) Foreign Relations of United-States Japan 1931-41, Vol II.

(3) The SEA Crisis, Kenneth T. Young, Jr., Oceana Publications, Inc, 1966.

tạc phá hủy gần trọn hạm-đội Mỹ ở Trân-châu cảng, Nhật cũng tức thời tiến đánh Phi-luật-tân. Quân Mỹ rút lui từ đảo này sang đảo khác, và sau cùng bị đánh bật ra khỏi quần đảo. Dần dần Nhật chiếm được toàn bộ Đông-Nam-Á và đe dọa cả bán-đảo Ấn-độ lẫn Úc-châu. Mỹ vội vã cùng Anh lập kế-hoạch phối-hợp hành-quân công-kích lại. Một mặt, Mỹ sát cánh với Anh chiến-đấu ở Miến-điện (Tướng Joseph Stillwell) và mở một con đường chiến-lược lên Nam Trung-hoa. Một mặt Mỹ xuất phát từ Úc đánh dần lên các đảo phía Bắc. Những trận đánh ở Tân Guinée đã diễn ra từ 1942 cho tới khi Nhật bị tiêu-diệt năm 1944. Tháng 10-1944, Tướng Mac Arthur đem quân đổ bộ lên đảo Leyte ở Phi-luật-tân và tới tháng 2-1945 thì chiếm lại được Manila.

Tại Việt-Nam, một lưới tình-báo của Mỹ cũng được thành-lập ngay sau khi Nhật đảo-chính Pháp, do Gordon nguyên đại diện hãng dầu lửa Mỹ cầm đầu. Tổ-chức này đã mở lối cho Cơ-quan Tình-báo Chiến-lược OSS (Office of Strategic Services) đem người lên Việt-Bắc giúp nhóm kháng chiến của Hồ Chí-Minh.

Trong số bốn quốc-gia Tây-Phương thống-trị Đông-Nam-Á, chỉ có Mỹ là nhìn thấy trước hình-thức cai trị theo kiểu xưa không thể tồn tại được lâu dài. Mỹ đã dự trù việc trao quyền chính-trị cho chính người Phi, nhưng sẽ duy trì các căn-cứ quân-sự và dĩ-nhiên vẫn giữ đủ ảnh-hưởng kinh-tế để khỏi mất thị-trường. Thực ra, về thuộc địa, Mỹ đâu có bao nhiêu ! Bỏ hẳn thuộc-địa và thúc đẩy các nước thực dân thối nát cùng bỏ, Mỹ sẽ có lợi lớn là có thể đạt được một chỗ đứng quan-trọng hơn trong sinh-hoạt chính-trị và kinh-tế tại

các xứ bị Âu-châu thống-trị trước, vì sau Thế-chiến, chắc chắn Âu-châu sẽ bị kiệt quệ, không còn là đối thủ cạnh-tranh của Mỹ nữa (6).

Do đó, Mỹ đã tuyên bố sẽ trao trả độc-lập cho Phi vào năm 1946 và đòi hỏi Anh, Pháp, Hòa-lan cùng có hành-động tương tự ở phần đất còn lại của Đông-Nam-Á. Sau này, Anh đã hoàn tất độc lập cho Miến và Mã qua mấy năm lằng nhằng, đủ để thu xếp việc chuyển tài sản về chính-quốc và duy trì một cách an toàn căn cứ quân-sự tại Tân-gia-ba. Riêng có Hòa-Lan và Pháp là đại đột sử dụng quân-sự và đã tự chuốc lấy những thiệt hại lớn lao sau này : mất hết quyền lợi kinh-tế và ảnh hưởng chính-trị tại cựu thuộc-địa !

Những bước e dè sau thế-chiến

Khi Thế-chiến thứ hai vừa chấm dứt, tình-hình quốc-tế đã được dàn xếp theo sự chia phần ở Yalta (2-1945) giữa Nga (Josef Stalin), Mỹ (Franklin D. Roosevelt) và Anh (Winston Churchill) trong mưu đồ thống trị thế-giới. Tuy nhiên, trong số ba cường quốc thắng trận thì Anh đã quá kiệt quệ chỉ mong lo phục hồi lấy bản thân. Cho nên trên bình-diện quốc-tế, chỉ còn Nga và Mỹ là mặc cả ráo riết và sau đó kèn cựa nhau từng bước.

Tại Đông-Nam-Á, Mỹ đã lập lại « trật tự » ở Phi, Anh cũng trở lại

(1) Ngay từ 1940, Mỹ đã trù liệu trước là Anh sẽ suy yếu cực độ sau chiến-tranh và Mỹ đã sắp đặt sẵn kế-hoạch lãnh-đạo khối Anglo-Saxon thay Anh (Vicken Cordon — diễn-ăn 10-11-1940) và tổ-chức lại thế-giới theo trật-tự Mỹ (Hồi-ký của Cựu Ngoại-trưởng Cordell Hull).

Miến, Mã và đồng thời lên đưa đồng-minh ăn-cướp Pháp và Hòa trở lại Nam-Việt và In-đô-nê-sia. Tại Bắc-Việt và Lào, quân-đội Tưởng-giới-Thạch được đem xuống đề trám khoảng trống. Còn tại Thái - Lan, chính-phủ thân Nhật Aphaiwong đã rút lui để cho Seni Pramoj, người trở về từ Hoa-thịnh-đôn, đứng ra lập nội-các mới. Nhìn cục diện toàn bộ Đông-Nam-Á, Mỹ có thể an-tâm vì Anh, Pháp, Hòa và Quốc-quân Trung-hoa đều là đồng-minh của Mỹ cả trong trận tuyến chống phát-xít lẫn trong chiến-tranh lạnh với Nga về sau. Do đó, trong năm đầu hậu-chiến, Mỹ hướng nỗ lực vào việc chiếm đóng Nhật-bản cùng vấn-đề lục-địa Trung-hoa qua phái bộ Marshall, còn Đông-Nam Á thì ít được chú-ý tới.

Tại Phi, Mỹ đã thi-hành dự-định từ trước về việc trao lại quyền chính-trị cho người bản xứ. Ngày 4-7-1946, Phi được công-bổ độc-lập. Ngay sau đó Phi phải ký với Mỹ một hiệp-ước về quân-sự với điều khoản nhượng cho Mỹ duy trì 23 căn cứ Hải-quân Không-quân trên toàn quần đảo trong vòng 99 năm, và một hiệp ước về kinh-tế cho phép các công-ty Mỹ đặc quyền khai thác tài-nguyên của Phi và miễn thuế xuất-nhập-cảng cho các hàng hóa trao đổi Phi-Mỹ tới năm 1973.

Tại In-đô-nê-sia, khi Hòa gây chiến và mưu tính đặt lại chế-độ thuộc-địa, Mỹ đã phản đối kịch-liệt. Sau trận tấn-công chớp nhoáng của Hòa vào Jogjakarta và bắt hầu hết nhân-viên chính-phủ Sukarno (12 - 1948), Mỹ đã vận-động Hội-đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc lên án mạnh mẽ Hòa, đồng thời Mỹ cũng đe dọa cúp viện-trợ (theo kế-hoạch Marshall) của Hòa. Chính nhờ

một phần lớn ở những áp-lực đó mà Hòa đã lùi bước trong mưu tính tái lập quyền thống trị.

Còn tại Việt-Nam, sự thế lại xảy ra khác hẳn. Sau khi Nhật đầu hàng, Hồ-Chí-Minh và Đảng Cộng-sản của ông ta đã nhanh tay đoạt được chính-quyền. Rồi sau đó, lại nhanh tay loại được phe quốc-gia đối lập và nắm được quyền lãnh-đạo kháng chiến chống Pháp. Trước những diễn biến ấy, lúc đầu Mỹ rất lúng túng. Lúng túng vì Mỹ không dự liệu trước những phản-ứng cấp thời ở Đông-Nam-Á Lục địa (1). Lúng túng hơn nữa vì Mỹ không thể lấy chiêu bài chống Cộng mà giúp đỡ một lực lượng thực dân đang suy tàn. Nếu giúp đỡ bọn tái chiếm thuộc-địa, chắc chắn Mỹ sẽ không thể lôi cuốn các nước nhỏ đứng về phe mình trong cuộc tranh bá đồ vương trên thế-giới với Nga. Sau, cựu đại-sứ Mỹ ở Pháp là W. Bullitt đã nghĩ đến giải pháp Bảo-Đại và đã công khai đề nghị trên tờ Life vào cuối năm 1947.

Nhất là từ khi Cộng-sản Trung-hoa toàn thắng ở Hoa-lục (1949) Mỹ càng ráo riết lo liệu vấn-đề ngêngh địch ở Đông-Nam-Á, dù chỉ là ngêngh địch một cách gián tiếp. Ngày 7-2-1950 Mỹ tuyên-bố công nhận chính-phủ Bảo-đại và từ đó Bảo-đại đã trở nên cái

(1) Thực ra, sau Thế-chiến 2, Mac Arthur đã vạch ra một vòng đai phòng thủ hay nói rõ hơn là biên-cương mà Đế-quốc Mỹ nhằm tạo ảnh hưởng ở Thái-bình-Dương, là vùng đảo từ Úc lên Phi-luật-tân, Đài-loan, Xung-thăng, Nhật-bản và Nam-Hàn. Đại-lục Á-châu được coi là vùng đất mà Mỹ không nên đặt chân vào. Sau này, hồi tháng Giêng 1950 Ngoại trưởng Dean Acheson cũng nhắc lại tương tự như vậy.

bình phong để Mỹ có thể núp vào mà đồ chiến-cụ cho lực lượng thực-dân. Ngày 27-6-1950, Tổng-thống Harry S. Truman công bố tăng viện trợ quân-sự cho Phi; Quân-lực Hoa-kỳ tại Phi cũng được tăng thêm. Một phái-bộ nghiên-cứu Viện-trợ kinh-tế và kỹ thuật do R. Allen Griffin cầm đầu được phái tới Đông-Nam-Á trong kế-hoạch rải tiền lôi kéo chư-hầu. Tiếp theo sau là Phái-bộ Nghiên-cứu Liên-bộ Ngoại-giao Quốc-phòng nhằm buông mả lưới chót. Nhưng mả lưới này chỉ vớt được Thái-Lan qua hiệp-ước viện-trợ kinh-tế và kỹ-thuật (9-1950) và hiệp-ước viện trợ quân-sự (10-1950) với điều-kiện thành-lập quân-đội theo chiều hướng mà Mỹ vạch ra.

Còn tại Miền Nam Đông-Nam-Á, sau khi bị In-đô-nê-sia từ chối liên kết, Mỹ liền tìm xuống Đại-Dương-Châu để bắt tay với Tân-Tây-Lan và Úc qua Hiệp-ước ANZUS được ký kết giữa ba nước ngày 1-9-1951.

Trong khi chiến-tranh Triều-tiên đang tiếp diễn thì chiến-tranh Đông-Dương cũng ngày một tăng thêm mức độ. Chiến-trận tỏa rộng khắp nơi. Cộng-sản kháng-chiến có chung một biên-giới với Trung-hoa và đã dùng Trung-hoa như một hậu-cứ vĩ-đại với một nguồn tiếp-tế vô tận. Còn Pháp càng ngày càng bị sa lầy không lối thoát. Đối với Pháp, dẫn thêm vào chiến-tranh tức là đồng thời dẫn thêm vào sự lệ thuộc

Mỹ. Niên-khoá 50-51, viện-trợ Mỹ cho Đông-Dương chiếm 13% toàn bộ chi phí chiến-tranh. Đến năm 1954 thì tiền Mỹ choán hết 700%. Trước tình-thế ấy rõ ràng Pháp sẽ trở nên lính đánh thuê cho Mỹ, vì mọi chi phí sẽ hoàn toàn do Mỹ trả.

Ở Pháp, phe Tả (Cộng-sản và Xã-hội) chống chiến-tranh Đông-dương đã đành, nhưng rồi ngay đến cả giới Tư-bản cũng chống đối nốt. Lý-do? Lúc đầu viện-trợ Mỹ còn chạy qua ngã Đại-tây-dương và được lược qua tấm vải lược tư-bản Pháp. Sau viện trợ Mỹ đi thẳng lối Thái-bình-dương làm cho Pháp chính-quốc không còn sơ mũi gì được — đến nỗi tới mấy cái đồ hộp của lính Pháp cũng *made in USA* cả. Vì vậy mà Pháp đã buông xuôi. Vì vậy mà mới có thất trận Điện-biên-phủ. Yếu tố chính đã đưa Pháp tới thất trận là vì tinh-thần binh lính Pháp đã sa sút tới độ thảm hại trên khắp mọi mặt trận Điện-biên-phủ chỉ là một giọt nước nhỏ làm tràn ly nước vốn đã đầy.

Ngay từ khi Điện-biên-phủ mới ngã chiều (3-1954), chính giới Pháp đã chia làm hai khuynh-hướng. Một khuynh hướng chủ trương bỏ cuộc. Một khuynh hướng thiên về ý-kiến phe quân nhân muốn nhờ Mỹ trực tiếp giúp để gỡ danh-dự. Chính giới Mỹ cũng chia làm hai. Một phe chủ - trương can-thiệp, hoặc quy mô cùng với các đồng minh khác (Ngoại trưởng J. F. Dulles), hoặc hạn chế bằng không-

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

quân và hải-quân mà mục tiêu gần nhất phải phá là cái vòng vây Điện-biên-phủ (Đô-đốc Radford). Một phe quyết liệt chống lại vì sợ mang tiếng trước quốc-tế và nhất là sợ lại phải đương đầu với một trận Triều-tiên thứ hai. Lãnh-tụ phe chống việc can thiệp vào Đông-dương tại Thượng-viện chính là Thượng-nghị-sĩ Lyndon B. Johnson, người mà sau này, khi đắc cử Tổng-thống, đã ra lệnh ào ạt tăng quân-số Mỹ trong chiến-tranh Việt-Nam lên tới trên nửa triệu.

Sau cùng, Mỹ đã đồng ý với Anh là chiến-tranh Đông-dương phải giải-quyết bằng một hội-nghị quốc-tế. Do đó, hội-nghị Genève đã được triệu tập, khởi sự từ ngày 8-5-1954 với thành phần Pháp, Anh, Mỹ, Trung-Cộng, Miên, Lào và hai chính phủ Việt-Nam. Hội-nghị đã kết thúc ngày 21-7-1954 và kết quả cụ-thể như ai nấy đều biết: sự chia đôi Việt-Nam tại vĩ-tuyến 17. Sự chia đôi này cũng mở ra một mặt trận mới giữa Đế-quốc Cộng-sản và Đế-quốc Tư-bản trên phần đất trọng yếu nhất của Đông-Nam-Á.

Về phía Mỹ, trên nguyên tắc, Mỹ vẫn cho là không chấp nhận kết-quả

hội-nghị vì Mỹ không ký vào văn kiện nào. Nhưng trong tuyên-ngôn chót, Mỹ đã tỏ lộ một thái-độ rất ăm ớ, có thể hiểu là chấp nhận, có thể hiểu là không. Về vấn đề ký vào các văn kiện chính thức thì thực ra chỉ vờn vờn có các đại-diện Tư-lệnh các Lực-lượng đối-chiến (Pháp, Việt-Minh, Lào, Cao Miên), còn các cường quốc Tư-bản và Cộng-sản là Mỹ, Anh, Nga, Trung Cộng thì chỉ... chứng kiến.

Thực tế mà nói, Mỹ đã ngậm miệng ăn tiền bằng cách rút Trưởng phái-đoàn chính (Ngoại trưởng J.F. Dulles) về nước từ đầu tháng 5, còn để mặc Bedell Smith chịu trận cho xong chuyện. Chủ-trương của Mỹ là « cho qua » vụ rắc rối này để bày vụ khác có lợi thế hơn ở Đông-Nam-Á! Dễ gì mà Mỹ quên được món tiền khổng lồ 1.200 triệu Mỹ-kim đã đổ vào Đông-Dương từ 1950 đến 1954. Hơn nữa, về mặt tranh chấp với Nga, chịu mất ảnh-hưởng tại một nửa nước Việt-Nam cũng còn phải kể là một thua thiệt lớn lao về Mỹ!

(còn tiếp 1 kỳ)

PHẠM-VIỆT-CHÂU

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

THUỐC BỔ :

ACTIVIT

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,
BỔ CƠ THỂ,
CÓ CHẤT GAN RÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.



Nhức đầu
• Nhức
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-ợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỞ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

קניין

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Toán số với càn khôn

Thời đại Newton

Nhân-loại bước vào một thời-đại mới khi Newton góp công-trình của Galilée và Képler vào công-trình riêng của mình để làm nên một tổng-hợp đầu tiên về vật-lý. Từ thượng-cổ đến lúc đó đã có nhiều sự thay đổi về khoa học và triết-lý. Khung cảnh xã-hội có phần thuận-lợi cho sự phát-triển hiểu-biết. Hình-thức kinh-viện, ích lợi nhờ tánh-cách duy-lý đã trở nên không thích hợp nữa sau khi thuyết duy-danh của Duns Scot, Guillaume d'Occam được phục hồi, sau phong trào trở lại, Platon giúp nền-tảng triết-lý cho công-trình Copernic và Képler, sau những kết-quả toán-học và thực-nghiệm của Galilée, Gilbert và môn-đệ. Về cuối thế-kỷ 17, hầu hết những nhà khoa-học và triết-gia tây-phương đều nhòa đời theo quan-điểm thiên-chúa-giáo. Sự mâu-thuẫn giữa tôn-giáo và khoa-học, nếu có, chỉ xảy ra sau. Gassendi phục hồi thuyết nguyên-tử cũng tránh việc ghép vào thuyết vô-thần như người đời xưa ý-niệm. Descartes bị tố cáo đã bày ra một thuyết máy móc trong vũ-trụ không để chỗ cho Thiên-Hựu, đáp lại rằng luật toán của thiên-nhiên do Chúa đặt ra và người ta có thể đạt đến Chúa trong cõi tư-duy. Thomas Hobbes hạn triết-học nơi ý-thức thực-nghiệm nhờ khoa-học thiên-nhiên, chỉ-trích thần-học và cho tôn-giáo là một thị mê-tin; tuy vậy

Hobbes công nhận tôn-giáo dựa trên Thánh Kinh phải được nhà nước bắt buộc phải theo! Những lối suy-nghĩ thời Trung-Cổ không mất hẳn. Khoa chiêm-tinh vẫn được xem trọng và Newton có biết đến. Nhưng tại các đại-học một luồng gió mới đã thổi ngang, lối giảng dạy những quan-niệm tối tân được dùng đến, nhiều hội-đoàn làm nơi trao đổi tư-tưởng, nhiều trung-tâm khoa-học được mở khắp Âu-Châu, tại Naples, Lãmã, Luân-đôn, Ba-lê. Một tờ báo khoa-học đầu tiên (*Journal des Savants*) xuất bản tại Ba-lê năm 1665. Nhưng những toán-gia vẫn càn thận cãi bần đến những ý-niệm mới, những sự phát-trình hay giả-thuyết của mình, trong những thư-từ gửi cho một số bạn thân. Vì vậy mới sinh ra những chuyện dành nhau về công phát-minh trước, cãi cọ về việc ai đã mượn của ai, như đã xảy ra giữa Newton và Leibniz về toán vi-phân.

Leibniz là nhà triết và toán người Đức mà Voltaire đã chế riếu với nhân-vật giáo-sư Pangloss trong truyện *Candide*. Leibniz được xem như là người cuối cùng của thời Phục-Hưng với sự hiểu biết rộng rãi về nhiều ngành, đạo-đức, triết-học, sử, toán, vật-lý, chính-trị nữa. Leibniz mở đường cho vật-lý-học và toán học hiện-đại với ý-niệm về biến-thiên của hàm-số giữa hai vô-cực lớn và nhỏ, với định-lý căn-bản của

phép tính vi-phân, với mộng làm một lối suy-luận phổ-quát dựa trên phép kết-hợp. Những toán-gia chia nhau đề bênh cho Leibniz hay Newton. Sau này thì Euler, Lagrange, Laplace nhất định cho Leibniz có công tìm ra trước tính vi-phân (Sách *Nova Methodus pro maximis et minimis* xuất bản năm 1684.) Nhưng toán-gia Anh đều cho Leibniz đã mượn những *fluxions* của Newton và dùng dưới những danh-từ và ký-hiệu khác. Dù sao Leibniz là nhà tư-tưởng vĩ-dại nhất của Đức, người đã thu thập cả hiểu biết thời Thượng-cổ, Trung-cổ, Phục-hưng, và cả khoa-học đương thời.

Nhờ một quả táo rơi

Người ta thường biết Newton nhờ chuyện quả táo rơi đã khiến ông nghĩ đến vấn-đề và tìm ra luật vạn vật hấp-dẫn, hay nhờ đĩa bảy màu quay tròn để làm lại ánh-sáng màu trắng. Newton là bậc kỳ-tài phát-minh ra nhiều điều mới lạ về vật-lý, quang-học, hóa-học, cơ-học, toán-học, triết-lý nữa. Chỉ công-trình về quang-học cũng đủ liệt ông vào hàng đầu những nhà bác-học thế-giới.

Về toán, lúc mới 22, 23 tuổi, Newton đã tìm ra phép tính vi-tích để lần đầu tiên tính được những chuyển-động và thay đổi. Không gì trên đời này tránh được *dịch*, tránh được những biến-đổi về vị-trí hay hình-thể, màu sắc hay cơ-cấu... Phân tích được điều mãi biến-đổi không phải dễ. Newton hòa hợp kỹ-thuật của Hy-lạp cắt ra từng mảnh rất nhỏ (ở thế-kỷ 17, toán-gia Nhật Seki Koura đã nghĩ đến lối tính *viên-lý* tương tự, cắt hình tròn ra những hình chữ nhật rất nhỏ) với lối đồ-thị của Descartes để làm ra phương-tiện tính vi-tích một cách dễ dàng. Nhờ đó, Newton tìm ra

những luật về chuyển-động và hấp dẫn, luật căn-bản về vật-lý để hiểu sự phản-ứng với trọng-lực của những vật chuyển-động hay cả thái-dương-hệ

Thêm vào những phép cộng, trừ, nhân, chia, tìm căn đã có từ bốn ngàn năm rồi, tính vi-tích phân-tích tất cả các tình-trạng của sự vật với hai phép mới là *vi-phân* và *tích-phân*, hai phép nghịch nhau như cộng với trừ. Vi-phân là phép tính suất của một biến-số trong trường-hợp nào đó, theo một biến-số khác, trên một diễn-trình thời-gian hay không-gian. Phương-pháp dùng trong vi-phân là chia một biến-chuyển nhỏ nơi một biến-số bằng một biến chuyển nhỏ nơi một biến-số khác, để những biến-chuyển ấy tiết-giảm lần cho đến gần 0, rồi tìm giá-trị mà tỉ-số giữa biến chuyển gần nhất, khi biến-chuyển này đã trở nên rất nhỏ. Giá-trị ấy, các toán-gia gọi là giới-hạn, là giải-đáp họ muốn tìm, là biến-suất nơi một lúc nào hay điểm nào. Tích-phân là lối ngược lại, từ một phương-trình có biến-suất chuyển thành phương-trình có biến-số.

Nhờ toán vi-phân, toán-gia có thể dò la một nơi uyên-chuyển cho đến khi tìm được một yếu-tố không thay đổi phản-ánh tác-động của một luật bất-biến của thiên-nhiên. Newton và những người theo sau đã tìm ra trong nhiều diễn-trình của thiên-nhiên yếu-tố không thay đổi là *suất mà theo đó một suất-biến-đổi thay đổi*, điều mà phần đông chúng ta không linh-hội được tuy thường gặp. Người lái xe hơi quen với điều đó. Vận-tốc một xe — bao nhiêu cây số một giờ — là suất thay đổi về khoảng-cách tùy theo thời-gian. Chạy mau hay chạy chậm, tốc-độ của xe thay đổi, và thay đổi theo một suất mà suất này có thể nói một cách đồng dài là

« suất biến-đổi của suất biến-đổi » !

Trong thiên-nhiên, trọng-lực làm cho một vật rơi chuyển động theo một suất gia-tăng theo một suất hằng. Về những diễn-trình của chuyển-động vật-lý, Newton cho suất của một suất đó là gia-tốc.

Trọng-lực sinh ra nó là lực. Newton định lực nói chung là điều gì khiến cho một vật gia-tốc. Định-nghĩa ấy, áp dụng cho toán giúp cho các nhà bác-học từ ba thế-kỷ nay, tính ba lực cơ-bản của vũ-trụ : sức trọng-lực, lực một từ-tích hay điện-tích và lực gắn liền hạt-tâm nguyên-tử.

Những ký-hiệu và danh-từ lại phải đặt thêm cho những phép tính ấy. Suất biến-đổi của y hay x nhờ vi-phân mà tìm ra gọi là đạo-hàm, đạo-hàm của y theo x , viết là dy/dx , nếu là đạo-hàm của x theo y thì viết dx/dy (chữ d được dùng là do chữ *différentiel* hay *differential*). Tương-ứng của đạo hàm do tích-phân mà có, gọi là nguyên-hàm, dùng ký hiệu S là một chữ S kéo dài (do Leibniz bày ra, lấy chữ đầu của *sum* hay *summation* để chỉ tổng-số của vô số hình chữ nhật rất nhỏ đo diện-tích giới-hạn bởi một đường cong), khi tích-phân tính từ nơi một phương-trình viết bằng đạo-hàm, nó đảo phương-trình thành một phương-trình khác trong đó x và y đã triệt những dấu suất biến-đổi và lấy lại hình-thức đại-số. Định-nghĩa theo sách giáo-khoa cũng chẳng giúp gì cho người không quen toán. « Người ta gọi nguyên-hàm của hàm số $f(x)$ là một hàm-số $F(x)$ nhận đạo-hàm là hàm-số $f(x)$ » Nhưng những ví dụ cụ-thể có thể đem lại một nhận-định dễ dàng hơn. Một đạo-hàm là một suất biến-đổi, có nghĩa là một tốc-độ của một diễn-trình, ấy là bao nhiêu cây số một giờ để thay đổi vị-trí hay bao nhiêu cân mỗi tuần để ốm bớt người. Nguyên-hàm tương-ứng cho mấy

đạo-hàm ấy là khoảng-cách bao nhiêu cây số đã đi, bao nhiêu cân đã mất, v.v. Đạo-hàm có thể biểu-diễn thành đường cong là đồ-thị của phương-trình. Đường dốc lên hay hạ xuống theo suất bao nhiêu y cho từng đơn-vị x . Đường dốc ấy là tương-ứng hình-học của một suất biến-đổi — đạo-hàm — của y theo x . Những kỹ-sư thường vẽ độ của một đồi hay mái nhà hay đường bay của một phi-cơ, bao nhiêu độ cao so với đơn vị khoảng-cách đã qua. Trong lối áp dụng ấy, đường nghiêng được quan-niệm như đo trên một khoảng-cách nào. Trong tính vi-phân, đạo-hàm chỉ xem như đường nghiêng ngắn ngủi nơi một điểm trên đường cong.

Đặc-điểm của tư-tưởng Newton là sự hợp nhất và gần gũi thực-tế. Người đã tìm ra nguyên-tắc rất trừu-tượng và tổng-quát về cơ-học và vật-lý, là một nhà quan-sát tỉ-mỉ, một nhà thí-nghiệm cẩn-thận, và ngay trong phạm-vi toán-học không xa hẳn cụ-thể. Newton nhớ đến luôn luôn sự song hành giữa biến chuyển các lượng-số trong phương-trình với sự biến-chuyển về vận-tốc, về hướng hay về phẩm-tính trong thiên-nhiên. Phương-pháp của Newton đã nắm vững từ 1666, giúp cho giải-quyết được những bài toán mà phái Descartes chưa giải được, tìm ra một số phương-trình đường vòng, áp-dụng tính cho nhiều hiện-tượng thiên-văn. Hình-học, theo Newton, đặt trên sự xử dụng cơ-học, hình-học chỉ là một phần của cơ-học tổng quát.

Lập-luận của Newton

Về điểm ấy, không gì hữu-ích xem lại 11 bồ-đề trong chương nhất của *Principia* (Nguyên tắc toán-học về triết-học thiên-nhiên) nói về luật chuyển-động. Roger Cotes, một môn-đệ của Newton tóm tắt phương-pháp Newton

như thế này : Có ba cách triết-lý. Một là nhắc đến những phẩm-tính, tiềm tàng hay thuộc về loại, đó là phương-cách Aristote và Kinh-viện. Hai là dùng những « bịa đặt », máy móc, ví dụ đi từ một chất đồng loại, đó là phương-pháp Descartes. Ba là, và đây là phương-pháp Newton, chẳng xác nhận điều gì nếu không do những sự-kiện được quan sát. Newton chủ-trương một triết-học thực-nghiệm và tránh đưa giả-thuyết. Chính ông đã nói : « Những giả-thuyết, siêu-hình hay vật-lý, không có chỗ trong triết-học thực-nghiệm, tôi chưa diễn dịch được từ nơi những hiện-tượng, lý lẽ của trọng-lượng và tôi không làm giả-thuyết » (1) Tuy đã hấp thụ những công-trình của Descartes (những sách *Géométrie*, *Dioptrique* và *Principia*) và nhờ đó mà hiểu được khoa-học tân-thế. Newton không đồng ý với Descartes về ba điểm. Descartes xác nhận quá nhiều trước khi quan-sát và thí-nghiệm đầy đủ Newton cho rằng hiểu biết thiên-nhiên dựa trên sự quan sát đúng đắn sự kiện. người ta không thể tiếc công phu và thì-giờ về việc ấy. Descartes nghĩ rằng những phương-cách đại-số của ông là ứng dụng đầy đủ, trong khi số-học và hình-học đóng vai trò chính-yếu trong toán-học và cơ-học. Descartes nhìn nhận một phần nào liên-quan giữa hình-học và cơ-học, nhưng không thấy một phần lớn kết-quả của hình-học là nhờ cơ-học, nhất là cơ-học thực-hành. Sau cùng, điều đáng trách Descartes hơn hết là đã tưởng chỉ cần những nguyên-nhân cứu cánh của hiện-tượng thiên-văn và vật-lý và muốn được vậy đã tưởng-tượng những kiểu cơ-động, những máy móc và kinh-nghiệm không đạt được, như « chất tế-nhị », « tiểu-cầu của nguyên-tố thứ hai », v.v. Trung-

gian máy móc đó thừa, chỉ làm vật-lý-học trở nên nặng nề và chính chỗ đó cũng che đậy những giả-thuyết sai lầm.

Lý-luận của Newton dựa vào những luật minh-bạch có thể tóm tắt như sau:

1. Không nhận nguyên-nhân nào khác về những vật thiên-nhiên, ngoài những nguyên nhân vừa đúng và đủ để giải-thích sự xuất-hiện của vật.

2. Đối với một loại hậu-quả, ta phải cho một loại nguyên-nhân.

3. Phẩm-tính của thể, khi không có nói rộng hay giảm bớt về tăng bậc và thuộc tất cả các thể ta đã nhận xét được, sẽ được xem như là phẩm-tính phổ-quát của bất cứ thể nào.

4. Trong triết-lý thực-nghiệm chúng ta xét những đề, thu góp nhờ quy-nạp tổng-quát về hiện-tượng xem những đề ấy cho thật đúng hay gần đúng, bất luận những giả-thuyết nghịch lại có thể tưởng-tượng đến, cho đến khi có hiện-tượng khác cho thấy đề đúng đắn hơn nữa hay thuộc về ngoại-lệ.

Người biết được sự thật thiên-nhiên qua kinh nghiệm giác quan. Mọi nhận-thức dựa nơi thí-nghiệm. Trong mỗi thí-nghiệm ta gặp những lượng đo được và mỗi thí-nghiệm đúng đắn nào diễn ra với sự đo lường đúng đắn. Thiên-văn đo những khoảng-cách, vận-tốc, kỳ-gian, lượng-số; vật-lý đo những khoảng-cách, sức nặng, cường-độ, v.v.. Có tương-quan — và đây là sự-kiện — giữa những đo lường từ một hay nhiều

(1) Nguyên-văn : *I do not make hypotheses ; for whatever is not deduced from the phaenomena is to be called an hypothesis ; and hypotheses, whether metaphysical or physical, whether of occult qualities or mechanical, have no place in experimental philosophy.*

thí nghiệm mà có. Toán-học có thể tìm ra những luật về tương-quan ấy. Có ba nguồn hiểu-biết một cách khoa-học, quan-sát với thí-nghiệm, đo lường và tính toán. Như vậy không cần đến giả-thuyết về tính-chất của những sự thật đang xem xét. Bàn đến những tương-quan tính được giữa các lực như trọng-lượng, áp-suất, nhiệt, từ, co-giãn, những danh-từ chỉ dùng để chỉ những lực, những sự kiện rõ ràng, danh-từ không nói gì về bản-chất thâm kín của các lực ấy. Định-nghĩa có thể đặt ra chẳng đem lại điều gì quan-trọng. Dĩ nhiên *Principia* của Newton không tránh được một mớ định-nghĩa đặt ở đầu sách. Đây không phải là nguyên-lý tiên-thiên mà là những nhân-định đơn-giản về sự-kiện, ví-dụ lượng vật-chất là tích-số của tỷ-trọng với thể-tích; lượng chuyển-động là tích-số của vật-chất với tốc-độ; thời-gian tuyệt-đối hay thời-gian toán học là một sự trôi chảy đều, thời-gian tương-đối được tính với sự di-chuyển một động-tử v.v. Những công-thức ấy chỉ nói lên những sự kiện hiển-nhiên theo kinh nghiệm. Những « nguyên-lý » Newton đặt trọng vũ trụ-quan của mình cũng vậy: tính đơn-giản của thiên-nhiên loại-trừ những nguyên-nhân thừa thãi; đồng-nhất giữa những nguyên-nhân các sự-kiện tương-đương; hiện-hữu các đặc-tính chung nhận xét được nơi mọi vật (bề rộng, tính bất-quán-thông hay hai vật không choán một chỗ,

lưu-động, bất-động, trọng lực, v.v.) Kết quả cuối cùng của sự tìm kiếm là miêu-tả những sự-kiện được nhận xét, những đo lường chính xác, những luật toán đơn-giản. Thuyết về hấp-dẫn và thuyết màu sắc, hai công-trình quan-trọng về vật-lý Newton chứng minh cho phương-pháp được quan-niệm. Vẫn trung-thành với các ý chính của Descartes, Newton chỉ muốn loại bỏ phần tưởng-tượng của Descartes đã đem vào.

Nhưng thuyết của Newton trong diễn-biến cuối cùng, lối nhìn thần-nhiệm và tôn-giáo của Newton, đã làm cho một số học-giả đồng thời ngạc-nhiên. Rất mộ-đạo, Newton chống lại thuyết vô-thần. Nếu mọi sự trong vũ-trụ tuân theo luật cơ-động, mọi sự tùy thuộc một nguyên-nhân không thuộc cơ-động. Sự liên-tục lạ lùng của các hiện-tượng và trạng-thái vật-chất là sự kiện chứng nhận sự hợp-nhất của mọi sự. Tôn-giáo của Newton có vẻ mơ-hồ khiến cho Leibniz (người tranh dành với Newton sự phát-minh toán vi-phân, người đã muốn kết-hợp công-giáo và tin-lành) xem như thể một chủ-nghĩa duy-vật hay đa-thần biến chứng. Nhưng Newton hoà hợp thiên-nhiên thần-giáo của mình với Thánh Kinh. Vật-lý-học của Newton đã kết-liếu với một thần-học.

CUNG-GIỮ-NGUYÊN

Ký lời: Những bất ngờ trong thiên nhiên

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin lễ vu quy của Cô PHAN-THỊ-TẤN và Ô NGỌC-KHÁNH sẽ cử hành tại Mỹ-tho vào ngày 13-11-1969,

Xin trân trọng chúc mừng tân giai-nhân và tân lang tằm năm hạnh phúc.

Ô. NG. YẾN-HUY-NHÂN và Ban Trị-sự Bách-Khoa

CUỐN SÁCH HƠI NHIỀU TIỀN
MÀ BẠN CẦN CỐ GẮNG MUA CHO KỲ ĐƯỢC

nguyên vẹn mạnh còn

hòa bình..

**nghe gì?
làm gì?**

CHÍNH VĂN



500 ĐỒNG,

MỞ ĐƯỜNG CHO BẠN THEO KỊP TÂY-
PHƯƠNG, RỒI VƯỢT XA HƠN TRÊN CON
ĐƯỜNG XÂY DỰNG VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI

Tâm sự Nguyễn-Mạnh-Côn sau Hòa-bình.. nghĩ gì ? làm gì ?



Nguyễn-Mạnh-Côn và con trai
nhỏ ở bàn làm việc.

*là gì (1961), Con yêu con ghét (1966), Lạc đường vào lịch sử (1966) Mỗi tình
mẫu hoa đào (1965), Tình ca thương (1968) Sống bằng sự nghiệp (1968),
Yêu anh vượt chết (1969), Giấc mơ của đá (1969), Hòa bình.. nghĩ gì ? làm
gì ? (1969).*

Những tác phẩm của nhà văn
Nguyễn Mạnh Côn :

Với bút hiệu : Nguyễn-kiên-
Trung :

*Thoái trào của Cộng sản trước cao
trào Tổ cộng (1956), Việt Minh người
đi đâu ? (1956), Chống Mác-xít (1957),
Đem tâm tình viết lịch sử (1957).*

— Với bút hiệu : Nguyễn-Mạnh-
Côn :

*Kỳ hoa tử (1960), Ba người lính
nhảy dù lâm nạn (1960). Cộng sản*

Tôi đến nhà anh Nguyễn Mạnh Côn vào giữa trưa sau khi hẹn gặp anh bằng
điện thoại. Tôi đang dựng xe chưa kịp khóa, anh Côn đã đón tôi ở cửa. Anh còn
cầm cây tăm trên tay, tươi cười nói vừa ăn cơm xong. Tôi theo anh vào nhà
định ngồi lên ghế sa-long, anh Côn nói mời anh lên chơi trên gác. Tôi trút giày,
anh lên trước còn ngoái lại dặn là nhớ tránh cái đà ngang này kéo dụng đầu.

Cùng ngồi trên chiếc đi-văng, anh rót đầy cốc nước đầy đến mời tôi, anh
rì một hơi thuốc lá rồi thông thả nằm xuống vừa tiêm thuốc vừa cười : bây giờ
anh muốn biết gì về tôi, tôi xin sẵn sàng chiều ý anh.

Tôi nhìn anh Côn một lúc, những điều tôi muốn hỏi để biết về anh thì

nhiều quá. Những câu hỏi đang còn đua nhau thúc giục như muốn tranh nhau tuôn ra một lúc. Anh nghĩ sao về một tài liệu trong một tạp chí của VC nói anh là con quan, tụt giốc, sa đọa v.v. ; tại sao anh nằm bàn đèn ; mỗi tình nào ở tuổi hai mươi mà anh cho là đẹp nhất của anh ; cuốn sách nào anh ưa thích nhất v.v. Bao nhiêu câu hỏi quay cuồng trong đầu trong lúc tôi lặng ngắm anh Côn. Lúc này anh mập hồng hào hơn trước. Tôi hỏi đề khơi câu chuyện :

— Nghe nói anh mới xuất bản mấy cuốn sách, phát tài lắm ?

Anh Côn cười rất cởi mở : Cũng vì một vài chuyện trục trặc với một nhà xuất bản quen, tôi liền in thử một cuốn, đó là cuốn *Tình Cao Thượng*, in năm ngàn, nhà Đồng Nai phát hành, bán hết sách, tôi in tiếp cuốn *Giấc mơ Của Đá*, và bây giờ là cuốn *Hòa Bình, Nghĩ Gì..*

— Xin anh cho biết những nguyên do thúc đẩy anh viết và xuất bản cuốn *Hòa Bình.. Nghĩ Gì ? Làm Gì ?*

Anh Nguyễn Mạnh Côn lại cười : nếu nói rõ về cách làm việc của tôi thì phản khoa học lắm anh à. Tôi không có dự trù, không có một chương trình kế hoạch nào cho cuốn sách này cả Nguyên do là thế này :

Hôm biển cổ Tết Mậu-Thân, một người bạn giúp việc một nhân vật cao cấp trong chính quyền ngỏ ý muốn tôi sưu tầm cho ông ta hai tài liệu nói về « Chính sách và vấn đề xây dựng tư tưởng trong hàng ngũ cán bộ » với khoảng 90 phút, nói trong một cuộc hội thảo hoặc trình bày ở một lớp huấn luyện quân chính chẳng hạn. Tôi nhận lời về viết được 100 trang đưa cho anh bạn, sau đó tôi được trả lại bản thảo và mấy phó bản đánh máy. Chờ mãi đến đầu năm nay (1969) chẳng thấy bài của mình được xử dụng. Sau khi in xong cuốn « *Giấc Mơ Của Đá* », tôi nảy ra ý định gửi cho một ông Thiếu tướng là cấp chỉ huy cũ của tôi, một tài liệu, có liên hệ nhiều đến công việc đào tạo cán bộ, để xem có ứng dụng gì được không. Tôi nhớ đến nay vẫn chưa được trả lời. Còn một tài liệu, liên hệ, đến tình hình chính trị tổng quát nhiều hơn, nên tôi thương lượng với nhà phát hành Đồng Nai và sau khi họ ưng thuận, tôi mới xem lại đề chữa một vài chỗ mà lúc viết tôi chưa vừa ý. Khi đọc lại thấy cần phải thêm đoạn nhận định về thực-tại, bởi vì căn bản trong nguyên cáo, tôi chỉ nói đến ba điều quan trọng là : Mỹ sẽ ra sao ? Cộng sản sẽ làm gì ? Chúng ta sẽ làm gì ? Tôi đọc đến chữ thứ 207... « ngày qua rồi ngày qua », mà hiện nay anh thấy nằm ở dòng đầu của trang 24 ; bắt đầu từ chữ *qua* đó tôi viết tiếp. Và tiếp cho đến 530 trang như anh đã thấy trong sách.

— Còn vấn đề giá bán mỗi cuốn, có phải là 500đ. ?

— Lúc đầu tôi định là dù có viết thêm đoạn đầu, cũng chỉ lên tới 200 trang là nhiều. Cho nên tôi định là sẽ ghi giá bán mỗi cuốn khoảng 200đ. Nhà Đồng Nai cũng đồng ý.

— Rồi, sau vọt lên 500đ. có gặp sự trở ngại nào của nhà phát hành không ?

Anh Nguyễn Mạnh Côn im lặng một chút rồi chép miệng : thực ra thì chẳng có gì trở ngại giữa tôi và nhà Đồng Nai cả. Lúc đầu tôi nói với nhà Đồng Nai là cuốn sách độ 100 trang, tôi sẽ ghi giá bán 100đ, nhà Đồng Nai bằng lòng; khi tôi in đến 200 trang, tôi báo cho họ biết là tôi sẽ ghi giá bán 200đ, họ cũng thuận; đến khi số trang ngày càng tăng trên 500 trang, tôi đâm lo, nhưng đến khi thương lượng với nhà Đồng Nai để ghi giá 500đ., họ lại cũng chấp nhận nốt. Đó là một điều bất ngờ thích thú và an ủi cuộc đời cầm bút của tôi rất nhiều.

— Giao tình giữa anh và nhà Đồng Nai có gì đặc biệt mà họ biệt đãi anh đến thế ?

— Tôi với nhà Đồng Nai cũng có chút duyên tao ngộ

Sau một hơi khói nhà thật khoan khoái thoải mái với một thái độ thật ung dung nhàn nhã, rất dễ thương, anh kể cho tôi nghe câu chuyện sau đây :

Hồi năm 1968, anh Nguyễn Mạnh Côn đến thương lượng với nhà xuất bản xưa nay vẫn in sách của anh để in cuốn *Tình Cao Thượng*. Thay vì in 3000 cuốn như những cuốn trước, anh bàn với một người bạn anh là lần này in 5000 cuốn, sẽ bán hết nếu in đẹp và chịu tốn tiền để quảng cáo. Nhưng anh bạn kia nhất định không chịu, bảo rằng anh Côn chỉ có một số độc giả quen thuộc nào đó nếu in thêm, dù có quảng cáo đến mấy cũng không sao bán thêm được, hoặc giả có bán thêm được ít cuốn thì cũng không bù được tiền quảng cáo. Anh không cãi mặc dù anh tin chắc sách của mình sẽ bán chạy, nhưng đó là lý lẽ chủ quan mà một tác giả rất khó nói về giá trị của tác phẩm của chính mình, còn anh bạn kia thì căn cứ trên kinh nghiệm xuất bản sách báo của anh trong nhiều năm qua.

Mấy hôm sau, tình cờ anh gặp một người bạn cũ, trước làm ở nhà phát hành Thống-Nhất, bây giờ cộng tác với nhà Đồng-Nai. Anh bạn này dẫn anh Côn tới nhà Đồng Nai. Sau khi thương lượng hai bên thỏa thuận : anh Côn in 5.000 cuốn, tự trông nom công việc ấn-loát, khi in xong nhà phát hành Đồng Nai mua hết với giá 40 phần trăm. Cuốn *Tình cao thượng* (nhà xuất bản Nguyễn Mạnh Côn) anh thu về được 100.000đ. Nhưng trong lúc ký giao kèo in *Tình cao thượng*, nhà Đồng Nai buộc một điều kiện là khi tái bản anh Côn phải để cho họ in và tiền tác-quyền chỉ có : 10.000đ. Bấy giờ vì cần lấy tiền cho xong, anh Côn bằng lòng ký. Tuy nhiên nhà Đồng Nai tái bản (cuốn *Tình cao thượng* in 5 ngàn cuốn, chỉ bán trong vòng một tuần lễ đã được đặt in lần thứ hai) họ trả tác-quyền cho anh Côn tăng lên là 20.000đ. Nhưng anh từ chối và chỉ nhận có đúng 10.000đ. Anh nói với nhà Đồng Nai rằng : « Sự thật tôi có ước vì các cậu đấy, nhưng tôi đã ký là sẽ nhận 10.000đ thì bây giờ phải tôn trọng chữ ký của tôi chứ ! »

Kể đến đây, anh Nguyễn Mạnh Côn, ngồi dậy chống tay vào đùi ra chiều đắc ý một điều gì, anh nói hơi nhanh hơn lúc bình thường : Có lẽ những chuyện khỉ-khái vặt đó đã làm cho giao-tình giữa nhà Đồng-Nai với tôi đặc biệt hơn với những người khác chẳng. Tôi chỉ biết trả lời anh bằng câu chuyện vừa rồi, nếu chưa thỏa mãn, xin anh tự điều tra lấy.

Tôi và anh Côn cùng cười, sau đó tôi hỏi tiếp: Như vậy, cuốn Hòa-Bình Nghi gì? làm gì? in 8000 cuốn, giá ghi bán lẻ 500đ, anh bán cho nhà Đồng Nai 40 phần trăm thì anh thu được tất cả là 160.000đ.?

— Đúng vậy, nhưng trong khi in, tôi đã mượn trước đề chi cho việc ấn loát chừng 700.000đ. Khi sách vừa in xong tôi lấy 340.000đ. Bây giờ tôi còn nợ nhà phát-hành là 560.000đ. Nhưng tôi có giao hẹn là khi nào sách bán được kha khá mới lấy nốt chỗ còn lại

— Anh có thử đếm là anh viết bao nhiêu chữ trong 530 trang sách ấy không?

— Chừng 120.000 chữ. Tôi viết ròng rã trong 5 tháng, nếu tính tác quyền 10 phần trăm thì tôi được 400.000đ tính theo tổng số giá sách là 4 triệu đồng.

Tôi tính nhầm: như vậy mỗi chữ của anh bán được 3đ50, tính theo số tiền tác-quyền 400.000đ!

— Sau cuốn Hòa bình... nghĩ gì? làm gì?

— Tôi chuẩn bị in cuốn Học sao cho giỏi, khoảng 200 trang, giá mỗi cuốn 200đ in 10.000 cuốn. Sau đó là cuốn Tân Trung-dung.

— Anh nói gì trong Tân Trung-dung?

— Đó là nguồn gốc những triết-thuyết của tôi. Trong đó tôi muốn nói về sự hình-thành của linh hồn con người qua các giai-đoạn... Anh muốn hỏi sau cuốn này tôi sẽ in cuốn gì ư? Tôi sẽ viết nốt tập « Lạc đường vào lịch sử », rồi sau đó, có lẽ là cuốn cuối cùng, đó là Hồi-ký của đời tôi. Thế là tôi nghỉ viết.

— Trong hồi ký của anh có mỗi tình đầu tình cuối gì không?

— Có thể nói một bất hạnh lớn trong đời tôi là tôi chưa có tình yêu, cho đến việc lấy vợ của tôi cũng chỉ định thử xem sao. Anh muốn nghe thì tôi xin kể Câu chuyện của tôi và đàn bà thì buồn cười lắm. Anh hỏi tôi biết đàn bà lần đầu tiên tôi mấy tuổi ư? Lúc tôi 13 tuổi Còn biết trò vợ chồng nửa với thì phải nói lúc tôi lên 9!

Thân sinh anh Nguyễn Mạnh Côn là cụ Nguyễn Quang Đôn, đậu cử nhân Hán học, làm quan ngạch cai trị đến chức Tri phủ thì về hưu. Đến 1954 Cụ di cư vào Nam và thất lộc năm 1963 tại nhà riêng tại đường Lê Đại Hành Chợ Lớn

Thân mẫu anh, nữ danh Mai thị Thoa, là thứ thất. Bà là một trong những thiếu nữ Việt đầu tiên đỗ bằng Nữ hộ-sinh của Sở Y-tế Đông-Pháp.

Anh Nguyễn Mạnh Côn chịu sự giáo dục của mẹ nhiều hơn cha. Ông cụ rất nghiêm khắc ít khi chuyện trò với con. Từ nhỏ anh sống với mẹ. Gia đình bên nội anh là dòng dõi nho phong, sống thanh bạch. Thân phụ anh thuở nhỏ

thường phải cấp tráp theo người anh Cả — là một ông đồ nho — sang tỉnh khác đề học, trong lúc người anh ăn ở nhà học trò đề dạy học. Bấy giờ, nhà trọ là nhà của gia đình thân mẫu anh Côn ; sau đó hai người yêu nhau, nhưng gia đình bên ngoại anh Côn lúc ấy chê bên nội anh nghèo, cha anh lại có vợ cả ở nhà quê, nên không chịu gả. Nhưng bà mẹ anh vẫn cương quyết làm theo ý mình. Anh Côn nhìn tôi : « Lúc bấy giờ mà mẹ tôi dám tự do kết hôn với cha tôi như vậy quả là tiến bộ lắm, nhưng người đương thời coi như là bà theo không bố tôi. Tuy yêu mà lấy nhau, nhưng sau khi ông cụ tôi đổ đát đi làm quan lại lấy thêm bà thứ ba nữa thì mẹ tôi cương quyết sống ly thân. Tôi theo mẹ. »

Những lúc mẹ anh đòi đi các tỉnh đề trong nom nhà hộ sinh, anh thường làm sổ sách giúp cho mẹ, những danh từ dễ dễ, dễ khó, chữa dạ trên, dạ dưới, dễ xuôi dễ ngược, anh đã thông thạo từ lúc còn nhỏ tuổi. Hằng ngày anh vẫn đứng ở cửa sổ nhòm vào phòng đẻ, đề xem những cái đầu hài nhi đen trùi trùi chui ra khỏi cửa mình sản phụ mà lấy làm thích thú.

Anh Nguyễn Mạnh Côn lẩn lẩn cây tiem lên miệng đọc tàu nói với một giọng thật buồn : « Anh thử nghĩ như vậy thì tôi làm gì có mối tình đầu mà kể cho anh nghe. Tuy nhiên có mối tình giữa tôi với một cô đầu tên Nga ở phố Vĩnh-hồ Hà Nội. Bấy giờ tôi 24 tuổi, cô ta 19. Cô ta không đẹp, nhưng tôi vốn thích những người đàn bà dáng mảnh mai có đôi môi mọng đỏ và đôi tròng mắt xanh. Cô đầu Nga làm tôi yêu vì có những điểm ấy. Bấy giờ quan niệm xã hội còn khắt khe với cô đầu, mà tôi về cứ xin mẹ tôi nhất định cho tôi cưới cô Nga làm vợ. Thấy tôi tha thiết quá, mẹ tôi cũng chiều. Tôi lên Hà Nội báo tin cho Nga, và đưa trước một ít nữ trang làm sính lễ. Nhưng đến hôm mẹ tôi lên xem mắt và tính chuyện hỏi cưới, thì đêm đó Nga lén đi mất và gói tất cả nữ trang gói trả lại cho tôi. Sau đó tôi biết nàng lấy chồng, người đó là anh của một võ sĩ tên tuổi ở Hà Nội bấy giờ.

— Anh lấy vợ vào năm bao nhiêu tuổi ?

— Tôi lấy vợ vào tháng 6 năm 1945, bấy giờ tôi 25 tuổi. Khi ấy mẹ tôi đau nặng, ngờ không sống nổi vài ngày nữa, nên tôi bằng lòng đi hỏi vợ. Người vợ mà mẹ tôi muốn lấy cho tôi là chị ruột của nhà tôi hiện giờ, được đính ước từ khi cả hai còn nằm trong bụng mẹ ! Anh nằm xuống đó đi, thông thả tôi kể anh nghe.

Nghe lời mẹ, anh Côn đi với một người bạn đến nhà ông Giáo Thảo đề xem mặt người vợ đã được mẹ chấm từ trước. Tới nơi anh gặp một cô gái mà anh chịu ngay. Tưởng cô này cũng là con gái ông Giáo, anh Côn hỏi tên thì có người bạn bảo tên là Hải. Khi gặp ông Giáo, anh Côn đòi lấy cô gái tên Hải. Ông Giáo cũng thuận. Lúc cưới mới rõ là người bạn đã lầm tên và cô gái mà anh Côn ưng ý và ngờ là con gái ông Giáo Thảo lại chỉ là khách đến chơi !



Anh chị Nguyễn-Mạnh-Côn
và hai con trai

Biết là mình lắm, anh Côn vẫn tự an ủi : « Thì mình cứ cưới thử, nếu về hợp nhau thì ở, không thì thôi. »

— Thế mà, không hợp nhau thật anh ạ, vì nhà tôi bản tính bướng bỉnh, cứ chống đối với mẹ tôi. Tôi cũng nghĩ là cứ tạm ở với nhau cho đến mãn đời bà cụ thì bỏ nhau.

Ngờ đâu, những ngày cuối cùng của mẹ tôi, thì nàng dâu và mẹ chồng lại tự nhiên thân thiết với nhau, điều này làm cho tôi sung sướng nhất lúc bấy giờ. Và đó cũng là một kỷ niệm biến thành một chất keo thiêng liêng đã gắn chặt cuộc sống vợ chồng của chúng tôi đến tận cùng ngày nay (Ngày nay anh chị Côn đã có 2 cháu trai và cháu lớn đã 17 tuổi).

Anh Côn nhìn tôi rồi nói tiếp. Nếu nhận định về con người của tôi, thì suốt đời tôi cái gì cũng làm thử, rồi do sự thúc đẩy,

chứ tôi cũng không tự vạch được một chương-trình kế-hoạch nào để rồi theo đó mà thực hiện cả, mà hễ cố vạch một chương trình thì không bao giờ làm đúng hết. Như vậy, có thể coi bản chất tôi là con người « lãng mạn luôn luôn tìm kiếm vu vơ ». Thế thôi.

— Còn một điều tôi muốn hỏi anh là tại sao trên bìa cuốn *Hòa bình... nghĩ gì ? làm gì ?* anh chỉ ghi tiểu sử của cha mẹ mà lại không có tiểu-sử của tác giả.

— Từ xưa đến nay, tôi đã được nhiều bạn nói đến ở trên các báo như anh Ngu Í, anh Trần Phong Giao v.v... Bây giờ tôi muốn nói về các cụ tôi là vì Nguyễn Mạnh Côn mà sống và viết hôm nay được là sản phẩm của xã hội mà cũng là sự nối tiếp của cha mẹ cũng như cha mẹ là sự nối tiếp của ông bà, của những đời trước... Tôi muốn nói về tình yêu và cuộc hôn nhân tự do của cha mẹ tôi.

— Anh thiết tha với đại gia-đình như vậy, chắc hẳn trong tập *Hồi-ký* mà anh sẽ viết sau này người ta sẽ đọc được nhiều kỷ-niệm vui buồn lý thú của anh, khi anh còn ở dưới mái gia-đình ngày trước ?

— Chắc buồn nhiều hơn vui anh ạ, tôi kể anh nghe thử một vài kỷ-niệm của tôi nhé.

Hồi năm 1938, thân phụ anh bị ốm, phải điều trị tại một bệnh viện ở Hà Nội. Anh Côn vô thăm và có lúc thấy cha mệt quá đã sẵn sàng tiếp máu cho Cha. Một hôm anh ngồi cho thân phụ anh dựa, rồi ông ngủ luôn 2 tiếng đồng hồ. Dù mỗi tề cả người, anh Côn vẫn phải ngồi im. Lúc thân phụ anh tỉnh dậy, cha con vui vẻ nói chuyện với nhau. Khi anh trải chiếu, quạt màn

cho cha anh ra giường nằm nghỉ thì bà vợ ba của ông tới. Thế là ông nhường luôn cái giường vừa buông màn cho bà ngủ và ông bảo : « Thằng Côn ngồi quạt muỗi cho tao ngủ ở ngoài này cho mát ». Suốt đêm ấy anh không chợp mắt được lúc nào mà còn bị muỗi bệnh viện đốt cho sưng cả tay chân nữa.

Khi bình phục, thân-phụ anh nghĩ thương anh đã hết lòng săn sóc cho cha ở bệnh-viện, nên lúc cha con dạo phố, ông hỏi anh có muốn xin gì ông sẽ cho. Anh Côn chỉ xin một bộ quần áo rét vì mùa đông tới mà anh vẫn chỉ có cái chemise trắng. Ông cụ hẹn về phủ sẽ cho tiền may. Lúc về Phú Thọ, ông lại nói không sẵn tiền và chỉ chiếc ô tô xếp lớp bảo anh Côn tìm người bán đi, rồi lấy tiền đó mà tiêu. Trở về Hà nội, anh Côn kiếm được người tài xế cũ thuận mua và anh dẫn người đó lên phủ Thanh Ba, thuộc tỉnh Phú Thọ. Đến nơi, anh hí hửng đưa người tài xế vào gặp thân phụ anh đề hỏi việc bán chiếc xe thì ông cụ bỗng gắt lên : « Ô hay, cái thằng này, xe cộ gì mà bán ! »

Kể đến đây, anh Côn chép miệng : « Tôi đau quá anh ạ ! không phải vì không được chiếc xe cũ mà vì thấy mất vĩnh viễn tình cha con mà tôi ngỡ đã tìm lại được. Rồi sau đó tôi một mình đi dọc theo con đường tàu hỏa từ Phú Thọ về Hà Nội. Chẳng biết trên quãng đường dài ngót 70 cây số đó tôi đã đi ra sao mà về được đến nơi trong lúc túi không có một xu nào... »

oOo

Câu chuyện anh vừa kể làm không khí gian phòng như nặng và đặc lại, tôi phải chuyển sang một mục khác cho dễ thở hơn. Trở lại tác phẩm của anh, tôi hỏi :

— Anh viết tay hay viết bằng máy chữ, rồi nhờ ai đánh máy để đưa đi kiểm duyệt ?

— Tôi viết tay, viết bằng bút nguyên tử, trên giấy trắng hay có gạch dòng sẵn, mỗi trang viết của tôi in được khoảng 3 trang. Mỗi đêm tôi viết được chừng 20 trang in, sáng đưa kiểm duyệt, lại lấy những trang đã kiểm duyệt hôm trước đưa lên nhà in. Có đêm tôi viết suốt đến 9 giờ sáng là đi kiểm duyệt rồi đến nhà in trông nom việc ấn loát, chỉ ngủ một tí vào buổi trưa..

— Trong lúc viết, anh có ngưng lại để làm vài cặp không ?

Anh Côn lắc đầu : lúc viết tôi ghét hút lắm mà chỉ hút thuốc Lào. Thú thật với anh, tôi hút chỉ vì bỏ thì nó hành chịu không nổi, chứ tôi không thích và cũng chẳng thấy ngon...

Tôi thấy gặp dịp, cũng nên ngưng câu chuyện khô khan của cuốn sách đầy những vấn đề làm cho độc giả nhức đầu, mà hỏi đến nguyên do nghiện thuốc của anh Côn.

Nguyên do dẫn dắt anh Côn đến với ả phù-dung thật là văn nghệ. Hồi còn

ở Hà Nội vào năm 1943, anh trông nom tờ Thông-tin do Trọng-Lang làm chủ-nhiệm, anh thấy có một xấp bản thảo gửi đến mà lối văn tối mò mò. Đọc xong, anh chữa một vài chỗ và còn phê vào đấy mấy câu đại khái là muốn tiến bộ phải viết thể này thể nọ. Xong, anh để lại tòa soạn và dặn nhân viên thường trực nếu tác giả có đến thì hỏi xem có bằng lòng những chỗ sửa chữa như vậy thì đăng. Hôm sau người ở tòa-soạn cho biết là tác-giả lấy bài về mà chẳng trả lời gì cả. Mấy hôm sau, một dịp tình cờ anh Côn được biết tác-giả của bản thảo bị anh dạy viết thể này thể nọ, chính là nhà thơ Đinh-Hùng. Anh Côn sửng sốt và ân hận. Sau đó, anh nhờ một người bạn thân với Đinh-Hùng đưa anh đến nhà để làm quen và xin lỗi chuyện chữa bài. Người bạn cho biết Đinh-Hùng hút thuốc phiện, nếu muốn đến chơi thì tốt hơn hết là đem theo một ít thuốc để tặng anh. Khi mang thuốc đến, Đinh-Hùng vốn khá tính, không chịu nhận và muốn rằng nếu để thuốc lại, thì khách cũng phải hút. « Thế là sau nhiều ngày đi lại với Đinh Hùng, tôi biết hút từ đó. »

Kể đến đây anh Côn nhìn lên trần nhà nói tiếp: « Xin anh đừng nghĩ là tôi đồ tại vì Đinh-Hùng mà tôi nghiện đâu anh nhé. Vấn đề này Mẹ tôi lúc sinh tiền cũng đã khổ sở vì tôi. Nhớ có lần trong kháng chiến, tôi thường lên đến nhà một nhân viên trong ủy ban xã để hút. Mẹ tôi biết được, đến tìm. Nghe báo tin, tôi chạy vào buồng trong, leo lên cốt thóc trốn. Mẹ tôi đứng ở cửa hỏi qua thấy chủ nhà bảo không có là mẹ tôi về, mặc dù nhìn thấy chiếc áo đi mưa của tôi còn để quên trên mắc áo giữa nhà. Tối hôm đó, Mẹ tôi ôn tồn nói: « Mẹ biết con nằm trong buồng, nhưng Mẹ không muốn vào, vì giữ danh dự cho con. Sao con lại trốn vào buồng ngủ của người ta? ». Ý mẹ tôi nói sao tôi lại chạy trốn vào buồng ngủ, có thể tôi đã chui dưới gầm giường nhà người ta chẳng. Lần đó tôi định chữa, và nhiều lần nữa, nhưng rồi đâu lại vào đấy. Nhất là lần tôi biết tự mình không bỏ hút được, tôi mới trêu ông Biện-lý sở tại, bị ông ta bắt giam mấy tháng; sau đó ông biết lý do nên thả tôi ra và ông lại còn hết sức ngợi khen tôi là một thanh niên quả cảm, và chúc cho tôi đầy đủ nghị lực để dứt khoát hẳn với thuốc phiện. Nhưng trên đường về nhà, tôi đã ghé lại một tiệm hút và nằm ở đấy cho đến tối mới mò về nhà !

— Trên Bách-Khoa mục phỏng vấn này mang tên là « Sống và Viết » vậy xin anh cho tôi biết thêm về nếp sống hàng ngày của anh.

— Buổi sáng thường tôi đi các công việc nhà in, nhà báo... 1 giờ trưa mới ăn cơm, 5 giờ chiều ăn qua loa khúc bánh mì chẳng hạn rồi tới 10 giờ tối mới lại ăn cơm với cả gia đình. Ngày trước, mẹ tôi thường mua cật heo thái mỏng, dim thật mặn cho tôi ăn. Chỉ một miếng nhỏ tôi cũng ăn hết cả một bát cơm, nên nay tôi cũng chỉ thích ăn cơm với tôm kho thật mặn, mặn đến muối nổi lên trên con tôm và một tô canh thịt nạc thật nóng...

— Anh cho tôi một câu hỏi cuối, kết thúc cuộc đàm-thoại này : “ Có người nói anh không học về khoa-học, và tất cả những điều anh viết về khoa học đều là bịa. Anh nghĩ sao ?

— Có phần đúng. Tôi không đồ phần tú tài nào, vậy tất nhiên tôi không được học gì về khoa học, nếu chúng ta nghĩ phải được giảng dạy theo một chương trình đại-học mới là học về khoa học. Nhưng nếu chúng ta nghĩ : khoa học có thể có phần tự học được thì vấn đề hơi khác đi. Và chẳng không bao giờ tôi viết, hay nói rằng tôi giỏi khoa học. Tôi chỉ nói tôi thích, ham học và ham đọc loại truyện dự tri, tưởng tượng khoa học. Cái thích cũng như sự học của tôi nghiêng hẳn về phía suy tư, mơ mộng, nên đọc quyền *Vi-trùng-học* của bác sĩ Ái, tôi chỉ đọc có phần đầu ; đọc quyền *Lý-thuyết Tương-quan* của Einstein tôi chỉ đọc có phần cuối. Tôi nhớ có lúc hiểu dễ dàng, có lúc hiểu khó khăn, có trường hợp tôi bản khoăn đến mấy năm sau mới hiểu. Lẽ tất nhiên sự tự học đưa đến nhiều lầm lỗi. Trong một truyện ngắn, tôi viết sai một phương trình toán. Trong một truyện khác, tôi viết sai về tốc độ xoay tròn của địa cầu. Tất nhiên, mỗi lần nhận thấy mình sai là một lần nóng ran cả mặt.. Nhưng tôi không vì thế mà bỏ được cái tật thích đọc, và viết cho người khác đọc, về khoa học. Tôi tin chắc độc giả có nhiều người biết tôi sai chỗ này hoặc chỗ nọ, và cũng có đúng điều nọ điều kia. Vấn đề, đối với tôi là gây nên những cuộc thảo luận : cái gì đúng sẽ tồn tại, cái gì sai sẽ bị quên lãng. Bạn đọc của tôi chắc cũng có nhiều người học thức cao. Sự kiện họ chấp nhận tôi, sự kiện có dư luận thuận lợi cho tôi, tưởng khó mà do tôi tạo ra rồi bắt họ loan truyền đi được....

— Ý anh muốn nói vì căn cứ trên sự chấp nhận của một số độc giả nào đó của anh, cho nên ngày nay anh mới đề nghị một triết thuyết liên quan đến dân tộc Việt Nam, đến vấn đề Cộng sản và Tư bản,..

— Đúng hơn là tôi đã đề nghị cả một triết thuyết về nguồn gốc và giá trị của đời sống con người. Lý thuyết đó là kết quả của tính mơ mộng của tôi một phần, còn một phần do những điều tôi thu thập được ở khoa học.

Rồi anh Nguyễn-Mạnh-Côn nhìn tôi cười cợt mở : “Còn vấn đề của bạn đọc, không phải họ tìm xem tôi giỏi hay không giỏi, mà chính là họ xem xét những đề nghị của tôi có giá trị gì không. Đối với người suy tư, sự đề nghị một lý thuyết là cao điểm tốt cùng của cuộc đời. Lý thuyết đúng, thì dốt mà là dốt giỏi ; lý thuyết mà sai, thì có giỏi thật cho mấy đi nữa thì cũng là giỏi dốt vậy thôi.”

LÊ-PHƯƠNG-CHI

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH TỐ C

NeuroTonic

KM. 733/DTV/GCDP/16.4.44

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Hai bộ sách mới ra của NGUYỄN-HIỂN-LÊ

VĂN HỌC TRUNG QUỐC HIỆN ĐẠI (1898-1966)

Trọn bộ 600 trang — Cuốn II mới phát hành

Phân tích 5 trào lưu văn học

Giới thiệu 50 tác giả 200 tác phẩm

So sánh hai nền văn học Trung-Hoa và Việt-Nam trong nửa thế kỷ nay.

BÁN ĐẢO Ả-RẬP : thảm kịch của Hồi giáo và Dầu lửa

Sau Bài học Israel tới Bài học Ả-Rập

Bảy quốc gia nhược tiểu bị thực dân Đông và Tây lung lạc, gây ra biết bao biến cố, biết bao tủi nhục từ Thế-chiến I tới nay đáng cho chúng ta suy ngẫm.

Hấp dẫn như Đông Chu liệt quốc.

Bốn tác phẩm đặc sắc :

BỘI LAN HÀNH

Thi phẩm thứ tư của ĐÔNG-HỒ. Gồm ba mươi bài thơ dài tâm sự nhất, điêu luyện nhất mà cũng đặc ý nhất « *chẳng những là một tác phẩm, một kiệt tác văn chương, mà còn là một nỗi lòng của TRÁC CHI....* »

4 phụ bản, bút tích và họa phẩm thủy mặc của tác giả.

QUINH-LÂM xuất bản.

ÚC VIÊN THI THOẠI

Những chuyện thơ kỳ thú, một bút tích, một di ảnh và tiểu sử của Thi-Si ĐÔNG-HỒ với lời giới thiệu đưa duyên chân thành của NGUYỄN-HIỂN-LÊ, một người bạn viết cho một người bạn vừa nằm xuống.

oOo

Hà-Tiên xuân sắc

Hà-Tiên danh bút

Hà-Tiên thu hứng

Hà-Tiên danh hoa

Tất cả những thi vị ấy của Hà-Tiên đã được ghi lại rất đậm đà trong cuốn Tùy Bút : **DƯỚI MÁI TRĂNG NÓN**

với một bài hành văn Rẩy của Thi-Si NGUYỄN-BÍNH

Lại xin đón đọc :

ĐĂNG ĐÀN

10 bài thuyết trình về văn học — nghệ thuật văn chương — trong 10 lần lên diễn đàn của ĐÔNG-HỒ.

Đều do MẠC-LÂM xuất bản YIỂM YIỂM phát hành

72-D Trần-văn-Thạch — Tân-Định — Saigon.

nhiều quá. Những câu hỏi đang còn đua nhau thúc giục như muốn tranh nhau tuôn ra một lúc. Anh nghĩ sao về một tài liệu trong một tạp chí của VC nói anh là con quan, tụt giốc, sa đọa v.v. ; tại sao anh nằm bàn đèn ; mỗi tình nào ở tuổi hai mươi mà anh cho là đẹp nhất của anh ; cuốn sách nào anh ưa thích nhất v.v. Bao nhiêu câu hỏi quay cuồng trong đầu trong lúc tôi lặng ngắm anh Côn. Lúc này anh mập hồng hào hơn trước. Tôi hỏi đề khơi câu chuyện :

— Nghe nói anh mới xuất bản mấy cuốn sách, phát tài lắm ?

Anh Côn cười rất cởi mở : Cũng vì một vài chuyện trục trặc với một nhà xuất bản quen, tôi liền in thử một cuốn, đó là cuốn *Tình Cao Thượng*, in năm ngàn, nhà Đồng Nai phát hành, bán hết sách, tôi in tiếp cuốn *Giấc mơ Của Đá*, và bây giờ là cuốn *Hòa Bình, Nghĩ Gì ..*

— Xin anh cho biết những nguyên do thúc đẩy anh viết và xuất bản cuốn *Hòa Bình.. Nghĩ Gì ? Làm Gì ?*

Anh Nguyễn Mạnh Côn lại cười : nếu nói rõ về cách làm việc của tôi thì phản khoa học lắm anh à. Tôi không có dự trù, không có một chương trình kế hoạch nào cho cuốn sách này cả Nguyên do là thế này :

Hôm biển cổ Tết Mậu-Thân, một người bạn giúp việc một nhân vật cao cấp trong chính quyền ngỏ ý muốn tôi sưu tầm cho ông ta hai tài liệu nói về « Chính sách và vấn đề xây dựng tư tưởng trong hàng ngũ cán bộ » với khoảng 90 phút, nói trong một cuộc hội thảo hoặc trình bày ở một lớp huấn luyện quân chính chẳng hạn. Tôi nhận lời về viết được 100 trang đưa cho anh bạn, sau đó tôi được trả lại bản thảo và mấy phó bản đánh máy. Chờ mãi đến đầu năm nay (1969), chẳng thấy bài của mình được xử dụng. Sau khi in xong cuốn « *Giấc Mơ Của Đá* », tôi nảy ra ý định gửi cho một ông Thiếu tướng là cấp chỉ huy cũ của tôi, một tài liệu, có liên hệ nhiều đến công việc đào tạo cán bộ, đề xem có ứng dụng gì được không Tôi nhớ đến nay vẫn chưa được trả lời. Còn một tài liệu, liên hệ, đến tình hình chính trị tổng quát nhiều hơn, nên tôi thương lượng với nhà phát hành Đồng Nai và sau khi họ ưng thuận, tôi mới xem lại đề chữa một vài chỗ mà lúc viết tôi chưa vừa ý. Khi đọc lại thấy cần phải thêm đoạn nhận định về thực-tại, bởi vì căn bản trong nguyên cáo, tôi chỉ nói đến ba điều quan trọng là : Mỹ sẽ ra sao ? Cộng sản sẽ làm gì ? Chúng ta sẽ làm gì ? Tôi đọc đến chữ thứ 207... « ngày qua rồi ngày qua », mà hiện nay anh thấy nằm ở dòng đầu của trang 24 ; bắt đầu từ chữ *qua* đó tôi viết tiếp. Và tiếp cho đến 530 trang như anh đã thấy trong sách.

— Còn vấn đề giá bán mỗi cuốn, có phải là 500đ. ?

— Lúc đầu tôi định là dù có viết thêm đoạn đầu, cũng chỉ lên tới 200 trang là nhiều. Cho nên tôi định là sẽ ghi giá bán mỗi cuốn khoảng 200đ. Nhà Đồng Nai cũng đồng ý.

— Rồi, sau vọt lên 500đ. có gặp sự trở ngại nào của nhà phát hành không ?

Tâm sự Nguyễn-Mạnh-Côn sau Hòa-bình.. nghĩ gì ? làm gì ?



Nguyễn-Mạnh-Côn và con trai
nhỏ ở bàn làm việc.

Những tác phẩm của nhà văn
Nguyễn Mạnh Côn :

Với bút hiệu : Nguyễn-kiên-
Trung :

*Thoái trào của Cộng sản trước cao
trào Tổ cộng (1956), Việt Minh người
đi đâu ? (1956), Chống Mác-xít (1957),
Đem tâm tình viết lịch sử (1957).*

— Với bút hiệu : Nguyễn-Mạnh-
Côn :

*Kỳ hoa tử (1960), Ba người lính
nhảy dù lâm nạn (1960). Cộng sản*

*là gì (1961), Con yêu con ghét (1966), Lạc đường vào lịch sử (1966) Mỗi tình
màu hoa đào (1965), Tình ca thương (1968) Sống bằng sự nghiệp (1968),
Yêu anh vượt chết (1969), Giấc mơ của đá (1969), Hòa bình.. nghĩ gì ? làm
gì ? (1969).*

Tôi đến nhà anh Nguyễn Mạnh Côn vào giữa trưa sau khi hẹn gặp anh bằng
điện thoại. Tôi đang dựng xe chưa kịp khóa, anh Côn đã đón tôi ở cửa. Anh còn
cầm cây tằm trên tay, tươi cười nói vừa ăn cơm xong. Tôi theo anh vào nhà
định ngồi lên ghế sa-long, anh Côn nói mời anh lên chơi trên gác. Tôi trút giày,
anh lên trước còn ngoái lại dặn là nhớ tránh cái đà ngang này kéo đựng đầu.

Cùng ngồi trên chiếc đi-văng, anh rót đầy cốc nước đầy đến mời tôi; anh
rì một hơi thuốc lào rồi thông thả nằm xuống vừa tiêm thuốc vừa cười : bây giờ
anh muốn biết gì về tôi, tôi xin sẵn sàng chiều ý anh.

Tôi nhìn anh Côn một lúc, những điều tôi muốn hỏi để biết về anh thì



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lao — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHA IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhà, cờ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

**BẠN CÓ ĐU NHỮNG SÁCH LÁ-BỐI
IN NĂM 1969 CHƯA ?**

- **CHIẾN-TRANH VÀ HÒA-BÌNH I, II, III, IV**
Léon Tolstoï, Nguyễn-Hiến-Lê (dịch) 3000 trang giá 1200 đ.
- **ĐẤT PHÙ-TANG CÁI ĐẸP VÀ TÔI**
Y. KAWABATA, Cao-Ngọc-Phượng (dịch) 50 trang giá 25 đ.
- **VẤN ĐỀ NHẬN THỨC TRONG DUY-THỨC HỌC**
Nhất-Hạnh 138 trang giá 70 đ.
- **NHỮNG GIỌT ĐẮNG**
Võ-Hồng 150 trang giá 80 đ.
- **MẶT TRẬN MIỀN TÂY VẪN YÊN TĨNH**
E. M. Remarque, Phạm-Trọng-Khôi (dịch) 216 trang giá 150 đ.
- **CUỐNG RÚN CHƯA LÀ**
Bình-Nguyên-Lộc 112 trang giá 50 đ.
- **HOÀI CỔ NHÂN**
Võ-Hồng 185 trang giá 100 đ.

IN XONG TRƯỚC TẾT :

- **ĐẠO PHẬT NGÀY NAY** (tái bản) Nhất-Hạnh
- **EM BÉ PHÙ TANG** Iseko, ICHINO HATANO, Trương-Đình-Cử (dịch)
- **NẼO VỀ CỦA Ý** (tái bản) Nhất-Hạnh
- **ÁO EM CÀI HOA TRẮNG** Võ-Hồng
- **XỨ TRẦM HƯƠNG** Quách-Tấn
- **PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG TIỂU-HỌC CỘNG-ĐỒNG** Vương-Pền-Liêm
- **PHONG-TRÀO DUY-TÂN** Nguyễn-Văn-Xuân
- **TÂM CA VÀ TÂM CA** (tái bản và 10 bản mới).

NHÀ XUẤT-BẢN LÁ-BỐI
Số 120 Nguyễn-Lâm Chợ-Lớn



Nobel Văn chương 1969

SAMUEL BECKETT

Dẫn thân văn-chương

Thưởng cho Samuel Beckett, giải Nobel năm nay đã chọn thưởng đích thị cho văn chương, Madeleine Chapsal có ý nghĩ ấy mặc dù giải này vẫn xưng là giải văn chương từ hồi nào tới giờ.

Giải văn chương thì chọn các nhà văn. Nhưng nhà văn phần nhiều vẫn viết văn đề nói lên một cái gì. Cái ấy hoặc là một quan niệm sống, một hướng triết lý, hoặc một quan niệm sáng tác, hoặc trình bày xã hội dưới một khía cạnh nào đó, theo một quan điểm nào đó, hoặc trình bày tâm lý con người theo một cách nhìn nào đó v.v ... Đằng này, Samuel Beckett tuyệt không đề cập tới một tí gì về chính trị, triết lý, xã hội v.v... Không ai có thể đem tác phẩm của Samuel Beckett giải thích cách nào để rút ra một quan niệm chính trị hay đạo lý v.v .. Samuel Beckett chỉ làm ra những tác phẩm nghệ thuật, thể thôi.

Vào một thời kỳ mà phong trào văn nghệ dẫn thân bành trướng mạnh Beckett là một trường hợp hiếm hoi. Mặc kệ, Beckett không nói không rằng, không phân bua, không cãi cọ, không giải bày gì cả. Ông không tuyên bố, mà người ta tìm đến để hỏi han ông lại lẩn tránh. Đây có lẽ là nhà văn nổi tiếng mà kín tiếng nhất.

Không tranh phải trái, hơn thua : thiên hạ dẫn thân vào đâu cứ tha hồ, còn Beckett, ông cứ lặng thinh dẫn thân vào... văn chương. Thái độ tỉnh bơ.

Giải thưởng duy nhất

Cuộc dẫn thân này không nguy hiểm nhưng không phải là không gian nan.

Say mê văn chương, ông viết từ những năm mới lớn. Nhưng mặc dù viết lách đã hai mươi năm trời rồi, đến 42 tuổi, lúc ông hoàn thành bản thảo cuốn *Molloy*,

mang đi tìm một nhà xuất-bản thì ông bị từ chối suốt bốn năm trời. Sáu nhà xuất bản đã lần lượt xem qua bản thảo, sáu nhà xuất bản lắc đầu.

Rốt cuộc vào năm 1951, một chàng trai 26 tuổi, nhận ra cái nét khai phá độc đáo của tác giả 45 tuổi này. Và nhà Minuit do Jérôme Lindon sốt sắng nhận in cuốn *Molloy* của Beckett. Rồi dần dần, *Molloy* được coi như mở ra một kỷ-nguyên mới của văn chương, như là một tuyệt phẩm của Beckett.

Alain Robbe-Grillet ca tụng *Molloy* : " trong ấy không có gì xảy ra cả... không có xếp đặt gì, không có tình tiết gì ráo (...) có lẽ rốt cuộc không có gì để nói cả — ngay cả đến cái việc nói là không có gì để nói. " Vậy *Molloy* là sự im lặng.

Năm sau, 1952, kịch *En Attendant Godot* in ra, được hoan nghênh **nhật** liệt, (từ ấy đến nay được dịch ra 18 thứ tiếng). Năm sau nữa, 1953, *En attendant Godot* được diễn trên sân khấu Babylone, lại thành công vang lừng. Quần chúng đã biết Samuel Beckett.

Tuy nhiên, cũng có điều ngộ nghĩnh là suốt trong 40 năm ông viết truyện, làm thơ, viết kịch v.v..., chưa bao giờ có ai, có tổ chức nào chịu phát cho Samuel Beckett một giải thưởng cả Beckett chưa hề được một giải thưởng văn chương nào. Ngoại trừ giải Nobel.

Ngôn ngữ song đôi

Samuel Beckett rất ít nói càng ít nói nhất là về đời riêng của mình. Ông viết nằm chăng ? viết ngồi chăng? nghện cà-phê chăng? nghiệm âm nhạc chăng?... Những cái ấy ông không muốn đề cập đến. Vậy hãy bằng lòng dăm ba nét đơn sơ về đời Beckett.

Sinh ngày 13-4-1906 ở Fox-rock, gần Dublin (Ái Nhĩ Lan). Năm 1926 qua Pháp lần đầu. Năm 1928 lại qua Pháp, dạy học. Bắt đầu có tác phẩm đăng báo từ 1929 Từ 1937 thì ở luôn hẳn tại Paris

Về sở thích, Beckett mê cả hai thứ văn chương Pháp và Anh. Cuộc đời ông là : văn chương, tiếng Pháp, tiếng Anh.

Ngay từ hồi còn đi học ở Ái-nhĩ-lan, Beckett đã xuất sắc về môn Pháp văn. Lớn lên, ông dạy tiếng Anh ở trường Ecole Normale supérieure bên Pháp, và lại dạy tiếng Pháp ở trường Trinity College bên Anh. Ông sáng tác bằng cả hai thứ tiếng : có khi bằng tiếng này hay bằng tiếng kia, có khi viết bằng tiếng này rồi lại tự mình dịch sang tiếng kia.

Về nhà văn, ông cũng yêu một người Pháp, một người Anh. Nhà văn Pháp tiền bối là Marcel Proust, mà từ năm 1930 Beckett đã dành cho một thiên khảo luận. Nhà văn Anh là James Joyce, lớn hơn Beckett 24 tuổi, bạn thân và suýt nữa là cha vợ của Beckett.

Tác phẩm

Anh ngữ

Whoroscope (1930)
Proust (1931)
More pricks than kicks (1934)
Echo's bones and Others precipitates
 (1935)
Murphy (1938)
Ooftish (1938)
Three Poems (1948)
Three Dialogues (1949)
Watt (1953)
From an abandoned Work (1957)
Happy Days (1961)
Words and Music (1962) v.v...

Pháp ngữ

L'Expulsé (1946)
Molloy (1951)
Malone meurt (1951)
En attendant Godot (1952)
Fin de partie, Acte sans paroles (1957)
Nouvelles et Textes pour rien (1958)
Comme c'est (1961)
Oh ! les beaux jours (1963)
Imogination morte imaginez (1965)
Murphy (1953)
L'innommable (1953)
Le cylindre (1967) v.v...

THỂ NHÂN

CÁI CÒN LẠI : TIẾNG NÓI mấy chữ cho samuel beckett

HOÀNG-NGỌC-BIÊN

« Mỗi khi người ta muốn bắt chữ nghĩa làm một thứ công việc đòi hỏi thật sự, mỗi khi người ta muốn bắt chúng diễn tả những gì khác hơn là chữ nghĩa, thì chúng lại xếp hàng với nhau theo cách để rồi hủy diệt lẫn nhau. Chắc hẳn đó chính là điều đã đem lại cho cuộc đời cả cái đẹp của nó ».

Câu trên đây, Samuel Beckett đã viết trong *La Peinture des van Velde ou le Monde et le Pantolon*, nhân những kỳ triển lãm của van Velde ở Maeght, năm 1945. Người vừa được Hàn-lâm-viện Thụy-điển chọn trao Giải Nobel về văn chương, vì đã thể hiện trong tác phẩm kịch cũng như tiểu thuyết của mình cái cô đơn của người, sự thất bại trong cảm thông và sự phi lý của thân phận người, từ lâu lắm, đã chọn cho mình một tiếng nói riêng rẽ và khổ sở, một tiếng nói cất lên thực ra chỉ để tự mình nghe thấy — một tác phẩm nhất quyết nằm ngoài mọi loại thứ, ngoài mọi vấn đề văn chương giả tạo. Tiếng nói đó là tiếng nói của một người, một người thoát tiên không hộ tịch, không tên tuổi, như nhân vật thanh niên đã tự giải thoát trong cũi niết bàn và « chìm đắm trong ánh sáng của vĩnh cửu » (*Assumption*, truyện ngắn đầu tiên, 1929), rồi lại nhận được một lúc những tên Belacqua, Murphy, Watt, Molloy, Moran, Malone,

Macmann., rớt cuộc, nhân vật là bất cứ ai, là không ai cả. Một người không tên, dưới « những bầu trời không chim, không mây, không màu ». Kẻ bị trục xuất, kẻ lang thang trong các thành phố, ngoài các đồng cỏ, kẻ đi tìm, trên núi, dưới biển, không gia đình, không nhà cửa, không cha, không mẹ, không anh chị em, không quê hương, không nghề nghiệp, không dự tính, không lo âu, không tương lai, hoài công đi tìm quá khứ. Những nhân vật không tay, không chân, không trông thấy, kẻ ngồi không đứng dậy được, người đi lại thì không ngồi xuống được, những nhân vật què quặt, tê liệt, run rẩy, hồi hám, lừ đừ, tả tơi, di chuyển lết lê dưới bùn, bị chôn vùi, bị đầy ải, chết dần ngay khi mới sinh ra, khổ sở, và nói. Nói. Bởi vì khi người ta không còn gì, ngoài sự có mặt trên đời này, thì vẫn còn lại những chữ nghĩa, những lời nói, những cái nhìn, và sự cô đơn. « Không muốn nói, không biết điều mình muốn nói, không đủ sức nói những điều mình tưởng mình muốn nói, mà vẫn luôn luôn nói hay gần như vậy ». Thế giới tự tạo đến đâu là dần dần tự tiêu diệt đến đấy, và trước mắt, ta không còn hiểu nổi quá khứ, không còn gọi lại được ký ức, bởi vì « ký ức, vất vả lắm. » Con người bị buộc phải bịa đặt, nghĩa là phải nói. Molloy dưới hốc đá, Krapp trong máy ghi âm, Nagg và Nell trong thùng rác, Hamm trên chiếc ghế có bánh xe, Vladimir và Estragon dưới bóng cây, Vi, Ru và Flo trên chiếc băng dài — nói, thân phận thảm thương của nhân vật, của con người nói lắm nhảm, nói lí nhí, nhắc đi nhắc lại mãi, nói, và phủ nhận lời nói, « Tất cả những gì tôi nói đều phải bỏ đi đúng ra tôi không có nói gì cả », trong *Le Calmant*. Lời nói tự tiêu diệt, lời nói phủ định tan thành bụi, cháy thành khói, ngay khi thành hình, và đồng thời xóa mọi dấu vết. Con người biết sự bất lực của ký ức, của chữ nghĩa, nhưng người vẫn nói, vẫn đợi, bởi vì đó là khả năng cuối cùng và độc nhất, cùng khốn nhất, thường bị bội phản nhất. « Tôi được làm bằng chữ nghĩa », tiếng rên rỉ trong *L'Innommable* dường như không chỉ là tiếng rên rỉ của tôi, bởi vì khi lắng nghe mình, thì đồng thời tôi nghe một đối thoại xa lạ, tập hợp những cái tôi trong trí nhớ bất lực.

Một người sống, có nghĩa là một người đang được rút về tiếng nói. « Tôi nói không ngớt », Watt bảo, « vậy có lẽ tôi hiện hữu đây ». Cái phương pháp nơi Descartes, nghĩ cho cùng, nơi Beckett, kẻ hậu bối, đúng là thực tại sống, là cái có thật — cái làm người đọc rung động.

HOÀNG NGỌC BIÊN

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

ĐẾN VÀ ĐI

Giữa sân khấu, sát bên nhau, đối diện với khán giả, Flo, Vi và Ru ngồi rất thẳng, hai bàn tay chắp vào nhau để trên đầu gối.

Im lặng.

VI.— Ru này.

RU. Gì.

VI.— Flo này.

FLO.— Gì.

VI.— Lần sau cùng, ba đưa mình, ngồi cùng với nhau, lúc nào vậy nhỉ?

RU.— Ta đừng nói gì cả,

Im lặng.

Vi ra khỏi sân khấu, bên phải.

Im lặng.

FLO.— Ru này.

RU.— Gì.

FLO.— Vi đó, mày có cảm tưởng gì về nó?

RU.— Cũng như hồi nào tới giờ — ít hay nhiều (*Flo ngồi vào chỗ Vi ở giữa nói thì thào vào tai Ru.*) Khốn lắm! (*Hai người nhìn nhau. Flo đưa ngón tay lên trước miệng.*) Nó không biết à?

FLO.— Trời đâu có muốn vậy!

Vi bước vào. Flo và Ru lại quay mặt ra khán giả, ngồi lại như lúc đầu. Vi ngồi vào chỗ của Flo.

Im lặng.

FLO.— Cứ như thế này, ba đưa mình, không thêm ai vào nữa, như ngày xưa ở với mấy bà, trong sân, ngồi cạnh nhau.

RU.— Trên tấm...

VI.— Suyt!

Im lặng.

Flo ra khỏi sân khấu, bên trái.

Im lặng.

RU.— Vi này.

VI.— Gì.

RU — Flo đó, mày thấy nó ra làm sao ?

VI.— Cũng vậy — gần như vậy. (*Ru ngồi vào chỗ Flo ở giữa, nói thì thầm vào tai Vi*). Khồ lắm ! (*Hai người nhìn nhau. Ru đưa ngón tay lên trước miệng.*) Người ta không bảo cho nó biết sao ?

RU.— Trời đâu có tra vậy !

Flo bước vào. Ru và Vi lại quay mặt ra khán giả, ngồi lại như lúc đầu. Flo ngồi vào chỗ của Ru.

Im lặng.

RU.— Tụi mình vẫn tay nắm tay — theo lối riêng của ba đứa.

FLO.— Và mơ — chuyện tình. .

Im lặng

Ru ra khỏi sân khấu, bên phải.

Im lặng.

VI.— Flo này.

FLO.— Gì.

VI.— Ru đó, mày thấy nó rồi chứ ?

FLO.— Trời tối. (*Vi ngồi vào chỗ Ru, ở giữa, nói thì thầm vào tai Flo.*) Khồ thật ! (*Hai người nhìn nhau. Vi đưa ngón tay lên trước miệng*) Nó không biết được sao ?

VI.— Trời đã tha cho rồi mà !

Ru bước vào. Vi và Flo lại quay mặt ra khán giả, ngồi lại như lúc đầu. Ru ngồi vào chỗ của Vi.

Im lặng.

VI. — Ta không nói chuyện hồi xưa được hay sao ? (*Im lặng.*) Nói những chuyện xảy ra sau đó nữa ? (*Im lặng*) Hay là ta cầm tay nhau vậy — Cầm theo lối riêng của ba đứa.

Một lát sau ba người đưa bàn tay cầm vào nhau như sau : bàn tay phải của Vi cầm bàn tay phải của Ru trên đầu gối của Ru, bàn tay trái của Vi cầm bàn tay trái của Flo trên đầu gối của Flo, bàn tay phải của Flo cầm bàn tay trái của Ru trên đầu gối của Vi, hai cánh tay của Vi đặt trên cánh tay trái của Ru và trên cánh tay phải của Flo.

Im lặng.

FLO. - Ru này. (Im lặng.) Vi này. (Im lặng.) Tôi thấy tay đụng vào mấy chiếc nhẫn đấy.

Im lặng.

MÀN HẠ

GHI CHÚ

Thứ tự chỗ ngồi

1		Flo	Vi	Ru
2	}	Flo		Ru
			Flo	Ru
3		Vi	Flo	Ru
4	}	Vi		Ru
		Vi	Ru	
5		Vi	Ru	Flo
6	}	Vi		Flo
			Vi	Flo
7		Ru	Vi	Flo

Ánh sáng

Yếu ớt, chỉ chiếu từ phía trên xuống và chiếu tập trung vào chỗ ngồi. Phần còn lại trên sân khấu nằm trong bóng tối

Y phục

Áo choàng rất dài, cài nút đến tận cổ, áo màu tím sẫm (Ru), màu đỏ sẫm (Vi), màu vàng sẫm (Flo). Nón sẫm bất cứ thứ gì có vành nón khó rộng để cho mặt các nữ diễn viên nằm trong tối. Ba nhân vật giống nhau càng nhiều càng tốt, chỉ khác nhau về màu sắc thôi. Giày nhẹ, đế cao su. Các bàn tay phải hóa trang làm sao cho hết sức trông thấy rõ. Không thấy có nhẫn.

Chỗ ngồi

Thứ ghế dài hẹp không có chỗ dựa lưng, dài vừa vặn cho ba người đàn bà ngồi vừa đụng nhau. Càng ít thấy rõ càng tốt. Làm sao cho khán giả phải tự hỏi không biết các diễn viên đang ngồi trên cái gì.

Ra khỏi sân khấu

Người ta không trông thấy các nhân vật đi ra hậu trường. Các nhân vật phải biến mất trong bóng tối cách vùng có chiếu sáng vài bước, và cùng cách đó, khi nhân vật hiện ra lại, cũng phải đến gần chỗ ngồi mới được trông thấy. Đi ra và đi vào đột ngột nhẹ nhàng không nghe tiếng chân bước.

Giọng nói

Nói tới mức vừa đủ nghe được thôi. Giọng mát thanh, trừ tiếng tán thán tiếp sau câu tâm sự thì thầm và hai đối thoại tiếp theo đó,

đã phát hành **TƯ-TƯỞNG** số 6

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ :

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ CẤU LUẬN

do **Phạm Công Thiện,**
Kim Định, Ngô Trọng Anh
Tuệ Sỹ, Thích Nguyên Tánh viết

sách của nhà xuất bản An-Tiêm :

- * **SA MẠC PHAT TIẾT** (thơ)
của Bùi Giáng 240 trang, giá 180 đ.
- * **NGƯỜI VIỆT CÓ DÂN TỘC TÍNH KHÔNG**
biên khảo của Sơn Nam 116 trang, giá 90 đ.
- * **TÂM TÌNH HIẾN DÀNG** (*The Gardēner*)
của Tagore; bản dịch của Đỗ Khánh Hoan-108 trang, giá 90 đ.
- * **HÒI KÝ VIẾT DƯỚI HÀM**
của Dostoievsky bản dịch của Thạch Chương
280 trang, giá 180 đ.
- * **BẾP LỬA**
của Thanh-Tâm Tuyền 128 trang, giá 80 đ.
- * **CÁI CHUÔNG KHỈ**
truyện ngắn của Nguyễn-đức-Sơn 156 trang, giá 80 đ.

sách do nhà An-Tiêm xuất bản tự phát hành lấy, các hiệu sách ở xa
mnốn mua xin liên lạc với nhà Lá-Bối 120, Nguyễn-Lâm Chợ-Lớn.

Ngày khai trường

Buổi sáng Văn trở dậy sớm hơn lệ thường. Lẽ ra anh cũng định ngủ thêm. Nhưng quá nhiều tiếng động đánh thức anh. Văn giật mình tỉnh giấc sau tiếng hét lớn của một người bạn ở cùng cư xá, nơi phía ngoài hàng lang: Dậy đi thôi anh em! Hôm nay là ngày khai trường rồi! Văn định tiếp tục nhắm mắt. Nhiều tiếng la lối khác vang bên tai. Văn không thể nào nằm yên được nữa, anh đành tung chăn, nhảy xuống giường. Người bạn ở cùng phòng hướng về phía Văn:

— Dậy đi! ngày khai trường mà hura chi đã làm biếng quá vậy?

Văn gấp chiếc chăn dạ lại, vương vai một cái:

— Dậy làm chi cho mệt, còn sớm chán mà.

— Sớm gì nữa, còn một tiếng nữa thôi. Ra đánh răng rửa mặt đi! Hôm nay đông lắm, không lên giảng đường trước không có chỗ đâu.

Văn xách chiếc khăn mặt và các dụng cụ cần thiết ra ngoài phòng. Nhiều người đã mặc quần áo xong tề chỉnh đứng tụ từng đám ở dãy hành lang. Có nhiều tên còn đang gặm cả một khúc bánh mì. Tiếng cười nói inh ỏi. Ai cũng hân hoan về ngày khai trường.

Văn tiến tới phòng rửa mặt chung

người bạn cuối cùng xách đồ lễ khí giới đi lên. Anh ta nhìn Văn cười:

— Tôi tưởng là người chót hóa ông còn trễ hơn!

Văn còn lại một mình. Anh vừa nghĩ tới người chung quanh. Họ có vẻ chờ đợi một cái gì trong ngày khai trường. Văn không ngạc nhiên. Anh đã dự nhiều ngày khai trường rồi nên không còn cảm thấy xôn xao. Ngày khai trường năm ngoái hình như anh đang bắt đầu buổi học với học sinh tại một tỉnh nhỏ. Anh ngó lũ học trò mở đôi mắt tròn xoe để nghe ông thầy nói. Chúng cũng hân hoan về ngày khai trường. Văn không để ý có sự trùng hợp ngày khai-giảng của cả thầy lẫn trò. Chỉ trong giờ giải lao, lúc Văn ngồi trong phòng giáo sư, một người bạn đồng nghiệp ghi tên chung với Văn ở cùng một phân-khoa mới nhắc nhở cho anh nghe: "Hôm nay tại đại-học cũng khai giảng thì phải" Văn à lên một tiếng. Không phải là ngôn ngữ diễn tả sự ngạc nhiên, lời thốt ra có nhiều bụi ngùi. Ngày khai giảng của trường mình theo học mà mình cũng quên đi, không nhớ nổi. Văn cô đơn hơn bao giờ hết. Hôm đó anh chỉ luẩn quẩn nghĩ tới Phương. Chắc Phương cũng đã tới lớp, chắc Phương cũng đã vui vẻ với bạn bè và chắc nàng cũng đang giận anh. Anh đã hẹn với nàng: tới ngày khai trường anh sẽ trở về để

chở nàng đi học trong buổi học đầu tiên của năm. Nhưng anh đã không về, còn quên cả ngày ấy nữa. Buổi tối lòng anh hiu hắt, nản buồn. Anh ra một chiếc quán cóc tại đầu cầu gần thành phố làm hai mảnh, ngồi nhậu một mình. Anh uống hơi nhiều. Khi về nhà anh đã đánh một giấc cho tới sáng.

Hôm nay Văn cũng đã dậy trễ. Ngày khai trường, anh biết có nó tử nhiều hôm trước, kể cả hôm qua. Không phải bất thành linh anh mới biết sự hiện diện của nó như năm ngoái. Năm nay, anh biết nó đang tới từ từ, dù anh không chờ đợi. Nhưng tối qua Văn cũng đã về muộn. Anh đi dạo chơi với thằng Huy ở Sài Gòn lên. Hai thằng uống cà phê ở nhà hàng Thủy-Tạ. Nó nói chán đời và tình nguyện đi lính.

— Mày nghĩ xem, kéo mãi cái đời sống dạy học này cũng chán rồi, đảng nào cũng bị gọi, đi lính trước còn hơn.

Trước khi ề, hai thằng không nói năng gì với nhau một hồi lâu. Văn bảo nó về phòng anh ngủ. Nó không về. Nó còn phải viết mấy cái thư trước khi vào quân trường và « ngủ ở ngoài này mai ra xe đồ tiện hơn ! »

Văn trở về nhà. Anh thức khuya ngồi hút thuốc và ngắm ngọn đèn mờ nhạt toả ánh sáng yếu ớt trong phòng. Anh định viết vài điều trong nhật ký nhưng lại thôi.

Nhưng sáng nay trước khi trở dậy, Văn đã mơ màng thấy Phương ở trong ngày khai trường. Giấc mơ lặp đi lặp lại nhiều lần. Cũng có thể do anh nuôi nặng giấc mơ nên nó không tan đi. Anh có nói với Phương : « Trên khuôn mặt em, nụ cười làm anh thích nhất ». Nụ

cười hiện trong giấc mơ hôm qua cũng nhiều nhất...

Khi Văn trở về phòng mọi người đã đi cả. Người bạn chậm trễ từ nãy đang huýt gió ở trong buồng, hẳn nói khi thấy Văn đi qua :

— Ông lẹ lên, tôi chờ ông đấy.

— Nếu bạn thì ông đi trước đi, chắc tôi còn cà rà kè rề đôi chút.

— Ô kê ! tôi phải lên giữ chỗ. Tụi nó sáng nay nhẩy lên trên giảng đường đặt vở giữ chỗ trước, rồi mới xuống đánh răng rửa mặt đó.

Hùng nhẩy một cái xuống bậc thềm. Hẳn ta đi thoăn thoắt. Gót giầy nện cồm cộp trên đá xanh.

Văn bước vào trong phòng. Anh định pha lấy một ly cà phê, nhưng ngại lách cách. Có lẽ cũng trễ giờ rồi. Giảng đường ngự trị trên đỉnh đồi. Khung cảnh đó, đứng ở đây có thể nhìn thấy rõ. Mọi người tụ tập đông đảo. Những tà áo màu vui mắt. Tiếng nói chuyện vang cả xuống phòng anh.

Văn khép cửa lại. Anh thay đồ thật lẹ làng và đi xuống cầu lạc bộ. Bác Ba đang lui húi sắp lại hàng tách chén.

Bác ngó anh ngạc nhiên :

— Cậu chưa đi học à ?

— Chưa, còn sớm mà bác. Bác cho tôi ly cà phê sữa.

Bác Ba lấy chiếc ly có chứa sữa sẵn, bắc chế cà phê vô, đưa cho Văn :

— Cậu uống lẹ rồi còn lên học.

Văn cười đón lấy chiếc ly trong tay bác.

Trong quán, ngoài Văn và bác Ba ra, chẳng còn một ai. Bàn ghế xô lệch lờng

chồng. Nhiều tách chén còn nhớp nước uống nằm ngổn ngang trên các bàn. Có ly nước còn bỏ noa tới già nửa. Văn ngồi giữa sự bẽ bộn đó. Anh châm một điếu thuốc, hóp một ngúm cà phê nhỏ, gác chân lên mặt bàn, dựa vào thành ghế lim dim.

Sự mệt mỏi trong đêm qua đang trở lại đầu trên cơ thể Văn. Anh cảm thấy đôi mắt díp lại. Nhưng khi nhắm mắt, Văn lại thấy vô cùng tỉnh táo. Những ngày chủ nhật, những ngày Văn không phải dạy học, anh vẫn thức khuya và dạy trẻ. Kể cả trong ngày khai trường, khi còn là ông giáo Văn cũng chỉ cần chừng nửa tiếng để sửa soạn tới lớp.

Nhưng hôm nay họ ồn ào sớm quá. Lần thức giấc đầu tiên của Văn vào khoảng bốn giờ sáng. Một người bạn ở cùng phòng anh lục đục dậy ủi đồ. Hôm qua, không biết hẳn đi chơi đâu, hơn 11 giờ mới về. Vừa tới phòng, hẳn đã lăn quay trên giường. Ngay cả chiếc bàn ủi, Hẳn cũng không mượn trước. Sang nay, tên bạn cho hẳn mượn đồ đã cáu sườn vì bị phá giấc ngủ quất tháo inh ỏi.

Bây giờ tất cả những người bạn cùng phòng lên trên giảng đường rồi. Tất cả chỉ còn một mình Văn. Sự cô đơn không dung tràn ngập trong tâm hồn, tràn ngập hơn cả trong ngày khai trường năm ngoái khi Văn nghĩ tới Phương Văn bỗng thấy mình già hẳn đi, già cằn cỗi. Anh ngồi bất động giữa đám bàn ghế. Văn muốn ngồi yên ổn nơi đây. Anh có ước ao muốn làm một tảng đá vô tri giữa một đám sóng menh mang ào ào đánh tới. Đám sóng biển đó là kỷ niệm của bạn bè và của Phương vây quanh cuộc đời anh. Văn nhủ thầm : không biết lát nữa anh sẽ có bộ mặt nào khi đứng giữa đám đông

sinh viên đang hân hoan chờ đón giờ học đầu tiên, chờ đón ngày khai trường ? Văn muốn đi ra phố, phải, lúc này, Văn chỉ có ý muốn đi ra phố.

Rồi Văn cũng phải đứng giữ đám đông ồn ào. Tiếng động vây quanh người. Những tà áo màu rực rỡ, những chiếc xiêm xanh, đỏ lượn trước mắt anh. Nam Sinh viên, ăn mặc sang trọng. Nhiều người chỉnh tề trong những bộ đồ lớn. Những chiếc cà vạt gọn gàng trên cổ áo. Nếu có vị giáo sư trẻ nào đứng trong đám đó quả khó lòng phân biệt được. Văn thờ thẩn giữa mọi người. Anh lách qua đám đông, vừa đi vừa hút thuốc. Ngày khai trường nào cũng có vẻ nhộn nhịp. Từ bé đến giờ, từ khi bắt đầu cắp sách đi học, có lẽ Văn tham dự nhiều lắm là mười lăm, mười sáu ngày khai trường. Nhưng Văn vẫn có cái cảm tưởng là anh đã trải qua quá nhiều ngày khai trường đến độ không thể nào đến nổi. Mới qua Trung học chừng bốn năm năm, nhưng những ngày khai trường cũ xa tít tắp, xa vời như quê hương của anh, và cả hai cũng tuyệt vọng như vậy khi anh có ý nghĩ muốn trở lại nơi chốn đó.

Ngày còn ở tỉnh nhỏ miền Bắc, mỗi lần tới ngày khai trường, là Văn xôn xao, rộn ràng. Đối với Văn, ngày khai trường tới là chấm dứt tất cả những thú vui đang trải rộng trong những tháng hè, tràn ngập tâm hồn trẻ thơ của anh : Những ngày rong chơi trên bờ đê, những ngày hụp lặn dưới nước để bắt cá bắt tôm, những ngày đuổi theo trái banh trái bóng với bạn bè trên cỏ. Nhưng chấm dứt những ngày đó Văn vẫn không cảm thấy buồn khổ. Ngược lại, sự hân hoan chờ đợi giây phút huyền diệu khi gặp bạn bè làm tan mất tất cả những

tiệc nuôi cảnh sống sướng trong mùa hè.

Không hiểu thú vui chờ đón ngày khai trường Văn mất đi từ khi nào? Từ lúc Văn đậu xong bằng tú tài và bắt đầu đi dạy học hay từ lúc Văn bơ vơ trong những ngày khai trường tại những tỉnh nhỏ heo hút? Văn không nhớ. Anh chỉ biết cái cảm giác cô quạnh lạnh lùng thêm một chút hiu hắt, anh bắt gặp trong những ngày khai trường cứ mỗi ngày một tăng dần với thời gian.

Thế nhưng, ngày hôm nay anh lại hiện diện trong một ngày khai trường. Hiện diện một cách miễn cưỡng. Tại bạn mà biết mình trở lên trên này học chắc tức cười lắm. Bốn năm đi dạy học, bây giờ còn trở lại để đi học. Học hành cũng chẳng bao lâu nữa chừng độ một năm nữa là đi lính. Thăng Huy đã bỏ đi nó chán nản cuộc đời dạy học. Nó nói với Văn:

Nếu mày còn học được thì cứ học, chứ tao nản lắm rồi. Tiếp tục dạy học cũng không được, học lại cũng không. Đi lính cũng là một giải thoát chứ mày tưởng.

Đi lính cũng là một giải thoát. Con đường giải thoát đó không ồn Binh nghiệp chỉ là một điều bất đắc dĩ. Văn không từ chối chuyện lính tráng nhưng anh cũng không tình nguyện làm người hùng.

Với Văn đi lính cũng như lấy vợ, điều đó dù không muốn rồi cũng phải tới. Và trừ trường hợp hi hữu, ai cũng phải lấy vợ, đi lính. Tình nguyện lấy vợ hay đi lính cũng như nhau. Đó là một chấp nhận đau đớn và êm đẹp giữa cuộc đời Đó không phải là một giải thoát

Văn mãi nghĩ, điều thuốc cháy gần hết lúc nào không hay. Hơi khói nóng bám chung quanh ngón tay. Văn vắt mạnh điều thuốc xuống ruộng rau nằm bên nơi thung lũng ngay bên cạnh chiếc sân rộng lớn ở trước giảng đường Văn đưa tay lên coi. Khói vàng bám vào đầu ngón tay trơn ướt. Văn hơi thấy rát, anh lúi húi chùi ngón tay vào quần

— Ủa anh Văn anh cũng lên đây học à?

Văn giật mình, anh ngẩng lên. Dũng, người bạn của em anh đang nhìn anh ngạc nhiên. Đôi mắt còn trẻ, trong sáng và mở to tới độ khiến Văn cũng ngạc nhiên về sự hiện diện của anh ở đây. Dũng ăn mặc chỉnh tề, áo vét, cà vạt. Trong sự trịnh trọng ra phết đó vẫn có một cái gì trẻ con. Văn gật đầu:

— Ừ tôi cũng lên đây học như Dũng vậy.

Dũng chớp chớp đôi mắt:

— Em nghe nói anh đang dạy học ở Sóc-Trăng?

— Tôi bỏ dạy ở đó từ năm ngoái cơ. Năm vừa qua dạy tại Sài Gòn rồi.

Văn lấy ra một điều thuốc khác, anh đưa bao thuốc cho Dũng, Dũng từ chối.

— Chắc Dũng vừa đậu Tú-tài trong năm nay?

— Vâng, Còn Đạo bây giờ học gì?

— Hẳn ghi M P C tại Sài Gòn. Hiện Hẳn dạy chỗ tôi tại Sài Gòn năm ngoái.

— Cha! Đạo trở thành ông thầy rồi hả anh?

Trong cách phát biểu và cử chỉ của Dũng, Văn thấy Đạo chừng chắc hơn.

— Dũng lên đây lâu chưa?

— Mới tuần trước anh ạ.

— Chắc Dũng khoái môn học này lắm.

— Dũng dơ tay nói khe khẽ chiếc cà vạt có lẽ chừng thắt chặt quá đang siết lấy cổ cu cậu.

— Vâng.

Câu trả lời gọn lỏn của Dũng lễ phép và nhẹ nhàng Văn hơi chột dạ khi nghĩ đến câu hỏi của anh. Chắc Dũng thích môn này lắm ! Nó mà hỏi câu hỏi đó chắc Văn lúng túng, “ Chắc anh thích môn học này lắm ? ”

Tối qua Huy cũng đã hỏi Văn như vậy và Văn đã bối rối. Anh lơ là :

— Cũng không thích gì lắm. Nhưng có lẽ ở trong tình trạng xã hội như bây giờ, học có lẽ thích hợp.

Với Huy Văn có thể bình tĩnh hơn, nhưng có lẽ với Dũng, câu nói đó Văn cảm như nó sẽ rơi vào trong một khoảng không lỗ bịch.

Nhưng Dũng không hỏi anh câu đó. Có tên bạn nào vừa gọi nó ở đằng xa. Dũng quay về hướng mấy bàn tay riu rít vậy. Hắn quay nói với Văn :

— Thôi em ra với tụi bạn.

Văn cười gật đầu. Dũng lách mình qua đám đông rồi khuất sau những hàng người. Văn thở nhẹ nhẹ khỏi thuốc trong không. Dũng chấm dứt câu chuyện, anh khoan khoái hơn. Chóng quá, thế mà nó đã lên tới đại-học. Thời gian vụt qua nhanh. Hồi Văn bắt đầu đi dạy, Dũng đang học đệ ngũ với Đạo. Bây giờ anh gặp lại Dũng trong ngày khai trường ở cùng lớp học. Với Đạo sự gặp gỡ giữa anh và nó thường xuyên nên khi anh trao lớp học cho Đạo, anh không thấy có một đổi thay gì. Đạo cũng vậy, có lẽ nó cũng nhìn anh khác hơn

Dũng. Hình như chuyện nó lên trên đại học với chuyện anh lên học trên này đều bình thường. Đối với Đạo, Văn đã vào đời, Văn đã kiếm tiền. Đạo vẫn coi như Văn đã có một nghề, và việc học của anh chỉ là một việc phụ. Nhưng ngày hôm nay Văn gặp Dũng trong một ngày khai trường, ngày khai trường bất đắc dĩ với Văn. Lát nữa hai người cùng vào một lớp. Văn càng cảm thấy một cái gì “ quá thời ”, lẻ loi đang chiếm đóng lấy tâm hồn anh. Thực ra khi Văn đứng đây chung với Dũng sự hiện diện của anh có thoải mái tự nhiên hay không ? Văn biết mình sắp lại luẩn quẩn. Anh cố tránh những giây phút đó. Nhưng anh biết nó sắp ào tới hồn anh, làm nghiêng ngả những quyết định như những hàng gió mạnh ào tới làm nghiêng ngã những bụi lau mảnh mai. Những hàng lau mảnh mai có lẽ chống đỡ lại cơn gió còn dễ dàng hơn. Còn những quyết định sẵn sàng gãy gập bởi những kỷ niệm đang vây quanh trong tuổi trẻ của anh. Những kỷ niệm đau đớn và nặng nề, đúng hơn tất cả bất hạnh của đám bạn bè và của chính anh anh phải nhận.

Văn cúi đầu xuống đi đi chân trên mẩu thuốc vừa quăng xuống. Những tư tưởng tiếp tục như luồng nước xoáy trong đầu anh nhẹ nhàng và thăm thía, giờ này Thường đang làm gì ? Chắc hắn đang lang thang tại một ấp xã nào để truyền bá cái rộng đời sống, lấp biển của nó. Văn không biết rõ, nhưng đoán Thường đang hoạt động chính trị. Hồi Văn dạy học tại tỉnh, thỉnh thoảng Thường vẫn ghé qua anh ngủ một vài tối rồi lại vội vã đi ngay Hấn đi liên miên. Thường thường tỉnh của Văn ở chỉ là nơi thường tạm trú chân để dời đi tỉnh khác, những lúc từ biệt

Văn, Thường vẫn leo lên xe để đi sang các tỉnh lân cận. Thường đôi lần ngỏ ý với anh: «Tao thấy bây giờ không thể lý thuyết suông, phải bắt tay vào làm một cái gì.» Đôi lúc, Văn ghé thăm Thường Sài Gòn, anh bắt gặp nhiều người lạ mặt. Những người bạn thân của Thường. Văn đều quen mặt cả. Nghĩ đến Thường là Văn nghĩ đến anh chàng Dũng trong «Tôi Thấy Hoa Vàng Trên Cỏ Xanh». Không biết bây giờ hắn đã đời được mấy cái sông, lấp được mấy cái biển rồi?

Còn Trung, hắn còn đóng ở ven quốc lộ hay không? Cách đây một năm, Văn gặp hắn râu ria xồm xàm, đang gặm một chiếc bắp nướng, ở một quãng đường gần «bắc», trên lộ trình di chuyển của anh từ nơi dạy học về Sài Gòn. Khẩu súng gác trên bả vai, Trung ngồi bệt trên một mô đất nhai chiếc bắp có vẻ ngon lành lắm. Người hắn đen thui, mồ hôi chảy thành từng vệt nhỏ ngoằn ngoèo trên chiếc gỗ gân guốc. Trông hắn như một người thời tiền sử. Văn không thể nào tưởng tượng được đó là một tên có cô bồ ăn mặc lịch sự, đẹp đẽ. Văn chợt có ý tưởng; nếu đem cô bồ của hắn bánh bao và lư lượt là trong bộ y phục tây phương, áo Pull over đỏ chói jupe serré màu cà phê sữa nhạt, tóc cắt gọn gàng trên phủ trên đôi vai thon trắng, đặt cạnh Trung. Có lẽ không có thể biết được đó là một cặp tình nhân Văn lại gần hắn, chuyện trò. Anh không giữ được ngạc nhiên khi Trung vừa nhai ngồm ngoàm vừa xác nhận với Văn: Bồ tó nó bỏ tó rồi. Nó lấy thẳng được sĩ giàu lắm! Giọng của Trung tỉnh bơ càng làm Văn cảm thấy có nhiều cay đắng.

Huy thì làm báo dạy học mãi cũng

chán bây giờ bỏ đi lính. Có hồi nó không có chỗ dạy vừa nhá bánh mì vừa viết văn. Viết báo đã nhiều nhưng mãi cũng chưa có tác phẩm nào ra hồn. Phải nhìn thấy cái dáng ngồi ghẹo đầu sang một bên chiếc lưng cong hẳn xuống trong những lúc trên, Văn mới nhiều khi tin được rằng ở đời này còn có người giữ được mức đam mê quá đáng đến như vậy.

Còn những tên bạn đồng nghiệp cũ, bây giờ không biết có còn nổi mãi cái nghề gõ đầu trẻ hay cũng đã đi lính rồi?..

Nhiều tiếng ồn ào ở đầu hồi giảng đường. Ông tổng thư ký của viện tới. Ông nói điều gì, ở xa Văn không nghe thấy, anh chỉ trông bàn tay của ông ngoắc ngoắc, cho vào lớp học. Có lẽ giờ học đã đến, đám đông ùn ùn vô trong giảng đường. Văn cũng trôi theo luôn sóng đó.

Tới ngưỡng cửa, Văn ngó lại, những người sau lưng đầy nghẹt. Họ cũng đang bị những luồng sóng người ào ào đầy tới. Khuôn mặt người nào cũng hăm hở, họ đang mau di chuyển trong phòng để kiếm một chỗ tốt hoặc kiếm đúng chỗ họ đã giữ trước. Văn không muốn có một chỗ nào trong chiếc phòng này. Những khuôn mặt đó làm anh cô đơn hết sức. Thốt nhiên, Văn có ý tưởng đi thật xa, muốn về cái vị trí của anh và bạn hữu. Lẽ ra anh phải đứng trên bục lên vào ngày hôm nay mới phải. Lẽ ra anh nên ra phố từ nãy. Văn muốn lui lại đằng sau. Anh muốn lui lại đằng sau, để có thời giờ thanh thản nghĩ về những hình ảnh những kỷ niệm đang vây lấy anh kia. Anh muốn nghĩ tới bạn hữu, muốn nghĩ tới

Phương. Lòng Văn bỗng đau đớn :
 «Anh biết chắc lời anh hứa với Phương
 khi nàng đi lấy chồng sẽ không thực
 hiện được » Anh Văn, tất cả những
 điều khó khăn không thể vượt qua
 được của tội mình, em tin rằng anh
 đã hiểu và đã tha thứ cho em. Nhưng
 trong lúc bối rối và khổ sở này, em vẫn
 mong anh hứa với em một điều : Anh
 hãy chấm dứt đời sống lộng bông đi, hoặc

là anh học lại hoặc anh lấy vợ, có thể
 em mới yên tâm được. Nếu không thà
 rằng em tự tử còn hơn. Anh Văn anh đã
 biết tính em, đừng để em có hành động
 dại dột... »

Phải, bây giờ anh biết chắc lời hứa
 đó với Phương anh không thực hiện
 được

TRẦN ĐẠI

(Trích « Giữa Hai Vùng Đất »)

Muốn hiểu rõ :

CÁCH GIAO-THIỆP, TIẾP TÂN, CÁC NGHI-THỨC NGOẠI-GIAO

đề xứng đáng là người lịch sự, nên tìm đọc :

XA GIAO MỚI và CÁC NGHI LỄ

do TẾ-XUYEN dịch

Bày bán tại nhà sách KHA-TRÍ 62 Lê-Lợi Saigon Giá mỗi quyển : 120 đồng

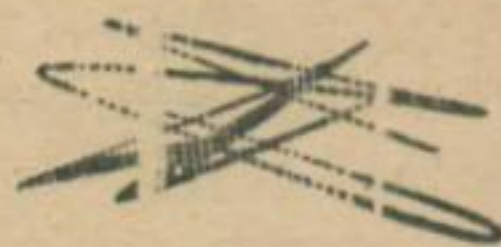
Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'
CÔ ACIDE GLUTAMIQUE



khẩu vị,
ăn thêm ngon.

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể



KN 2071.6YT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Khi về Quảng Trị

Thơ PHAN-PHỤNG-THẠCH

rồi bắt tay giã-từ từng nỗi chết
ta trở về đứng giữa những tang thương
quê-hương đó những chiếc cầu đã gãy
còn mong chi nổi lại những con đường !

★

còn ai đó, những người thân yêu cũ ?
thắp giùm ta một chút nắng trong hồn
em còn không hay muôn đời đã ngủ ?
ôi một thời hoa-bướm Hạnh-Hoa thôn !

★

từng lớp người lên đường đi biển biệt
Triệu-Phong buồn u-uẩn một giòng sông
máu-đào ai đã chảy về Cửa-Việt ?
mà xương khô còn gởi núi Ba-Lòng !

★

vùng Bến-Hải đã khai-quang bạch-hóa
Trung-Lương bây giờ không khói hoàng hôn
Bà Mẹ Gio-Linh (1) thân nghèo tươi tắn
Phạm-Duy ơi, giọng hát Thái-Thanh buồn...

★

về Cam-Lộ trong bụi đường đất đỏ
trại định-cư từng giếng nước phèn chua
từng bữa cơm người ăn khoai củ vò
trẻ con gãy, tuổi nhỏ cũng già nua !

★

qua Đông-Hà đất cày lên sỏi đá
trời mùa thu sao vắng trẻ đến trường ?
từ thị-trấn mất vọng ề muôn ngả
khói cơm chiều hay khói lửa quê-hương ?

★

Ngô-Xá, Đạo-Đầu, Bích-La, Bồ-Bản ...
một vùng quê giờ mỗi một yên nằm
bom đã nổ trên đồng sâu đồng cạn
thì làm sao còn thấy bóng trâu ăn !

(1) Bà Mẹ Gio-Linh : tên một bản nhạc của Phạm-Duy,
Thái Thanh thường hát trong ban Văn-nghệ khu Tư cũ.

ơì Đại-Lộc, một lần ta qua đó
đề muôn đời còn nhớ mãi Xuân-Ba
cho ta ngủ bên giòng-sông-tuổi-nhỏ
thuở thanh-bình vang vọng tiếng chim ca.

Trong mơ tôi thấy các em về

Thơ LÊ-VĂN-TRUNG

Trong mơ tôi các em về buồn bã
Đứa đôi cao ôm súng nhớ sân trường
Đứa què quặt đi bằng đôi nạng gỗ
Các em về không dấu nỗi đau thương

Đứa ôm mặt khóc ròng trên xe đầy
Buồn hay vui khi gặp lại nơi này
Lòng tôi như cơn mưa phùn tháng bảy
Các em về hiu hắt gió heo may

Đứa lưng lẳng đôi tay còn vết máu
Nằm im lìm trên từng chiếc băng ca
Đứa vừa chết phủ tang cờ, đôi mắt
Còn lăn tròn hai hàng lệ xót xa

Xin cảm ơn cho tôi còn gặp lại
Dù các em về trong một thoáng mơ thôi
Dù các em về không còn nguyên thân xác
Nhìn được nhau cũng đủ gượng môi cười

Trong mơ tôi từng dãy bàn lớp học
Nằm đìu hiu, cây phượng đứng ưu phiền
Mắt cay cay tôi tưởng mình sắp khóc
Nhớ các em giờ trăm đứa trăm miền

Nhà xuất bản PHẠM HOÀNG

Giám đốc : Bà Phạm-Thị-Rĩ

Hộp thư 1510, Saigon

đã tái bản :

MẶT TRỜI

KHÔNG BAO GIỜ CÓ THỰC

in lần thứ hai của

PHẠM-CÔNG-THIỆN

IM LẶNG HỒ THẨM

in lần thứ hai của

PHẠM-CÔNG-THIỆN

mới xuất bản :

RILKE (tập I thuộc bộ Nhà thơ và nhà văn
nhân loại của PHẠM CÔNG-THIỆN

sẽ phát hành cuối tháng 11 - 1969 :

HENRI MILLER (tập II thuộc bộ Nhà thơ và
nhà văn nhân loại) của PHẠM-CÔNG-THIỆN

BLAISE CENDRARS tập III thuộc bộ Nhà thơ
và nhà văn nhân loại) của PHẠM-CÔNG-THIỆN

đang in :

ECCE HOMO (của INETZOCHE
do PHẠM-CÔNG-THIỆN dịch

Thời-sự Thế-giới

T Ò - T R Ì

Cuộc chiến tranh giữa quân cảm tử Palestine và chính phủ Liban đã làm cho thế giới chột nhử lại tình hình bỏng cháy tại Trung-Đông. Cuộc chiến tranh tại vùng này lúc nào cũng âm ỉ cháy chỉ chờ một quyết định vụng về hay một bài tính sai lầm của các lãnh tụ Ả-Rập và Do-thái là bùng nổ trở lại.

Tình hình Trung-Đông khiến cho Hoa kỳ trở nên lúng túng. Trong các cuộc đụng độ hiện thời, Hoa - kỳ cố gắng đứng ngoài vòng nhưng chưa chắc đã được toại ý. Thật ra thì từ khi Hoa-kỳ bị mắc kẹt trong sinh lầy của chiến cuộc Việt-Nam, chính-phủ Hoa-thịnh-đốn không còn rảnh tay để hoạt động mạnh tại các vùng khác. Tuy nhiên, sau 10 tháng chấp chánh, Tổng-thống Nixon cũng đang cố gắng đi tìm một đường lối ngoại giao mới, đỡ tốn kém hơn và hữu hiệu hơn. Những nét chính của đường lối này đã dần dần xuất hiện qua các bài diễn văn của Tổng-thống Nixon.

Trong khi đó Tây - Đức thay đổi chính phủ. Lần đầu tiên trong lịch sử Cộng-hòa Liên - bang Tây - Đức, một chính phủ xã hội được thành lập tại Bonn và cũng là lần đầu tiên từ 40 năm nay mà đảng Xã - hội đã nắm chánh quyền ở Đức.

Trung-Đông : Đụng độ đỏ-máu giữa Ả-rập

Tại Trung-Đông từ trên 20 năm nay

bất cứ người Ả-Rập nào cũng có chung một ý-chí là tiêu diệt Quốc-gia Do-thái mà họ coi là kẻ tiếm địa.

Nhưng mỗi khi đem quân chinh-phạt Do-thái, thì người người Ả-Rập lại chia rẽ trầm trọng. Người ta nhớ rằng ngay từ năm 1948 khi Do-Thái được thành lập, quân đội Ả-Rập kéo nhau tới tấn công, nhưng Vương-quốc Transjordanie, sau khi chiếm được một phần lãnh thổ bên kia bờ sông Jourdain, đã vội vã ngưng chiến để củng cố địa-vị và đổi tên nước là Jordanie khiến Tổng-thống Nasser lúc đó còn làm thiếu-tá phải ngồi trong hầm cả tháng trời để đợi viện quân Ai-cập tới giải vây.

Trong tình trạng hiện thời cũng vậy, các quốc gia Ả-Rập, sau khi bị bại trận vào tháng 6 năm 1967, tìm mãi không ra một đường lối chung. Quốc-vương Hussein, cũng như Tổng-thống Nasser muốn hòa để giải quyết khó khăn kinh-tế nhưng dân chúng không chịu. Hơn nữa hơn một triệu dân di cư gốc Paletsine sang lánh nạn tại Syrie, Liban và Jordanie càng ngày càng hoạt động mạnh để lấy lại Palestine. Họ thành lập những đoàn quân cảm tử tinh nhuệ, thiện chiến. Họ sẽ không bao giờ tha thứ cho bất cứ một lãnh tụ Ả-Rập nào mưu toan thương thuyết với Do-thái. Tại các quốc gia Ả-Rập, các người Palestine đều tổ chức một quốc gia, trong quốc gia. Họ dùng lãnh thổ các quốc gia này không những làm căn cứ quân sự, mà còn làm những

cứ điềm xuất phát để tấn công khủng bố Do-Thái. Khi Do-Thái, với không-quân hùng hậu, trả đũa, thì chính các quốc gia Ả-rập lại là nạn nhân chính.

Liban cũng ở vào tình trạng này, Đầu năm 1969 chỉ vì một vài quân cảm tử Palestine cưỡng bách một chiếc phi-cơ Do-thái phải hạ cánh xuống phi trường Beyrouth mà không quân Do-thái đã phá hủy phân nửa số phi cơ dân sự của Liban để trả thù.

Rút kinh nghiệm này, Liban đã cố gắng đứng ngoài cuộc tranh chấp Ả-Rập — Do-thái. Vì Liban, với một nền kinh tế trù phú, không muốn bị lôi cuốn vào các cuộc tàn sát bất lợi cho quyền lợi quốc gia. Chính phủ Liban, do Tổng-thống Christian Helou lãnh đạo, tuy bắt buộc phải chấp nhận dân di cư và quân cảm tử Palestine trên lãnh-thổ Liban, ông Hélou vẫn cố gắng ngăn chặn không cho họ tấn công Do-thái. Chính sách của ông là nhằm tạo một thể quân-bình để những người Hồi-giáo có thể sống chung với dân Thiên-Chúa-giáo. Vì vậy tuy là Thiên-Chúa-giáo, ông đã cử ông Karami, hồi-giáo và theo khuynh hướng chống Do-thái, làm Thủ-tướng để thực thi chính-sách quân-bình nói trên :

Nhưng thể quân-bình này hết sức bấp bênh, vì mỗi lần ông Hélou có một hành động nào cản trở hoạt động quân sự của dân Palestine thì ông Karami lại dọa từ chức. Ông Hélou đã ký với nhóm Al Fatah, một tổ chức cảm-tử quân lớn nhất của dân Palestine, buộc họ không được ra khỏi doanh trại của họ ở sườn núi Hermon và phải tránh xa các đô-thị đông dân cư ở gần biên-giới Do-thái. Đột nhiên cảm-tử-quân Palestine vi phạm thỏa-hiệp, chiếm các

cơ-sở của chính-quyền ở các vùng phụ cận thủ-đô Beyrouth, xé cờ Liban và đùng độ với cảnh-sát gây ra nhiều cuộc đổ máu. Ngay lập tức tại các thủ-đô Ả-Rập, dân chúng biểu tình lên án Tổng-thống Hélou. Cuồng nhiệt nhất là Syrie, nước này hết sức bất bình trước hành động của ông Hélou, vì theo họ, ông Hélou làm cản trở cuộc thánh chiến chống Do-thái. Syrie kéo quân tới biên giới Liban chỉ đợi dịp là can thiệp. Libye gọi đại-sứ ở Beyrouth về và Yémen đoạn giao không những với Liban mà còn với cả.. Hoa-kỳ (!).

Trước thái độ hiếu chiến của phe Ả-Rập Do-thái cũng dọa sẽ can thiệp nếu Liban bị tấn công. Hoa-kỳ hết sức lúng túng vì Liban là một nước dân-chủ và ổn-định nhất Trung-Đông, nên luôn luôn được cảm-tình của chính phủ Hoa-thịnh-đốn. Hơn nữa, năm 1958 quân đội Mỹ đã có lần được gửi qua Liban, để bảo vệ chính-thể dân-chủ của xứ này. Nhưng tuy có cảm tình với Liban Hoa-kỳ cũng vẫn không dám có một hành động gì khiến tình trạng trở nên trầm trọng hơn. Trong khi đó Nga sô lớn tiếng tố cáo là Mỹ đã nhúng tay vào vụ này.

Tuy vậy tình-hình cũng không đến nỗi quá bi đát. Vì các quốc gia Ả-Rập cũng còn ngần ngại không dám bênh vực dân Palestine quá mức bởi chính ngay trong nội-bộ của họ, họ cũng gặp phải những vấn-đề tương tự. Sở dĩ các quốc gia Ả-Rập lớn tiếng tố cáo Liban chỉ vì họ muốn chiều ý dân chúng mà thôi. Từ lời tuyên bố tới hành động còn một khoảng cách rất lớn. Ngược lại, để dàn xếp với các nước lân-bang, Tổng-thống Hélou, trong tương lai, sẽ có một thái độ cứng rắn hơn đối với Do-thái.

Ngoài ra trong cuộc bầu cử Quốc-hội Do thái vừa qua, khối Gahal thuộc khuynh hướng cứng rắn cực hữu đã chiếm tới 27 ghế, tức là 5 ghế hơn nhiệm-kỳ trước. Thành công của khối Gahal khiến chính phủ của bà Golda Meir bắt buộc phải có một thái độ cứng rắn không kém. Với thái độ bất nhượng bộ mỗi ngày một lớn của cả hai bên, quan hệ giữa Ả-Rập và Do-thái khó lòng cải-thiện được.

Hoa-kỳ tiếp tục áp dụng tân chính-sách đối ngoại

Sau 10 tháng chấp chánh, chính phủ Nixon lần lần tìm ra được một đường lối ngoại giao mới bớt tốn kém hơn, và người ta hy vọng rằng sẽ hữu hiệu hơn.

Thật vậy trong bài diễn văn đọc tại Guam cách đây vài tháng Tổng-thống Nixon đã vạch rõ những nét chính của chính-sách Hoa-kỳ tại Á-châu. Tại lục-địa này, ông muốn từ nay Hoa-kỳ sẽ tránh những cuộc can thiệp võ-trang trực tiếp và sẽ cố gắng phát-triển kinh-tế để các Quốc-gia Á-châu có thể tự mình ngăn chặn mối đe dọa cộng-sản. Nhưng chính sách này chỉ có thể được tích-cực áp dụng nếu chiến tranh Việt-Nam được kết thúc. Vì vậy mà nhiều người e ngại rằng áp dụng chính-sách mới, ông Nixon có thể thực hiện hòa-bình ở Việt-nam bằng bất cứ giá nào. Để trả lời những thắc mắc này và cũng để cho dân chúng Mỹ hiểu rõ thực chất của cuộc chiến tranh hiện tại ở Việt Nam, hôm 3-11 vừa qua, ông Nixon đã tuyên bố là ông sẽ rút quân đội Hoa - kỳ khỏi Việt - Nam theo đúng lịch trình ấn - định. Nhưng theo ông, lịch-trình này sẽ chỉ được tôn trọng nếu đối phương cũng có những cử chỉ đáp ứng với thiện-chí hiếu-hòa

của phe đồng - minh. Đồng thời ông cũng đã chứng minh rằng sở dĩ các nỗ lực hòa-bình hiện tại không đem lại kết quả cụ-thể chính là do lỗi của đối phương quá cứng rắn. Ông cũng đã công bố thêm về những thư từ mà ông đã trao đổi với cố Chủ - tịch Bắc-Việt Hồ - Chí - Minh đề mưu văn hồi hòa bình.

Nhiều người cho rằng bài diễn-văn này không có điều gì mới lạ vì Tổng-thống Hoa kỳ chỉ lập lại những lời đã tuyên bố nhiều lần. Tuy nhiên nếu xét kỹ bản diễn-văn này, ta thấy có một điều mới là lần đầu tiên mà Hoa-kỳ trình bày rõ ràng trước bạn cũng như thù lập - trường của chính phủ Hoa-thịnh-đốn. Đối phương từ nay hiểu rõ Hoa-kỳ sẽ có thể nhượng-bộ tới mức nào và đồng minh có lý do để an-tâm vì họ biết rằng chính-phủ Hoa-kỳ không bao giờ chịu văn-hồi hòa bình bằng một giá quá đắt, là chấp nhận một cuộc chiến bại đầu tiên của lịch-sử Hiệp-chủng-quốc.

Đối với Mỹ châu la-tinh, Tổng-thống Nixon cũng đang cố gắng áp dụng một chính-sách mới. Trong bài diễn-văn gần đây ông Nixon đã ấn định lại đường lối của Hoa-kỳ tại Nam-Mỹ. Ông muốn rằng từ nay sự hợp tác giữa Hoa-kỳ và Nam Mỹ sẽ dựa trên căn-bản bình-đẳng. Viện trợ của Hoa-kỳ cho Nam Mỹ sẽ giảm bớt số lượng, nhưng sẽ được hữu hiệu và dân-chủ hơn. Hoa-kỳ sẽ không đặt điều kiện cho viện-trợ. Các quốc-gia Mỹ - châu la-tinh từ nay có quyền dùng tiền viện trợ Mỹ để mua sản phẩm của các quốc-gia Mỹ-châu khác mà không bắt buộc phải mua hàng của Hoa-kỳ. Nói

một cách khác, để giảm bớt số tiền viện trợ, vì ngân sách Hoa-kỳ đang gặp khó khăn, ông Nixon phải trả tại tự do và bình-đẳng cho các quốc-gia Nam-Mỹ.

Tây-Đức có chính-phủ xã hội đầu tiên

Lần đầu tiên từ 40 năm qua tại Đức một chính phủ xã hội đã được thành lập. Trong cuộc bầu cử Quốc-hội liên-bang vừa qua tuy đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo vẫn đứng hàng đầu, nhưng không chiếm được đa số quá bán tại Quốc-hội. Đảng Dân-chủ Xã-hội của ông Willy Brandt đã nhân cơ hội, liên kết với đảng Dân-chủ Tự-do để lập nên các mới. Trong khi đó đảng Tân-Quốc-xã của ông Von Thaddey bị loại vì không hội đủ 5% số phiếu của cử-tri toàn quốc.

Ta nhớ lại rằng khi đảng Xã hội Đức cầm quyền lần cuối cùng vào khoảng năm 1930, đảng này đã thất bại để Hitler có cơ hội lên nắm chính quyền vì vậy mà nhiều người tỏ ý lo ngại sợ rằng triều đại xã-hội sẽ mở đường cho

độc tài ở Đức. Tuy nhiên sự thật đã khác hẳn. Năm 1930 Đức vừa ra khỏi cuộc chiến tranh trong khi vào năm 1969 Đức phồn thịnh hơn bao giờ hết. Hơn nữa ông Willy Brandt tuy thuộc đảng Xã-hội nhưng đường lối của ông cũng ôn hòa không kém đường lối của Thủ-tướng Dân chủ Thiên-Chúa-giáo Kiesinger. Với một đa số mỏng manh là 3 phiếu, ông Brandt khó có thể thành công dễ dàng được. Vì vậy ông tỏ ra hết sức thận trọng. Ông tuyên bố ông sẽ sang Nga để bàn chuyện với các lãnh tụ điện Kremlin nhưng ông không nói rõ là sẽ bàn về vấn đề gì. Ông loan báo sẽ thương-thuyết với Ba-lan, nhưng ông cũng không dám nói là để ấn định ranh-giới Oder-Neisse. Tóm lại chính sách mới của Tây-Đức dưới sự hướng dẫn của ông Willy Brandt còn rất mơ hồ. Người ta còn phải chờ ít lâu nữa mới có thể nói được rằng ông Willy Brandt sẽ thành công hay không

TỪ TRÍ

Được sự ủng hộ quá dự đoán, SÁNG-TẠO đã in lại cuốn sách bán chạy và gây sôi nổi dư luận nhất trong năm, cuốn sách đã làm tác giả lao đao vất vả, làm người viết bài khen phải ở tù:

CHUYỆN CẨM ĐÀN BÀ

của DẶNG-TRẦN-HUÂN

Dầy 220 trang, Bìa sơn dầu 4 màu offset, láng của HIẾU-ĐỆ. Giá 16-đ

TUYỂN TẬP MÙA THU

tập truyện chọn lọc của những cây viết thời đại:

Lưu Kiền Xuân — Dương Trữ La Hồ Trường An — Nguyễn Văn Xuân — Biên Hồ — Nguyễn Nguyên — Tần Hoài — Tường Linh

— Một tuyển tập đặc sắc hình thành trong một mùa thu, nhưng để đọc trong cả bốn mùa

— Một tác phẩm ấn hành trong năm nay, nhưng để đọc trong cả những năm sau.

Ấn loát mỹ thuật — Trường-Sơn Xuất-bản-cục ấn hành

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Sách gối đầu giường của Nasser

Người ta đồn rằng suốt mùa hè năm nay, quốc trưởng Nasser của Ai cập gối đầu giường một tác phẩm của một người Do thái. Cuốn *Israël sans sionisme* của Uri Avnery.

Uri Avnery là chủ bút tờ tuần báo *Hao'am Hazé*, lại là một lãnh-tụ chính trị phe tả, đối thủ của tướng Moshé Dayan. Đối với vấn đề tranh chấp với khối Ả-rập, ông chủ trương trả lại đất mới chiếm cho đối phương để đổi lấy một nền hòa bình thực sự.

Nói chuyện với Claude Lévi-Strauss

Nhà xuất bản Plon vừa ấn hành cuốn *Entretiens avec Lévi-Strauss* của Georges Charbonnier. Sách không dày, chỉ có 192 trang. Đề tài các câu chuyện là vấn đề nghệ thuật trong xã hội.

Tuổi già của Pearl Buck

Pearl Buck năm nay đã 77 tuổi. Bà được giải Nobel từ 31 năm nay.

Vẫn viết, vẫn in, vẫn đi đây đi đó khắp nơi, và vẫn hoạt động không ngừng. Tác phẩm sau cùng của bà vừa được xuất bản ở Pháp là cuốn *Le sari vert*. Công việc bà đang làm hăng say là nuôi đám trẻ con bơ vơ, do những binh sĩ Hoa kỳ sản xuất ra ở Châu Á.

Bà có lượng sức mình chăng? Có lượng dồi sức sản xuất của lính Mỹ ở Việt Nam hiện nay chăng? Dù sao, bà cứ tiến hành công việc. Bao nhiêu tác quyền của bà đều cho cả vào quỹ Fondation Pearl Buck để nuôi trẻ.

Cái chết của Jack Kerouac

Jack Kerouac là kẻ tiên phong của thế hệ Beat Generation. Năm 1957, ông cho xuất bản cuốn *Sur la route*, cuốn thánh-kinh của giới trẻ cuồng nộ.

Vừa viết văn vừa sống cuộc đời một beatnik, ông không màng đến tiền bạc khinh rẻ sự lao tác, chủ trương tình dục tự do, dùng ma-túy để tìm ảo giác thần tiên.

Jack Kerouac chết ngày 21-10 vừa qua, được 47 tuổi.

Phim của D.H. Lawrence

Giữa thời buổi hoàng kim của tính dục này mà bỏ quên D.H. Lawrence là một trọng tội. Tác giả *L'amant de Lady Chatterley* đang được điện ảnh khai thác. Tác phẩm được đưa lên màn bạc lần này là *Femmes amoureuses*.

Kỹ thuật cỡi đồ của giới điện-ảnh Tây phương đã cao siêu, mà Alan Bates và Oliver Reed còn nỗ lực phục vụ tư tưởng D.H. Lawrence, hi hục nghiên cứu cách thức đầy xa đến tận cùng sự táo bạo.

Trong khi ấy thì Jacques Perrin quay phim *Le désert des Tartares* lại bắt buộc hai trăm tài tử và diễn viên phụ phải cầm cung suốt ba tháng ròng rã. Bởi vì cốt truyện của Dino Buzzati kể đời sống của một đơn vị biên phòng biệt cư trong một đồn lũy heo hút.

Cái cực hình phải chịu ấy, rồi J. Perrin tính trả giá cho các tài tử bằng gì?

TRÀNG THIÊN (11-69)

Cảm ơn

Nhà văn, nhà giáo Võ Hồng một cây bút quen thuộc của bạn đọc Bách-Khoa, đã đại diện cho ngành Trung học tỉnh Khánh-Hòa đề ứng cử vào Hội đồng Văn-hóa Giáo dục. Điều bất ngờ là sau khi kiểm phiếu, anh được xếp vào hàng thứ 4, mặc dầu anh không vận động gì hết. Hai người đầu được xưng làm Hội viên chánh thức, người thứ ba lãnh chân dự khuyết và người thứ 4 là Võ Hồng thì được về Nha-Trang dạy học và viết văn trở lại.

Hẳn là các vị đại diện ngành Trung-Học toàn quốc bữa đó đã vì yêu văn Võ Hồng và yêu tâm hồn nhân hậu của anh qua văn chương mà dồn phiếu cho anh, làm cho tác giả « Hoài cổ nhân » vô cùng xúc động và vui thích dù thất cử! Võ Hồng cũng nhân đây gửi lời hân tạ thịnh tình của tất cả quý vị đã bỏ phiếu cho anh trong kỳ bầu cử trên đây.

Cáo lỗi

Tạp chí Bách-Khoa đã phỏng vấn ông Phạm Việt Tuyền và Giáo sư Nguyễn văn Trung về Hội nghị Văn bút Quốc tế lần thứ 36 tại Menton. Hai ông đã vui lòng kể lại cho nghe những nhận xét riêng về Hội nghị trên đây. Tiếc vì lý do kỹ thuật (nhà in bị cắt điện bất ngờ) bài « nhận xét » của hai vị trong phái đoàn Văn bút Việt nam không đăng kịp kỳ này và phải dành lại cho kỳ tới. Xin trân trọng cáo lỗi cùng ông Phạm Việt Tuyền và ông Nguyễn văn Trung.

Cũng vì lý do trên mà mục « Thời-sự khoa học » không sắp chữ kịp và tạp chí Bách-Khoa phải ra trễ 2 ngày. Xin bạn Tử Diệp và quý bạn đọc thứ lỗi cho.

Sau khi trả lời cuộc phỏng vấn, Giáo sư Nguyễn văn Trung, chủ nhiệm tạp chí « Đất nước » có nhờ Bách-Khoa đăng giùm mấy lời minh xác sau đây để được công bố kịp thời.

MÁY LỜI MINH XÁC VỀ TẠP CHÍ ĐẤT NƯỚC

Từ ít lâu nay, tôi bị đau, rồi lại bị ràng buộc bởi những trách vụ về giáo dục, nên tôi đã nhờ bạn Lý-Chánh-Trung và bạn Thế-Nguyên đảm nhiệm việc biên-tập, điều hành tạp-chí ĐẤT NƯỚC, nhất là từ số 15. Thực ra bạn Lý-Chánh-Trung cũng bận và bạn Thế-Nguyên bây giờ cũng như từ trước hầu như phụ trách cả. Nhưng bao lâu tôi còn đứng tên, tôi vẫn chịu trách nhiệm trước độc giả về tất cả những gì viết trong tạp chí trên. Hơn nữa độc-giả bị « đụng chạm » còn có thể hiểu lầm là tôi né tránh đề xúi dục người khác đả kích. Riêng trong số 15, bài « Văn nghệ trong hệ-thống chiến tranh lạnh » của bạn Thế-Nguyên đụng chạm đến một số anh em làm văn nghệ ở đây, những người tôi quen biết, gặp hằng ngày, hoặc ở ngay bên cạnh; điều mà tôi không muốn, nhưng chắc hẳn sẽ bị hiểu lầm và vẫn phải chịu trách-nhiệm. Do đó, tôi minh-định là tôi thực sự không hay biết gì về bài đó. Tôi chỉ biết khi nhận được báo.

Để tránh hẳn tình trạng trên còn có thể xảy ra, tôi quyết định từ số sau, hoặc là nhường hẳn cho bạn Thế-Nguyên, hoặc là tôi sẽ lấy lại quyền điều-khiển thực sự tạp-chí ĐẤT NƯỚC.

Saigon, ngày 11-11-1969

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc

— **Màu sắc tập thơ của Thanh Vân**, do nhà sách Khai Tri xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 126 trang, khổ 21 x 27, ngoài 12 bài thơ «Dòng tâm sự» của Như-Hiên, là 64 bài thơ của thi sĩ Thanh-Vân cùng một số thơ chữ Hán của tác giả. Tựa của thi sĩ Bằng Bá Lân. In trên giấy nền Trúc Mai và Long Phụng rất đẹp. Giá 200đ.

— **Ca dao tình yêu * Chân mây điệp khúc** của Luân Hoán và Khắc Minh do nhà xuất bản Thơ ấn hành và Luân Hoán gửi tặng. Tập thơ dày 100 trang gồm 48 bài thơ mang 6 đề-mục của Luân Hoán và 10 bài «Chân mây điệp khúc» của Khắc Minh. Bản đặc biệt.

— **Nén hương cho bàn chân trái** tập thơ của Luân Hoán và một số bạn hữu, do nhà xuất bản Thơ ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 140 trang gồm một số thơ của Luân Hoán sau khi bị thương trên chiến trường Quảng Ngãi và phải cưa mất bàn chân trái. Sau đó là những bài thơ và nhạc của các bạn gửi thăm gồm 15 nhà thơ quen thuộc. Giá 150đ.

— **Kierkegaard, người chứng của chân lý**, nguyên tác của Georges Gusdorf, bản dịch của Tôn Thất-Hoàng, do Cadao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 192 trang. Bản đặc biệt.

— **1968 việc từng ngày của Đoàn Thêm**, do Cơ sở Phạm Quang Khai xuất bản trong Tủ sách Tiến-bộ, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày trên 480 trang, ghi lại các sự việc đã xảy ra từng ngày một trong năm 1968, về chính trị,

quân sự, kinh tế, tài chính, văn hóa, xã hội, trong nước và trên thế giới. Cuốn sách có phần Trích yếu rất tiện lợi. Giá 300đ.

— **Văn học Trung quốc hiện đại (1898-1960)** tập II của Nguyễn Hiến Lê do nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 222 trang gồm các phần nói về thời chống Nhật và thời nội chiến (1938-49) rồi đến thời kỳ chia hai (1949-1960) Văn học trong Hoa lục và ngoài Đài-loan. Bản đặc biệt. Giá 160đ.

— **Tiếng chuông gọi người tình trở về** tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng, do Xuân Hương xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 12 của tác giả «Vòng tay học trò», dày 240 trang, bìa của họa sĩ Đinh Cường. Bản đặc biệt.

— **Cái chuông khi** tập truyện của Nguyễn Đức Sơn, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 130 trang gồm 6 truyện ngắn. Giá 80đ.

— **Hoài cố nhân** tập truyện của Võ Hồng do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 186 trang gồm 4 truyện ngắn đặc sắc của tác giả (In lần đầu chỉ có 2 truyện) và «Nghĩ về Võ Hồng» của Trần Thiện Đạo. Phụ bản và bìa của Đinh Cường-Bản đặc biệt. Giá 100đ.

— **Cuống rún chưa lia** tập truyện của Bình Nguyễn Lộc do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 110 trang gồm 7 truyện ngắn mới nhất của tác giả. Phụ bản và bìa của Đinh Cường. Bản đặc biệt.

— **Chấp tay nguyện cầu cho bồ câu trắng hiện**. Tào thơ của Nhất Hạnh do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 110 trang gồm 34 bài thơ chia làm 2 phần: «Xin gọi hết muôn sao về cầu nguyện» và «Hoa mặt trời». Bìa của Hiếu Đức. Bản đặc biệt. Giá 90đ.

Sách báo mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

Mê trường dạ tập thơ của Trần Đồng Vọng, do Nhân-Loại xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 100 trang, khổ 21x27, gồm 50 bài thơ chọn lọc và 10 bài thơ viết tay thủ bút của tác giả, 12 phụ bản, 4 bài thơ do Trịnh Hưng và Trương Đình Cử phổ nhạc. Ấn bản Linh Đài. Ấn bản thường giá 300đ. Ấn bản đặc biệt: 500đ.

Buồn vui đời lính (tập II) trường giang tiểu thuyết của Võ Hữu Hạnh do Hoa-Đặng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 262 trang, in lần thứ 2, mang tên «Vui buồn chiến tuyến». Giá 170đ

— **Phi thuyền Nguyễn Trường Tộ**, truyện khoa học dự tưởng của Huyền Nga do Tuổi-Hoa xuất bản và gửi tặng. Truyện thiếu nhi dày 135 trang, ấn loát đẹp. Bản đặc-biệt-Giá. 45đ.

— **Nữ tu đọc Văn thư Tòa Thánh** do R. Khor xuất bản và gửi tặng. Tập tài liệu gồm các văn thư của Tòa Thánh trước và sau Công đồng Vaticano II, quan niệm về người nữ tu, dày 570 trang. Giá 300

— **Dấu bình lửa** ký sự của Phan Nhật Nam, do Đại Ngã xuất bản và gửi tặng. Sách dày 286 trang. Giá 220đ

— **Chuyện cầm đàn bà** của Đặng Trần Huân, do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 220 trang gồm những truyện cười, in lần thứ 2 có sắp xếp lại theo A, B, C.. Bản đặc biệt. Giá 160đ

— **Hồng lâu mộng** danh tác Trung hoa của Tào Tuyết Cần, bản dịch của Nguyễn Quốc Hùng, do nhà xuất bản Chiêu Dương ấn hành và gửi tặng. Trọn bộ gồm 12 quyển, tổng cộng dày trên 3000 trang. Giá mỗi quyển 130đ riêng quyển chót giá 220đ.

— **Kim bình mai**, danh tác Trung hoa của Vương Nguyên Mỹ, bản dịch của Nguyễn Quốc Hùng, do nhà xuất bản Chiêu Dương ấn hành và gửi tặng. Trọn bộ gồm 12 quyển, hiện đã xuất bản đến quyển thứ 10 dày gần 2000 trang, giá mỗi quyển 13đ.

— **Bếp lửa** truyện của Thanh Tâm Tuyền do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 128 trang, in lần thứ 3 Giá 80đ

— **Mắt thù** truyện dài của Du Tử Lê, do nguyệt san Văn Uyển xuất bản và gửi tặng Sách dày 156 trang, giá nhất định 40đ.

— **Chính trị nhập môn** (chủ thuyết; chế độ; đảng phái) nguyên tác «Initiation à la politique» của René Balman, bản dịch của Thế-Lý, do Thái Độ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 122 trang gồm 4 phần: Chủ nghĩa Tự do ở phương Tây, Cộng sản ở phương Đông v.v.. Bản đặc biệt.

— **Back from hell** nguyên tác «Trở về cõi chết» của Nguyên Vũ, bản dịch Anh ngữ của Võ Quang Châu do nhà xuất bản Đại Ngã ấn hành và gửi tặng. Sách dày 384 trang. Giá: 5 Mỹ kim.

— **Tìm về tin yêu** những chuyện về phép lạ, về đức tin của các nhân vật Gustave Cohen, Reinhold Schneider, Leonard Cheschire, Henri Bergson, Francis Jammes, Sigrid Undset, Paul Sih, và Nhóm Tin Yêu xuất bản và gửi tặng Sách dày 110 trang. Giá 95đ

— **Buồn đo ngô hẹp** tập thơ của An-Huy do tác giả gửi tặng. Sách in ronéo gồm 24 bài thơ.

Nhìn mặt số 2 (tháng 9, tháng 10/69) tạp chí văn học, nghệ thuật, tư-tưởng do Đặng Hòa chủ trương, Trần Hoài Thư chủ biên, Tòa soạn: 42 Trần quý Cáp Qui Nhơn. Mỗi số khổ 23x31, dày 36 trang gồm các phần: sáng tác (truyện, đoạn văn, thơ) truyện dịch Giá 40đ.

Quả đất với cung trăng truyện vui của Lương Trường Xuân và Vương Đức Thực, do Duy Thức xuất bản và gửi tặng. Sách dày 18 trang. Giá 8đ.

HỢP THƯ

*Tập c'í Bách-Khoa đã nhận được
bài của quý bạn s u đây :*

Lâm-Hảo-Dũng ; Mai-hương-Dương ;
Lê đức Tùng ; Nguyễn vy-Thuy ;
Trần tú-Anh ; Trịnh khả Nguyên ;
Nguyễn-tăng Liên ; Trần-yên-Hòa ;
Trần-văn-Nam ; Huỳnh-Công-An ;
Hàn-thanh-Khiêm ; Nguyễn vạn Linh ;
Nhữ đình-Thân ; Trần-thoại Ngọc ;
Hoài Naã Liên-Văn ; Nguyễn-Nẫu ;
Cung thoại-Tuyền ; Khế-lêm ; Ngô-
Nguyên-Nghiêm ; Tường-Hồ ; Đông-
Trình ; Y-Yên ; Nguyễn-như-Mây ;
Phạm thanh Chương , Trần tịnh Yên ;
Lê đức-Tùng ; Đỗ-kim-Hiền ; Lương
Yên Thả ; Thủy Triều ; Nguyễn-
Ngọc-Hùng ; Nguyễn tường Văn ;
Trần thái Hòa ; Nguyễn tịnh Đình ;
Định-trầm-Ca ; Từ huy Vũ ; Trần-
Dạ-Lữ ; Phương-Hoa-Sử ; Phan-thảo-
Vy ; Phạm-Cao Hoàng ; Lê văn Trung ;
Võ-tấn-Khanh ; Ngô-Đình-Lê ; Mai
kim-Đĩnh ; Khánh Xuyên ; Diệu
Thanh ; Nguyễn-Uyên-Uyên ; Phương-
Di ; Nguyễn-Kim-Phượng ; Nguỵ Du ;
Trần thị Mỹ Khánh ; Dậm Ngân ; Lê
Phù Sa ; Nguyễn đức Nhân ; Bồng Tiên
Bồng Lai ; Hoàng ngọc Châu ; Từ
Khánh ; Tôn Thất Hy ; Mặc Mai
Nhân ; Phương Di ; Tô nhược Châu ;
Lê Đức Tùng ; Định Thanh Hữu ;
Hàn Mạc Thu ; Nhị Thủy ; Đỗ kim
Hiền ; Lê Gành ; Phan Đình Dương ;

Thái ngọc San ; Nguyễn Dục ; Điền
Phong ; Trần Dạ Lữ ; Hoài Bảo
Thu ; Thủy Triều ; Chu-Tiên-Nhan ;
N.A. Khương ; Thiên Vi ; Linh
Phiên ; Lê-Huy Đỗ-Văn , Phạm Thanh-
Chương.

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn.
Những bài nào đăng được, chúng tôi
sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắ tin
trên mục Hộp thư này trên 2 số báo
tới đây

— *Ô. Trần Huệ Ân* : Đã nhận
được thêm thư và một bài thơ nữa
của anh. Chúc anh luôn luôn luôn an
mạnh — L N C.

— *Cùng quý bạn yêu cầu có bài
nhận định về kinh tế của Ô. Duy.*
Xin trả lời chung để quý bạn rõ, Ô.
Duy nửa năm nay mắc công việc, nên
chưa thể viết trở lại được.

Tuy nhiên Ô. Duy đã viết khá
nhiều bài trước đây mà tới nay vẫn còn
giúp được bạn đọc có một nhận định
khá rõ ràng về hiện trạng kinh tế V.N.
Vậy xin mời các bạn xem lại những số
Bách-khoa : 227, 228, 229, 230 (15 6
đến 1-8-66 về Kinh tế tự túc) 224
(1-1 66 về Thuế khóa) 241-42 và 243
(15-1 và 15-2-67 về 10 năm kinh-tế)
289 à 290-91 (15-1 và 1-2-69 về kinh
tế năm 68 và 69) .. Ô. Duy sẽ cố viết
bài kiểm điểm 1 năm kinh tế trên số
kỷ niệm 13 năm Bách-khoa vào đầu
năm tới.

HOÀI CỐ-NHÂN

Truyện VÕ-HỒNG — LÁ BỐI tái-bản

Quyển truyện đã làm xúc động hàng vạn độc-giả, đã được trích làm
bài Giảng văn ở bậc Trung học ngót mười năm nay Hàng vạn học-sinh
đã đọc, đã học thuộc, đã làm bài dịch sang Pháp-văn, Anh văn.

Trong kỳ tái bản có in thêm truyện HÀ-VI, RỒI CÂY TRÁI SẼ
CHÍN và NGÃI VỀ VÕ-HỒNG (nhận-định của Trần-Thiện-Đạo)

Nước Đức

TRÊN ĐƯỜNG THỐNG NHẤT

(Tiếp theo trang 10)

VIỆT-PHƯƠNG

rất nhiều so với trước kia và phải bỏ trí lý kỳ lắm mới hy vọng thoát khỏi.

Một trong những lý do Đông Đức viện dẫn để xây bức tường chia đôi 2 vùng nước Đức là ngăn cản những hoạt động gián điệp Tây-phương đã "bắt cóc" mất một số đáng kể các nhà bác học, kỹ sư, đầu não kiến thiết của Đông Đức.

Đứng trước sự tiến triển vượt bậc của nền kinh-tế Tây-Đức, đứng trước tình hình tái thiết và ổn định rất mau đời sống của người dân Tây Đức, các nhà cầm quyền cộng sản Đông Đức, ngay từ đầu đã phải nghĩ tới một cuộc chạy đua kinh tế với khu vực phía Tây, làm sao cho trên thực tế 2 khu vực không thua sút nhau mấy thì mới hy vọng chặn đứng được những mưu toan đi tìm tự do.

Sẵn có một chế độ chính trị chuyên chế, một số nhân công rỗi rảnh, vừa có kỹ thuật cao, vừa có kỷ luật vững, một cơ sở kỹ nghệ tiến chiến lại được sự giúp đỡ của Nga-sô. Đông Đức đã đi rất nhanh trên con đường kỹ-nghệ-hóa, vượt hẳn các nước Cộng-sản lân bang, nhất là từ sau cuộc khủng hoảng về nông nghiệp vào năm 1960 buộc Đông Đức phải bỏ dở chương trình 7 năm và bắt đầu vào việc xây dựng kỹ-nghệ, căn cứ trên những tiêu chuẩn mới, dành ưu tiên cho những công cuộc tìm tòi khoa học phối hợp với sản xuất. Vì vậy mà ngày nay nếu tính theo đầu người thì Đông Đức là nước cộng sản có kỹ nghệ mở mang nhất, hơn cả Liên xô. Ví dụ về điện lực, nếu lấy căn bản Liên xô là 100, thì Đông Đức là 147,6, Hung chỉ có 59,9, Lỗ: 31,3, Tiệp: 100,4. Về hóa học, nếu lấy căn bản

Liên-xô là 100, thì Đông Đức là 248,4, Hung là 84,3 Lỗ là 33,9 và Tiệp là 137,6.

Hiện nay Đông Đức đã trở nên một cường quốc kinh tế đứng hàng thứ 8 (sau Hoa kỳ, Liên xô, Nhật, Tây Đức, Anh, Pháp, Ý) với một dân số và một nguồn nhiên liệu và nguyên liệu ít hơn rất nhiều.

Theo lời tiên đoán của ông Hermann Kahn tác giả cuốn sách « Năm 2000 », thì vào năm 1985 Đông Đức sẽ đứng vào hàng thứ 5 về lợi tức tính theo đầu người, sau Hoa - kỳ, Thụy - điển, Gia nã-đại và Tây Đức. Lợi tức đó sẽ là 4000 đô-la một năm so với 4.200 đô-la của Tây Đức.

Những thành công về mặt kinh - tế đó và sự trung thành gần như tuyệt đối của Cộng sản Đông Đức đối với Mạc-tư-khoa đã biến nước này thành bạn đồng-minh đáng tin cậy nhất của Liên-xô cũng như Tây Đức đối với Hoa-kỳ. Về phương-diện quân sự trong khối Varsovie, các tướng lĩnh Đông Đức là những người được giới quân sự Nga xô kiêng nể nhất, cũng như trên phương diện kinh-tế, Đông Đức đã đóng vai trò trọng yếu nhất, trong khối Comecon sau Nga - xô. Nhưng trên phương diện chính - trị đối nội cũng như đối ngoại, Cộng-hòa Dân-chủ Đức đã gặp phải nhiều khó khăn đáng kể.

Trước hết trên phương - diện đối ngoại, Đông Đức đã vấp phải thuyết Hallstein ngăn chặn sự phát triển của mình trên trường quốc-tế. Thuyết này đã rất có hiệu quả cho tới những năm gần đây, lý do chính là vì Tây-Đức là một cường quốc kinh-tế có thể viện

trợ cho nhiều nước thuộc thế-giới đệ-tam. Một trong những điều - kiện để nhận viện-trợ là không được thừa nhận chế-độ Đông-Đức. Nhưng với sự lớn mạnh về kinh-tế, Đông Đức dần dần cũng trở nên một cường quốc viện-trợ. Các nước chậm tiến muốn được hưởng viện trợ đã có khả năng lựa chọn giữa 2 nước Đức.

Ngày nay ngoài 13 nước cộng sản còn có 6 nước trung-lập thừa nhận Đông Đức. Trong tương lai, với đường lối hòa dịu với phương Đông của các nhà cầm quyền mới Tây Đức, chắc chắn là thuyết Hallstein sẽ bị gạt bỏ và có thể thuyết 2 nước Đức sẽ được chấp nhận trước khi có một giải pháp thống nhất. Lúc đó Đông Đức sẽ có thể mở rộng ngoại-giao với nhiều nước trên thế-giới mà không bị Tây-Đức cản trở như trước. Vì thế cho nên các nhà cầm quyền và đảng Cộng sản Đông Đức (Đảng Dân-chủ Xã hội thống nhất) đã lộ vẻ vui mừng rõ rệt khi thấy đảng Dân-chủ Xã-hội Tây-Đức (không phải Cộng sản) lên cầm quyền. Ít nhất họ cũng nhìn thấy một viễn tượng thỏa hiệp, một con đường tiến tới thống nhất nước Đức mà tất cả mọi người Đức đều mong đợi.

Trên phương diện đối nội, Đông Đức đã gặp và sẽ còn gặp nhiều khó khăn

Trước hết cuộc nổi loạn ngày 17-6-1953 của thợ thuyền ở Bá-linh đòi tăng lương và tuyên cử tự-do. Trước sự lưỡng lự của cảnh sát, quân đội Sô-viét đã phải can thiệp và dẹp yên trong vòng mấy giờ. Kết quả chừng 20 người chết, 1500 bị kết án, 600 000 đảng viên Cộng sản bị khai trừ.

Tuy cuộc nổi loạn bị dập tắt, nhưng tiếng vang của nó đã lan tràn khắp các nước Cộng sản và gây sự bất mãn trong dân chúng Đông Đức. Vì thế mà những vụ bỏ trốn tìm tự do đã xảy ra hàng ngày suốt dọc biên thủy 2 nước Đức và giữa Đông và Tây Bá-linh (lên tới 3 triệu người ỉnh tới năm 1961). Sự kiện này làm tổn hao uy tín, sinh lực, tiền tài của Đông Đức rất nhiều, buộc các nhà cầm quyền cộng sản phải rào kín vùng biên giới, phân chia 2 miền. Máu có khối chảy thì con người mới có đủ sức làm việc.

Có thể nói là nhờ có « bức tường ô nhục » đó mà Đông Đức đã xây dựng được mau chóng nền kinh-tế của mình.

Nhưng cũng vì có bức tường đó mà các tầng lớp thanh niên mới lớn lên khao khát muốn nhìn xa hơn vào cái thế-giới mà người ta gọi là tư-bản bóc lột, mà bên phía tư-bản người ta lại xưng tụng là tự do. Trong lần kỷ-niệm thứ 20 ngày thành lập nước Cộng-hòa Dân-chủ Đức (7-10-1969), chính một số các thanh niên đó, sau một cuộc thao diễn vĩ đại, đã lần mò đến gần bức tường để phản đối chế-độ hiện tại nhưng đã bị giải tán ngay. Trong tương lai, chế-độ chính-trị quá hà khắc của Đông Đức sẽ còn kích động thanh niên nhiều hơn nữa và rất có thể có nhiều hình thức tranh đấu khác quyết liệt hơn.

Rồi với các tầng lớp lãnh đạo mới, ngai lên sau khi các nhà lãnh tụ kỳ cựu dần dần khuất bóng, chế độ chính-trị ở Đông Đức tất sẽ phải có những cởi mở hơn trước để đáp ứng những khao khát tự do của lớp thanh niên lớn lên trong kỷ luật trật - tự, dưới sự điều dắt của Đảng, mà chưa biết tự do

là gì. Những lớp người đó, được hưởng những tiện-nghĩ vật-chất do khoa-học và kỹ nghệ đem lại, sẽ còn đòi hỏi xa hơn nữa, mà các nhà lãnh đạo cộng sản không thể nào không biết tới.

Chính do sự tiến triển trong nhu cầu vật chất và tinh thần của quần chúng, chính do sự thay đổi trong giới lãnh đạo đề thích hợp với những tiến triển đó mà ta thấy trong tương lai sẽ có sự tiến lại gần nhau hơn của 2 miền nước Đức.

Hiện nay về phía Tây-Đức với việc lên nắm chính quyền của Đảng Xã-hội Dân-chủ của ông Willy Brandt, ta đã thấy rõ có sự chuyển hướng trong một tương lai gần, có lợi cho tinh thần hòa hợp dân tộc. Nhưng về phía Đông Đức, ta vẫn chưa thấy nhúc nhích. Nhà cầm quyền Đông Đức vẫn tỏ ra hết sức dè dặt và tránh né tất cả những câu hỏi của báo-chí. Nhưng chỉ riêng việc họ không có thái-độ thù nghịch với đảng Xã-hội Dân-chủ cầm quyền Tây-Đức như trước kia họ đã có đối với đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo, cũng đủ tỏ là họ có thể sẵn sàng đối thoại trong tương lai, nhất là nay họ đã ở cái thế không đến nỗi sút kém quá đối với Tây-Đức về phương diện kinh-tế xã hội. Hiện nay Đông Bá-linh đang có một loạt kiến-trúc mới gồm những nhà chọc trời và một tháp truyền-hình cao tới 300m, thay đổi hẳn bộ mặt buồn tẻ của thành-phố này, hồi mấy năm về trước. Mục đích là để tô son cho chế độ, thu hút nhiều du khách từ Tây Bá-linh sang và làm cho người dân Đông-Đức đỡ thêm muốn nhìn qua phía bên kia.

oOo

Rồi trước ý muốn mãnh liệt của quốc dân, liệu nhà cầm quyền 2 miền nước Đức có thể ngăn trở mãi một sự thống nhất đã được thực hiện từ thế-kỷ trước và đáng lẽ cũng phải thực hiện từ lâu như trường hợp Ý, Áo, Nhật sau khi Thế-chiến 2 kết liễu.

Hiện nay trong số 3 nước chia đôi, Đức quốc là nước có nhiều khả năng nhất tự mình tìm lấy con đường thống nhất, vì đã thừa sức tự lực tự cường, họ cũng có đủ sức tự mình định đoạt lấy tương lai.

Nhưng khốn thay, Đức quốc lại đứng ở vị trí then chốt của cuộc tranh chấp Đông Tây, nơi khởi phát của cuộc chiến tranh lạnh và có thể bất cứ lúc nào trở nên nguồn gốc của một cuộc Thế-chiến thứ 3 đưa nhân-loại tới chỗ diệt-vong.

Vì thế cho nên con đường thống nhất của nước Đức còn phải đi qua Mạc-tư-khoa và Hoa-thịnh-đốn. Nó còn phải trải qua nhiều khó khăn thử thách và tương lai hiện nay vẫn còn mù mịt như các nước chia đôi khác, mặc dầu hai phần nước Đức hiện nay đang do 2 Đảng đều mệnh danh là Dân-chủ Xã-hội lãnh đạo. Sự chung sống hòa bình của 2 phần nước Đức để đợi ngày tiến tới thống nhất còn tùy theo một phần lớn vào khả-năng chung sống hòa-bình của hai hệ-thống tư-tưởng và sinh-hoạt trên thế-giới do 2 siêu cường Nga Mỹ lãnh đạo.

VIỆT PHƯƠNG